

CÔNG TY TNHH TM SX SNK TIẾN THÀNH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án đầu tư

**XƯỞNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG
CHUYÊN NGHIỆP**

ĐỊA ĐIỂM: ÁP Ô TUNG A, XÃ CHÂU ĐIỀN, HUYỆN CẦU KÈ,
TỈNH TRÀ VINH



Cầu Kè, tháng 8 năm 2022

CÔNG TY TNHH TM SX SNK TIỀN THÀNH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của dự án đầu tư
**XUỞNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG
CHUYÊN NGHIỆP**

ĐỊA ĐIỂM: ÁP Ô TUNG A, XÃ CHÂU ĐIỀN, HUYỆN CẦU KÈ,
TỈNH TRÀ VINH

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH TM SX XNK
TIỀN THÀNH
GIÁM ĐỐC



PHẠM MINH SANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI
NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU HIỀN

Cầu Kè, tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	1
2. Tên dự án đầu tư.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	4
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	4
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	4
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư.....	8
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	13
Chương III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	20
1.1. Môi trường nước mặt.....	20
1.2. Môi trường không khí.....	22
1.3. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật.....	23
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	25
2.1. Điều kiện tự nhiên.....	25
2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải.....	27
3. Hiện trạng các thành phần môi trường nước mặt, không khí nơi thực hiện dự án.....	29
3.1. Hiện trạng môi trường nước mặt.....	31
3.2. Hiện trạng môi trường không khí.....	32

CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 33

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án 33
 - 1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải 33
 - 1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại 36
 - 1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 39
 - 1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, động rung 40
 - 1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác..... 43
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 44
 - 2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải 44
 - 2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 55
 - 2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: CTR sinh hoạt, CTRCN thông thường, CTNH)..... 56
 - 2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 61
 - 2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường..... 62
 - 2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi 64
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 65
 - 3.1. Danh mục công trình, kế hoạch thực hiện và tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 65
 - 3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường 66
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo. 67
 - 4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá 67
 - 4.2. Về mức độ tin cậy của các đánh giá..... 67

CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.... 69

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 69
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung..... 70

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	71
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	71
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	71
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	71
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	73
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	73
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	74
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	74
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	76

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CO	Giấy chứng nhận xuất xứ
CP	Chính phủ
CQ	Giấy chứng nhận chất lượng
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn công nghiệp
CTR	Chất thải rắn
ND	Nghị định
QA	Bảo đảm chất lượng
QC	Kiểm soát chất lượng
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	Tài nguyên và môi trường
TT	Thông tư
HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1. Tọa độ các điểm góc ranh giới của dự án	3
Bảng 2. Danh mục máy móc, thiết bị.....	6
Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước dự tính.....	7
Bảng 4. Danh mục và khối lượng vật tư sử dụng.....	8
Bảng 5. Các hạng mục xây dựng của dự án	9
Bảng 6. Các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh khu vực thực hiện dự án	13
Bảng 7. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (Ltd)	15
Bảng 8. Điều kiện lấy mẫu nước mặt kênh Tuổi Trẻ.....	16
Bảng 9. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	16
Bảng 10. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn})	17
Bảng 11. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của kênh Tuổi Trẻ.....	17
Bảng 12. Dữ liệu kết quả thử nghiệm nước mặt sông tại chợ huyện Cầu Kè năm 2021	20
Bảng 13. Dữ liệu kết quả phân tích nước mặt tại kênh Tổng Tồn.....	21
Bảng 14. Dữ liệu kết quả thử nghiệm không khí tại chợ huyện Cầu Kè năm 2021	22
Bảng 15. Tổng hợp diễn biến chất lượng nước mặt huyện Cầu Kè trong 03 năm gần nhất	27
Bảng 16. Thông tin chung về vị trí và điều kiện lấy mẫu hiện trạng môi trường nền	30
Bảng 17. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước mặt kênh Tuổi Trẻ	31
Bảng 18. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn tại khu đất thực hiện dự án.....	32
Bảng 19. Thành phần và lưu lượng của các loại nước thải phát sinh	33
Bảng 20. Thống kê dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn xây dựng	36
Bảng 21. Đặc trưng cơ bản của nguồn thải gây ô nhiễm không khí.....	39
Bảng 22. Độ ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công	40

Bảng 23.	Mức độ rung động của một số máy móc, thiết bị thi công.....	42
Bảng 24.	Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	46
Bảng 25.	Kích thước của các ngăn hầm tự hoại.....	49
Bảng 26.	Dự kiến hiệu suất xử lý của hầm tự hoại.....	49
Bảng 27.	Các công trình xây dựng dự kiến của HTXLNT sinh hoạt 20m ³ /ngày đêm	52
Bảng 28.	Các máy móc, thiết bị phụ trợ của HTXLNT sinh hoạt tập trung 20m ³ /ngày đêm.....	53
Bảng 29.	Dự báo CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án	58
Bảng 30.	Danh mục CTNH phát sinh tại dự án	60
Bảng 31.	Dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT	65
Bảng 32.	Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong báo cáo.....	68
Bảng 33.	Nội dung quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý.....	72
Bảng 34.	Chương trình quan trắc định kỳ của dự án trong giai đoạn vận hành..	73
Bảng 35.	Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động của Dự án	74

DANH MỤC HÌNH ẢNH

	Trang
Hình 1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án.....	2
Hình 2. Quy trình sản xuất của dự án.....	5
Hình 3. Sơ đồ tổng thể bố trí các hạng mục của dự án.....	10
Hình 4. Sơ đồ vị trí xả thải vào nguồn nước của dự án tại xã Châu Điền.....	19
Hình 5. Kênh Tuổi Trẻ, tháng 6/2022	29
Hình 6. Công tác thực hiện lấy mẫu môi trường nền tại dự án.....	31
Hình 7. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt giai đoạn xây dựng.....	34
Hình 8. Hiện trạng tuyến cống thoát nước mưa và hố ga đã được xây dựng	35
Hình 9. Sơ đồ tổng thể thu gom và xử lý nước mưa, nước thải của dự án.....	44
Hình 10. Chi tiết mương đặt ống thu gom và thoát nước thải	47
Hình 11. Sơ đồ quy trình vận hành của bể tự hoại	48
Hình 12. Sơ đồ quy trình xử lý của HTXLNT sinh hoạt tập trung	50
Hình 13. Mặt đứng trước nhà kho CTNH và nhà kho rác thải CN.....	61

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành

- Địa chỉ văn phòng: 12 Trương Phước Phan, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

Ông Phạm Minh Sang – Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 028.38648679 - Fax: 028.39789698

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4102058983 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM đăng ký lần đầu ngày 05/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/5/2021 (mã số doanh nghiệp 0305556458).

2. Thông tin dự án đầu tư

- **Tên dự án đầu tư: Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp.**

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0305556458-004, đăng ký lần đầu ngày 21/12/2021.

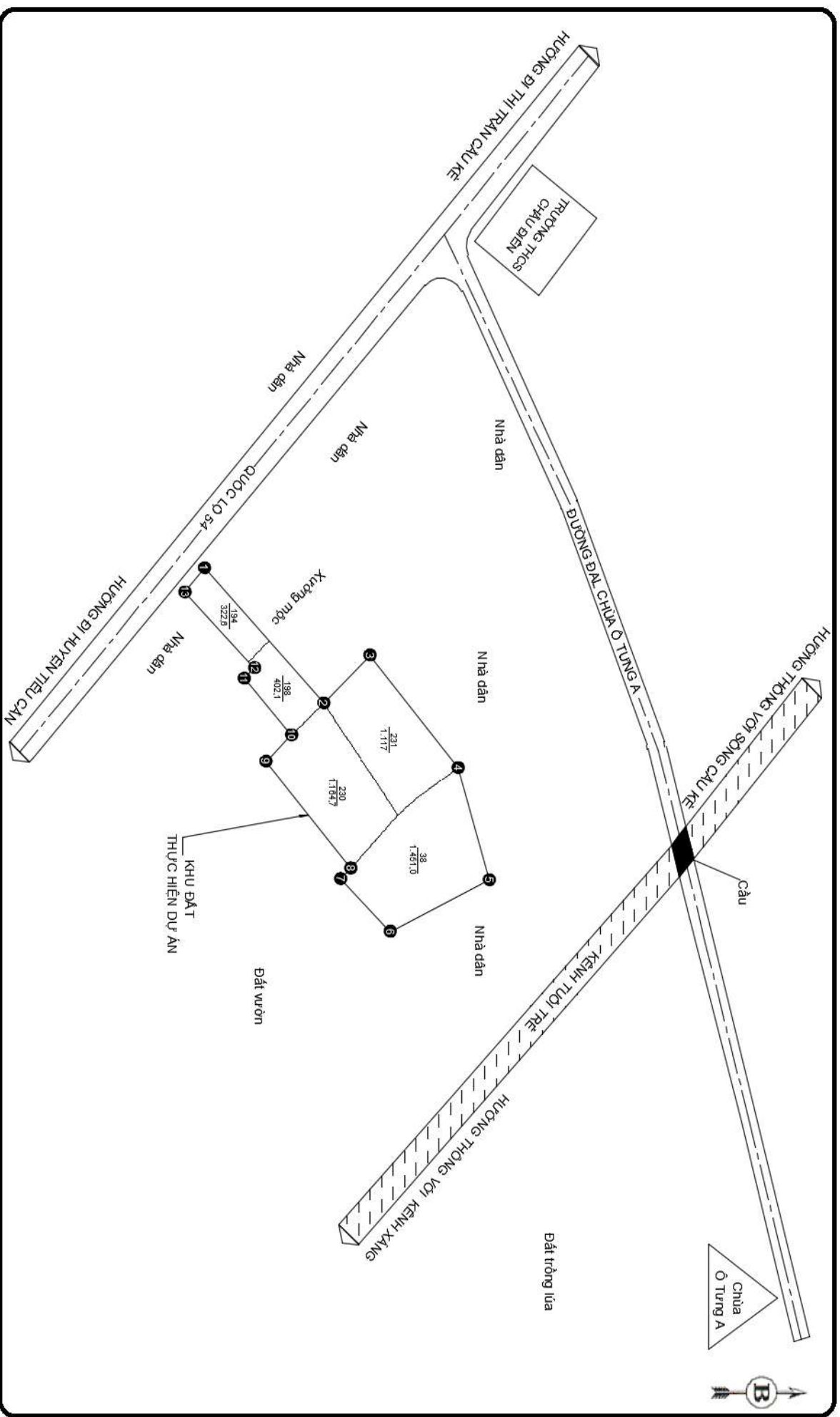
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 0986196168 Email: pmsangtienthanhinox@gmail.com

Dự án Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp được xây dựng trên thửa đất số 194, 198, 230, 231, 38 tờ bản đồ số 11 thuộc ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; với tổng diện tích đất là 4.457,40 m², cách UBND xã Châu Điền 450 m theo hướng Tây Bắc, tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông: giáp nhà dân và đất nông nghiệp;
- + Phía Tây: giáp nhà dân và xưởng mộc gia đình;
- + Phía Nam: giáp Quốc lộ 54;
- + Phía Bắc: giáp nhà dân.

Vị trí thực hiện dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án

Bảng 1. Tọa độ các điểm kếp góc ranh giới của dự án

STT	Ký hiệu điểm trên hình 1	Tọa độ VN-2000 (múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 105°30')	
		X	Y
1	Điểm 1	1090294,5	0563665,2
2	Điểm 2	1090335,8	0563709,6
3	Điểm 3	1090352,2	0563693,8
4	Điểm 4	1090382,5	0563730,9
5	Điểm 5	1090393,4	0563767,8
6	Điểm 6	1090359,2	0563784,5
7	Điểm 7	1090342,1	0563767,4
8	Điểm 8	1090345,4	0563763,8
9	Điểm 9	1090316,1	0563728,6
10	Điểm 10	1090325,0	0563720,0
11	Điểm 11	1090308,4	0563701,4
12	Điểm 12	1090312,0	0563697,9
13	Điểm 13	1090288,0	0563672,8

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, 2022)

- **Hiện trạng khu đất:** Khu đất đã được san lấp và có hàng rào tường gạch xung quanh theo ranh đất (cao 3,0m so với mặt nền hiện trạng). Vị trí khu đất nằm tại trung tâm xã Châu Điền, một mặt giáp với Quốc lộ 54 nên hệ thống hạ tầng như: giao thông, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp và thoát nước khá đầy đủ và thuận tiện.

- **Quy mô của dự án đầu tư** (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Dự án được quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 8 và khoản 3, Điều 10 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư của dự án là 14.987.603.000 đồng: thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Dự án thuộc nhóm III theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

→ Căn cứ theo Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022: Dự án thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND huyện Cầu Kè thẩm định và cấp phép.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành phối hợp cùng Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Dự án Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp để trình Ủy ban nhân dân huyện Cầu Kè phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án lựa chọn mô hình sản xuất “*sản phẩm gia dụng bằng inox*” với công suất 5.000.000 sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

- Dự án “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp” sử dụng công nghệ sản xuất bán thủ công.

- Quy trình sản xuất chi tiết như sau:

+ Nhập nguyên liệu Thép không gỉ SUS 100% được tuyển chọn đủ số lượng, kiểm tra về trạng thái, màu sắc sau đó tiến hành sản xuất.

+ Xả cắt tấm: Thép không gỉ SUS 100% được quấn cuộn lớn của nhà sản xuất đưa vào máy cắt, cắt ra từng tấm vuông nhỏ theo quy cách phù hợp với từng sản phẩm.

+ Dập phôi Oval: Từng tấm thép được cắt ra đưa vào khuôn dập phôi định hình.

+ Ép định hình: Phôi đã dập định hình đưa vào khuôn ép, dập định hình từng sản phẩm.

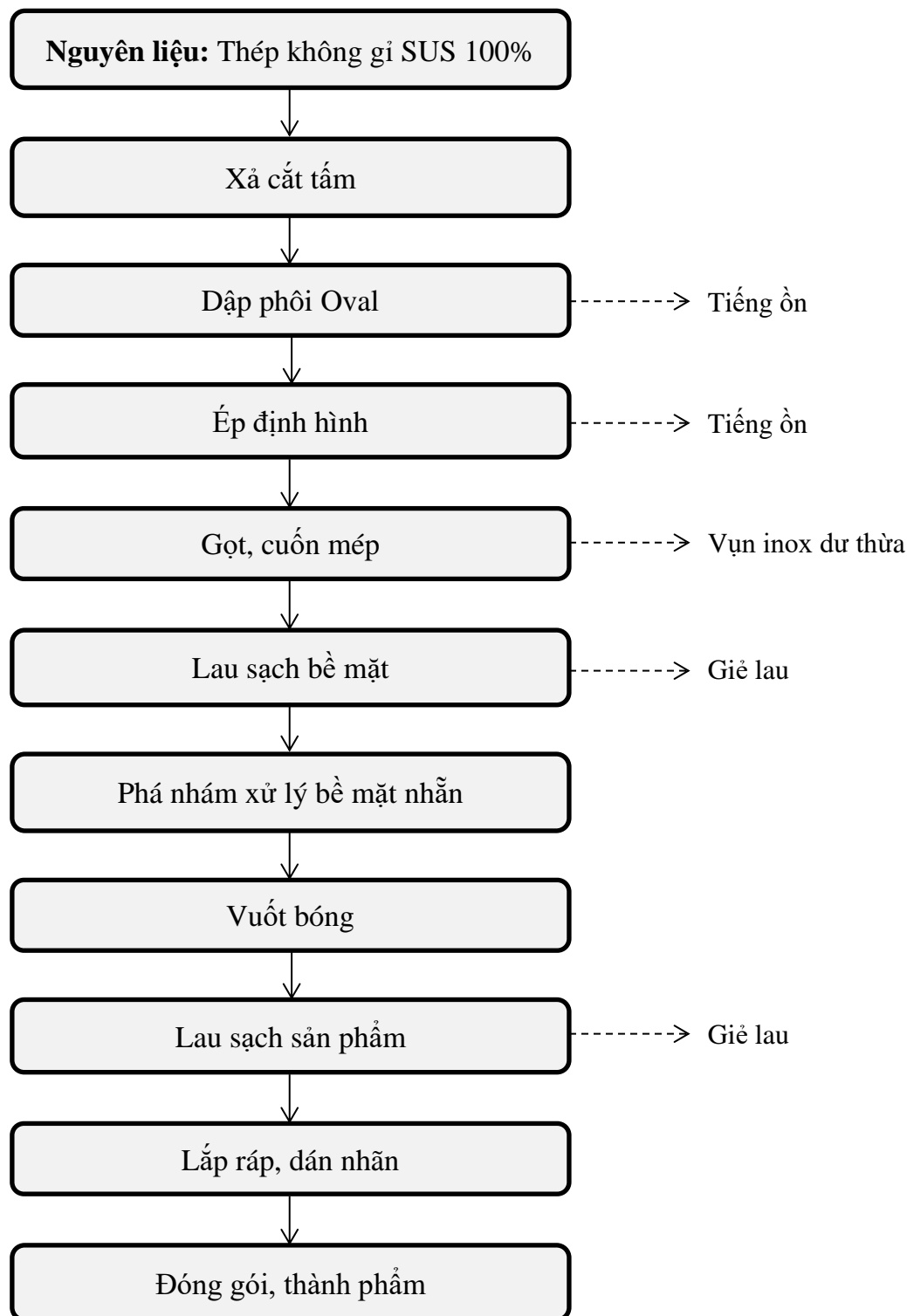
+ Gọt cuộn mép: Khi công đoạn ép dập hoàn thành được gọt cuộn những phần dư thừa cho đúng kích thước không bị bết.

+ Lau sạch bề mặt: Lau sạch sản phẩm trong ngoài (lớp dầu dừa được thoa khi ép định hình).

+ Phá nhám, xử lý bề mặt: Đưa vào vải nhám mài nhẵn do bề mặt khi vuốt bị trầy xước.

+ Vuốt bóng: Đưa vào máy đánh bóng tinh.

- + Lau sạch sản phẩm: Dùng khăn vải sạch lau thật kỹ từ trong ra ngoài lần cuối.
- + Lắp ráp: sản phẩm được lắp ráp quai.
- + Dán nhãn: sản phẩm hoàn thành được dán nhãn.
- + Đóng gói, thành phẩm: sản phẩm được kiểm tra ngày sản xuất, phân phối ra thị trường.



Hình 2. Quy trình sản xuất của dự án

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của dự án là các sản phẩm đồ gia dụng bằng inox xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Công suất 5.000.000 sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

- Nguyên liệu sản xuất: Thép không gỉ SUS 100%, khối lượng 510 tấn/năm.

- Danh mục máy móc thiết bị dự kiến của dự án như sau:

Bảng 2. Danh mục máy móc, thiết bị

STT	Tên thiết bị	Công suất (kW)	Số lượng	Tình trạng	Xuất xứ
1	Mô-tơ xả nhám	3.7	40	Mới 100%	Đài Loan
2	Mô-tơ đánh bóng	5.55	40		
3	Mô-tơ quạt hút	3.7	50		
4	Mô-tơ băng tải	3.7	10		Nhật Bản
5	Máy hàn bấm	4.0	5		
6	Máy nén khí	37	5		
7	Máy dập	10	40		Nhật Bản
8	Máy cắt	5.55	20		
9	Máy ben thủy lực	10	30		
10	Máy cuốn dây	5.5	10		Nhật Bản
11	Máy Tiện	5.5	6		
12	Máy mài phẳng	5.5	5		

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)

- Nhu cầu lao động dự kiến: 200 công nhân.

- Nguồn cung cấp điện năng:

+ Nguồn điện cung cấp lấy từ lưới điện hạ thế khu vực. Nguồn cấp điện chính là từ trạm biến áp 250KVA-22/0,4KV đã được lắp đặt trong khuôn viên dự án.

+ Căn cứ vào tổng mặt bằng hình khối cũng như quy mô của dự án và dự trữ phát triển. Thiết kế trạm biến áp 3 pha công suất 250KVA-22/0,4KV cấp vào công trình.

+ Mạch cấp điện hạ thế là loại 3 pha 4 dây + dây tiếp đất (E).

- **Chỉ tiêu cấp điện:** Chỉ tiêu cấp điện cho công nghiệp sản xuất: Chỉ tiêu cấp điện sản xuất dự tính là 140kW/ha (Nguồn: QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng). Như vậy, nhu cầu dùng điện tính toán khoảng 499,2 kWh/ngày.

- **Nguồn cung cấp nước:**

+ Nguồn nước cấp được lấy từ mạng lưới nước thủy cục của khu vực, được tính theo lưu lượng nước sử dụng lớn nhất của các thiết bị dùng nước trong công trình. Lưu lượng này được tính theo tổng đương lượng cấp nước của tất cả các thiết bị dùng nước trong công trình.

+ Cấp nước sinh hoạt: Nước sạch từ bể nước ngầm được bơm lên bồn inox đặt trên mái. Nước từ bồn nước mái cấp đến các khu nhà vệ sinh, đến các thiết bị dùng nước. Đường ống cấp nước lên bồn bằng ống HDPE, cấp nước trong nhà bằng ống nhựa PPR. Cấp nước trong nhà theo mạng hình cây. Các khu WC đều có van khóa chế.

+ Bồn nước trên mái là loại bồn nằm có dung tích 1.000 lít.

+ Máy bơm cấp nước bao gồm 01 bơm điện.

+ Từ hệ thống nước sạch của khu vực, kích thước ống cấp nước vào bể nhu cầu dùng nước đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt.

- **Chỉ tiêu cấp nước:**

Nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy bao gồm: Nước phục vụ sinh hoạt của cán bộ công nhân, nước tưới cây, rửa đường, nước chữa cháy,... Với nhu cầu cụ thể được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3. Nhu cầu sử dụng nước dự tính

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Tiêu chuẩn dùng nước	Lượng nước (m ³ /ngày.đêm)
I	Nhu cầu sử dụng nước hàng ngày			19,98
1	Nước sinh hoạt	200 người	80 lít/người.ngày ^(*)	16,0
2	Nước tưới cây	549,74 m ²	3,0 lít/m ²	1,65
3	Nước rửa đường	1.817,04 m ²	0,4 lít/m ²	0,73
4	Nước dự phòng	-	10%*Q _{Sh}	1,6

STT	Mục đích sử dụng	Quy mô	Tiêu chuẩn dùng nước	Lượng nước (m ³ /ngày.đêm)
II	Nhu cầu nước dự trữ PCCC			165

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)

Ghi chú: (*) - Theo : QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Hóa chất sử dụng:

+ Hóa chất tẩy rửa khu vực văn phòng; hóa chất khử trùng nước thải; chất tẩy rửa, vệ sinh bồn cầu, sàn nhà. Cụ thể: Hóa chất rửa bồn cầu nhu cầu khoảng 0,2 lít/tháng, hóa chất lau sàn nhu cầu khoảng 1 lít/tháng). Các loại hóa chất này khi được sử dụng sẽ lựa chọn thương hiệu uy tín như Vim, Gift, Duck,...

+ Hóa chất sử dụng cho HTXLNT sinh hoạt tập trung (bể khử trùng): 0,5kg Clorine/tháng.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

- **Đơn vị thi công:** Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Mai Phương. Thời gian thi công xây dựng dự kiến: 02 tháng.

- **Thông tin về nguyên, vật liệu giai đoạn xây dựng:** Nguyên, vật liệu được sử dụng trong giai đoạn xây dựng dự án được mua từ các cơ sở cung cấp vật tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, danh mục và khối lượng chi tiết như sau:

Bảng 4. Danh mục và khối lượng vật tư sử dụng

STT	Loại vật tư	Khối lượng sử dụng
1	Cát san lấp mặt bằng	7.500 m ³
2	Cát to xây tô và đổ bê tông	1.200 m ³
3	Đá 5 x 7	400 m ³
4	Đá 1 x 2	1.600 m ³
5	Gạch ống 4 lỗ (8 x 18)	144.000 viên
6	Xi măng Tây Đô bao 50kg	3.800 bao
7	Thép đổ bê tông	11.400 kg
8	Xà gỗ thép hộp 40 x 80	242 cây ~ 3.400 kg
9	Tole lợp nóc xưởng	1.754 m ²

(Nguồn: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Mai Phương, 2022)

- **Đơn vị tư vấn thiết kế:** Trung tâm Giám định chất lượng Xây dựng.

- **Giải pháp về kiến trúc:**

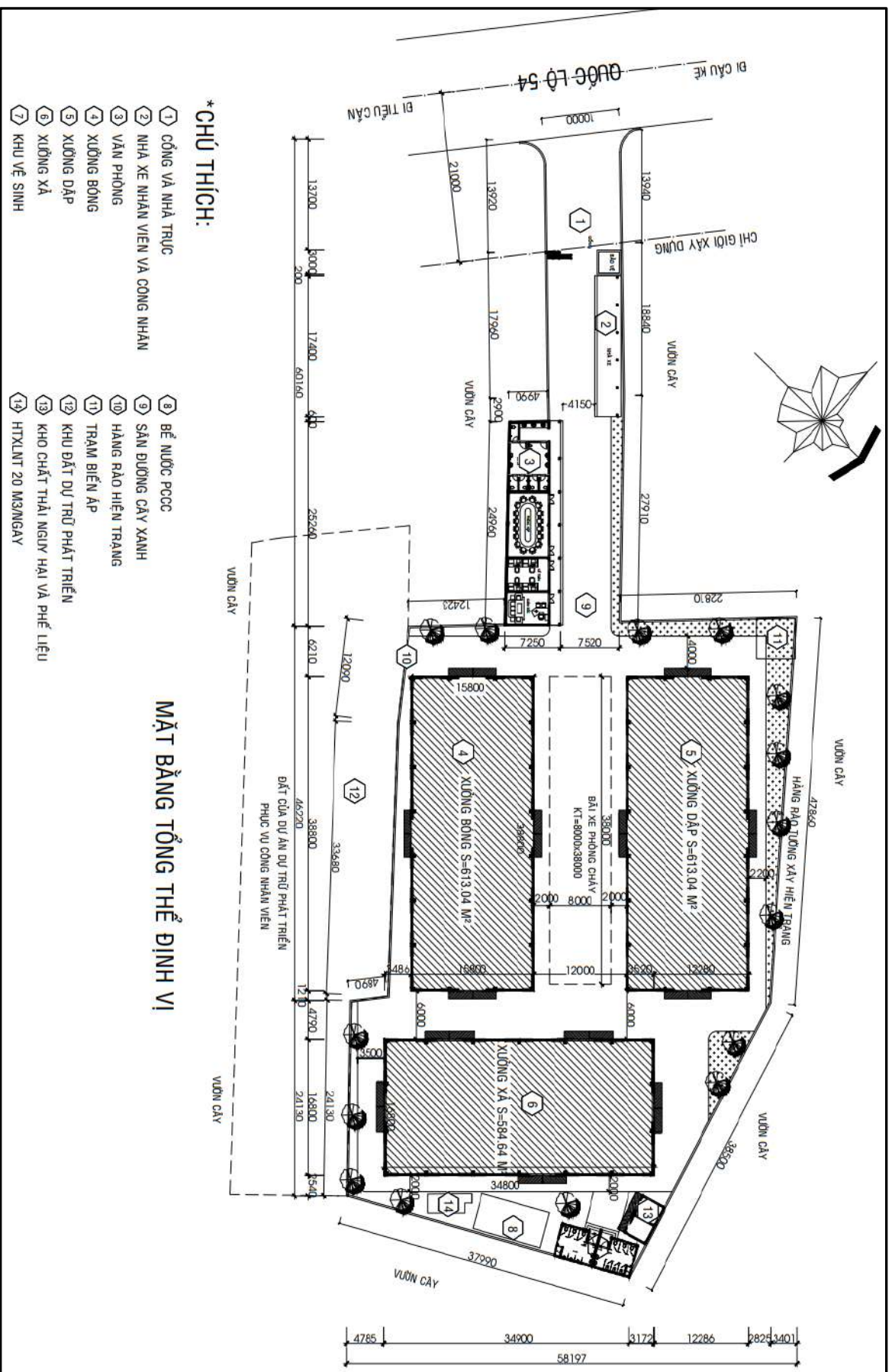
+ Quy hoạch tổng mặt bằng: Đến tháng 7/2022, hiện trạng khu đất đã được san lấp mặt bằng và có hàng rào kiên cố bao quanh ranh đất. Tổng thể công trình được bố trí hài hoà, đảm bảo các tiêu chí về công năng, tính thẩm mỹ cũng như các yêu cầu về an toàn phòng, chống cháy, nổ. Phù hợp với cảnh quan chung của khu vực, đảm bảo tính chất của công trình, đủ yếu tố điểm nhấn trong kiến trúc cảnh quan chung.

+ Loại, cấp công trình: Công trình Công nghiệp, cấp III. Danh mục và quy mô công trình:

Bảng 5. Các hạng mục xây dựng của dự án

STT	CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH (M ²)	TỈ LỆ
A	KHU ĐẤT	4.457,40	100%
B	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHÍNH	2.090,62	46,9%
1	Xưởng dập	613,04	
2	Xưởng bóng	613,04	
3	Xưởng xả	584,64	
4	Văn Phòng	175,86	
5	Nhà trực	9,00	
6	Nhà Vệ Sinh	42,84	
7	Nhà Xe	52,20	
C	SÂN ĐƯỜNG + VĨA HÈ	1.817,04	40,8%
D	CÂY XANH	509,74	10,43%
E	CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ VÀ BVMT	83,5	1,87%
1	Bể PCCC	40,50	
2	Trạm Biến Áp	3,00	
3	Nhà Kho chất thải nguy hại	7,5	
4	Nhà kho rác thải công nghiệp (phế liệu)	7,5	
5	HTXLNT sinh hoạt (đặt ngầm)	25,0	

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)



*** CHÚ THÍCH:**

- ① Cổng và Nhà Trục
- ② Nhà Xe Nhân Viên và Công Nhân
- ③ Văn Phòng
- ④ Xưởng Bông
- ⑤ Xưởng Dập
- ⑥ Xưởng Xà
- ⑦ Khu Vệ Sinh
- ⑧ Bể Nước PCCC
- ⑨ Sân Đường Cây Xanh
- ⑩ Hàng Rào Hiện Trạng
- ⑪ Trạm Biến Áp
- ⑫ Khu Đất Dự Trữ Phát Triển
- ⑬ Kho Chất Thải Nguy Hại và Phế Liệu
- ⑭ HTXLNT 20 M³/NGAY

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐỊNH VỊ

Hình 3. Sơ đồ tổng thể bố trí các hạng mục của dự án

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: hệ thống điện mạng ngoài; hệ thống điện nhẹ; hệ thống cấp, thoát nước mạng ngoài; hệ thống điều hòa không khí; hệ thống PCCC và chống sét; trạm biến áp.

+ Kiến trúc đảm bảo tính hài hoà về hình khối, phù hợp với tính chất, công năng, ý nghĩa của công trình. Mật độ xây dựng đảm bảo đáp ứng TCVN về công trình công cộng, vấn đề tổ chức không gian cây xanh, kết hợp đường đi nội bộ và sân vườn, các sân thể thao cũng được bố trí chặt chẽ. Đặc biệt chú trọng lối giao thông đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy.

- Mục tiêu đầu tư xây dựng:

+ Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành đầu tư xây dựng mới xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp nhằm sản xuất ra một lượng lớn sản phẩm gia dụng bằng thép không gỉ (Inox) với công nghệ tiên tiến, đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao trong sản xuất, thân thiện với môi trường.

+ Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp đi vào hoạt động nhằm tìm kiếm được lợi nhuận cho nhà đầu tư cũng như góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, tạo được nhiều sản phẩm cho thị trường. Đồng thời hoạt động của nhà máy sẽ góp phần tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh.

+ Phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cầu Kè, nhiệm kỳ 2020-2025; cùng với đó là thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao. Đề nâng cao hiệu quả trong mời gọi, thu hút doanh đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ - thương mại gắn với nông nghiệp là thế mạnh của huyện, Cầu Kè đã xây dựng các kế hoạch trung và dài hạn để tạo ra những đột phá nhằm tạo “điểm nhấn” để thu hút doanh nghiệp đến đầu tư.

- Mục đích đầu tư:

+ Đáp ứng nhu cầu thị trường về hàng gia dụng bằng inox.

+ Tạo việc làm và nâng cao mức sống cho lao động địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội tỉnh Trà Vinh.

+ Đạt được mục tiêu lợi nhuận cho doanh nghiệp.

- Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

- Hình thức quản lý: Chủ dự án trực tiếp quản lý dự án thông qua Ban Quản lý dự án do chủ dự án thành lập.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó tại khoản 2 – Mục III – Điều 1 thể hiện: Phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên như công nghiệp dược, chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp điện tử, **cơ khí chế tạo**, đóng và sửa chữa tàu, vật liệu xây dựng, giày da,..

- Dự án đầu tư phù hợp với Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2025.

- Về quy hoạch sử dụng đất: Vị trí dự án không nằm trong quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng của tỉnh Trà Vinh và huyện Cầu Kè đến năm 2030. Phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Cầu Kè theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Cầu Kè theo Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh.

- Hiện nay, tại khu vực hoạt động của dự án chưa có quy hoạch phân vùng môi trường nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường. Tuy nhiên, nước thải phát sinh tại dự án sẽ được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là kênh Tuổi Trẻ (kênh cấp III nội đồng) (không được dùng cho mục đích sinh hoạt). Do đó, dự án hoạt động phù hợp với các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước nguồn tiếp nhận.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh cách ranh giới dự án khoảng 2,0 km: Dự án Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp có mặt tiền nằm cặp quốc lộ 54, tuyến Quốc lộ Trà Cú - Tiểu Cần - Cầu Kè. Dự án nằm cách Trường THCS Châu Điền 200 m, Trường Tiểu học Châu Điền A khoảng 350 m, UBND xã Châu Điền 450m theo hướng Tây Bắc; cách Chùa Ô Tung khoảng 600m, cách kênh Tuổi Trẻ (kênh cấp III nội đồng) khoảng 60 m theo hướng Bắc.

Bảng 6. Các đối tượng kinh tế - xã hội xung quanh khu vực thực hiện dự án

Stt	Đối tượng	Khoảng cách	Hướng
I	Trong phạm vi bán kính dưới 1.000m		
1	Trường THCS Châu Điền	200m	Tây Bắc
2	UBND xã Châu Điền	450m	Tây Bắc
3	Trường Tiểu học Châu Điền A	350m	Tây Bắc
4	Trạm biến thế 110kV Cầu Kè	570m	Tây Bắc
5	Cây xăng Trường Long	660m	Tây Bắc
6	Chùa Ô Tung	600m	Bắc
II	Trong phạm vi bán kính trên 1.000m và dưới 2.000m		
1	Cây xăng Phong Phú Oil	1.100m	Đông
2	Vật liệu xây dựng Ba Vũ	1.400m	Đông
3	Cầu Phong Phú	1.500m	Đông
4	Trường THCS Phong Phú	1.600m	Đông Nam

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

Trong phạm vi bán kính khoảng 2,0 km xung quanh dự án chủ yếu là vùng sản xuất nông nghiệp, bao gồm đất trồng lúa nước, đất trồng cây hoa màu và đất trồng cây lâu năm, một số cơ sở sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ, trong khu vực không có các công trình trọng điểm như: khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử, văn hóa, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí,...

2. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

Chất thải phát sinh của dự án chủ yếu là nước thải, không phát sinh bụi và khí thải. Vì thế, báo cáo xây dựng nội dung đánh giá sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của dự án). Cụ thể như sau:

- Cơ sở lựa chọn và sự phù hợp của nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Cách dự án 60m về hướng Bắc là kênh Tuổi Trẻ - kênh nội đồng (cấp III), chiều rộng trung bình từ 6-8m, chiều rộng đáy kênh khoảng 4,0m, độ sâu mực nước trung bình 2,0-2,5m.

+ Chọn kênh Tuổi Trẻ làm nguồn tiếp nhận vì kênh gần dự án, tiếp giáp với phần đất dự trữ của dự án, nguồn nước phần lớn được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, khi đó nước thải của dự án sẽ không ảnh hưởng lớn đến mục đích sử dụng nước của kênh.

Kênh Tuổi Trẻ nối liền với sông Cầu Kè và kênh Xáng, có khả năng tiêu thoát nước lớn. Lưu lượng dòng chảy thiết kế của Kênh Tuổi Trẻ là $7,26 \text{ m}^3/\text{s}$, lựa chọn theo TCVN 4118:2021 - Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế. Trong khi đó lưu lượng xả nước thải lớn nhất của dự án theo tính toán là $16 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (tương đương $0,000185 \text{ m}^3/\text{s}$), rất nhỏ so với lưu lượng của kênh Tuổi Trẻ. Bên cạnh đó, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, áp dụng hệ số $K=1,2$). Do đó, việc xả thải của dự án không ảnh hưởng lớn đến lưu lượng, chất lượng cũng như mục đích sử dụng nguồn nước tiếp nhận.

- Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước cụ thể như sau:

+ Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: COD, BOD_5 , NH_4^+-N và tổng dầu, mỡ (thông số đặc trưng của nước thải sinh hoạt).

+ Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá là đoạn kênh Tuổi Trẻ (kênh cấp III nội đồng), qua điều tra khảo sát không có các nguồn thải trực tiếp vào đoạn kênh nên theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá trực tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

✚ Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là kênh Tuổi Trẻ (kênh cấp III nội đồng) bằng phương pháp đánh giá trực tiếp cụ thể được trình bày qua các bước như sau:

(1) Công thức đánh giá: $L_{tm} = (L_{td} - L_{mn}) \times F_s$. Trong đó:

L_{tm} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là $\text{kg}/\text{ngày}$;

L_{td} : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là $\text{kg}/\text{ngày}$;

L_{nn} : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, đơn vị tính là kg/ngày;

F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại Khoản 2 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(2) Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$;

C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁.

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 7. Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

STT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	COD	30	7,26	86,4	18.818
2	BOD ₅	15	7,26	86,4	9.409
3	NH ₄ ⁺ -N	0,9	7,26	86,4	565
4	Tổng dầu, mỡ	1	7,26	86,4	627

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, 2022)

(3) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

- Công thức xác định: $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$; Trong đó:

+ C_{nn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước kênh Tuổi Trẻ. Chủ dự án đã phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (đơn vị tư vấn) tiến hành lấy và thử nghiệm 03 mẫu nước mặt kênh Tuổi Trẻ.

+ Vị trí lấy mẫu nước mặt phục vụ đánh giá khả năng tiếp nhận của đoạn kênh: Nước mặt kênh Tuổi Trẻ tại vị trí tiếp nhận nước thải của dự án.

+ Thời gian và điều kiện lấy mẫu cụ thể như sau:

Bảng 8. Điều kiện lấy mẫu nước mặt kênh Tuổi Trẻ

STT	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
1	Lần 1: 24/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-2)	- Lấy mẫu lúc: 14 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng; - Mẫu nước đục, ít cặn.
2	Lần 2: 27/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-4)	- Lấy mẫu lúc: 09 giờ 30 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng. - Mẫu nước đục.
3	Lần 3: 19/4/2022 (Mã số mẫu: 077/22-6)	- Lấy mẫu lúc: 11 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước lớn. - Mẫu nước đục, ít cặn

(Nguồn: Biên bản lấy mẫu số 077/22/TTKT của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

+ Kết quả thử nghiệm 03 mẫu nước mặt như sau:

Bảng 9. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	COD	mg/L	17	18	7	14,00
2	BOD ₅	mg/L	2,1	2,6	2,4	2,37

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp”

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Kết quả trung bình
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,16	0,09	0,26	0,17
4	Tổng dầu, mỡ	mg/L	0,5	0,3	0,4	0,40

(Nguồn: Các phiếu KQTN số 22393/KQTN-TTKT, 22394/KQTN-TTKT và 22395/KQTN-TTKT ngày 13/7/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường)

- Như vậy, giá trị của C_{mn} được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 03 mẫu nước mặt. Vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 10. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn})

STT	Thông số	C _{mn} mg/l	Q _s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L _{mn} (kg/ngày)
1	COD	14,00	7,26	86,4	8.781,70
2	BOD ₅	2,37	7,26	86,4	1.484,52
3	NH ₄ ⁺ -N	0,17	7,26	86,4	106,63
4	Tổng dầu, mỡ	0,40	7,26	86,4	250,91

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, 2022)

- Từ đó, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là kênh Tuổi Trẻ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của kênh Tuổi Trẻ

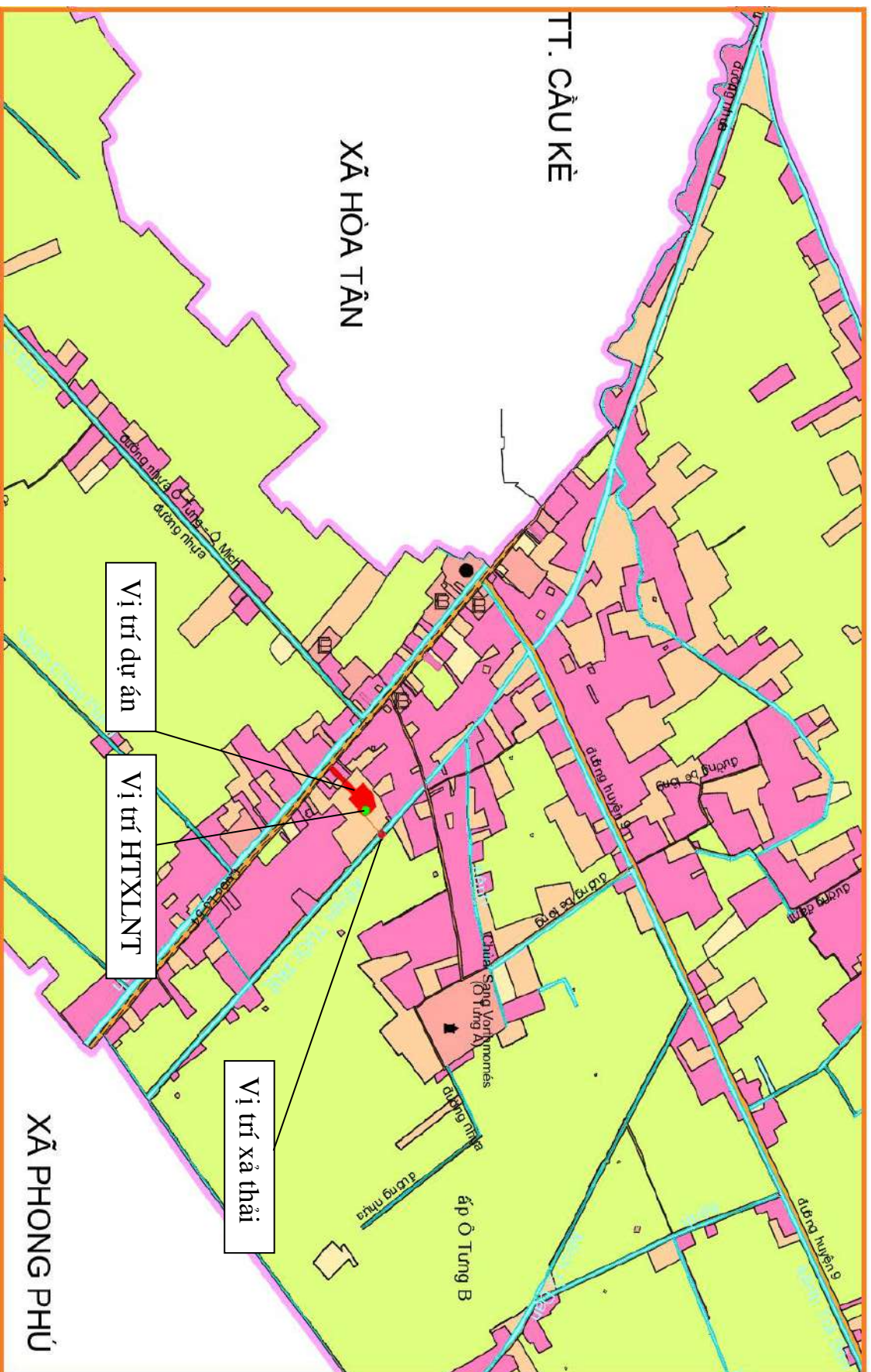
STT	Thông số	L _{td}	L _{mn}	F _s	L _{tn} = (L _{td} - L _{mn}) x F _s
1	COD	18.821	8.781,70	0,7	7.026,36
2	BOD ₅	9.410	1.484,52	0,7	5.547,90
3	NH ₄ ⁺ -N	565	106,63	0,7	320,58

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp”

STT	Thông số	L_{td}	L_{mn}	F_S	$L_{tn} = (L_{td} - L_{mn}) \times F_S$
4	Tổng dầu, mỡ	627	250,91	0,7	263,49

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, 2022)

Nhận xét: Căn cứ vào bảng trên, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đặc trưng đều có giá trị $L_{tn} > 0$, từ đó có thể kết luận nguồn nước mặt kênh Tuổi Trẻ có khả năng tiếp nhận 04/04 chỉ tiêu đặc trưng được đánh giá của nước thải.



Hình 4. Sơ đồ vị trí xả thải vào nguồn nước của dự án tại xã Châu Diên

Chương III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

Chất lượng các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án:

1.1. Môi trường nước mặt

- Theo báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021, trên địa bàn huyện Cầu Kè thực hiện lấy mẫu nước mặt tại 02 vị trí là: Sông tại chợ huyện Cầu Kè (NM7) và Sông Hậu tại xã Hòa Tân (NM9). Trong đó, điểm lấy mẫu Sông tại chợ huyện Cầu Kè (NM7) cách điểm đầu của kênh Tuổi Trẻ (nguồn tiếp nhận nước mặt của dự án) 900 m theo hướng thượng nguồn.

Kết quả thử nghiệm 04 đợt năm 2021 cho thấy phần lớn các thông số quan trắc có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B₁), ngoài ra có 03/12 thông số tại các đợt quan trắc còn vượt giới hạn cho phép như: DO, TSS và Coliform. Cụ thể:

+ TSS vượt nhẹ quy chuẩn từ 1,23 – 1,51 lần vào đợt 2 và đợt 3. Tuy nhiên giá trị TSS trung bình năm 2021 vẫn nằm trong giới hạn cho phép.

+ DO không đạt giá trị tối thiểu cho phép tại 03/04 đợt quan trắc trong năm 2021.

+ Coliform vượt quy chuẩn từ 3,2 – 124 lần trong cả 04 đợt quan trắc.

Bảng 12. Dữ liệu kết quả thử nghiệm nước mặt sông tại chợ huyện Cầu Kè năm 2021

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08-MT: 2015/BTNMT
1	pH	-	7,29	7,67	6,95	7,15	7,27	5,5-9
2	DO	mg/L	3,87	3,64	2,71	4,06	3,57	≥4
3	TSS	mg/L	16,8	61,7	75,6	44,7	49,7	50
4	COD	mg/L	12	10	9	12	11	30
5	BOD ₅	mg/L	3,2	3,1	3,3	1,9	2,9	15

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp”

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 08-MT: 2015/ BTNMT
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,04	0,04	0,08	0,14	0,08	0,9
7	Cl ⁻	mg/L	19,3	25,8	11,7	15,1	18,0	350
8	NO ₂ ⁻ -N	mg/L	0,003	0,004	0,004	0,007	0,004	0,05
9	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,166	0,707	0,299	0,314	0,372	10
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	0,031	0,048	0,054	0,120	0,063	0,3
11	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH	0,5	KPH	KPH	0,35	1
12	Coliform	MPN/ 100ml	4,3.10⁴	9,3.10⁵	2,4.10⁵	2,4.10⁴	309.250	7.500

(Nguồn: Bảng 3.11 thuộc Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

- Tham khảo báo cáo ĐTM của HTX Nông nghiệp Tân Hiệp được phê duyệt năm 2021, kết quả phân tích mẫu chất lượng nước mặt tại kênh Tổng Tôn - đoạn phía trước chùa Phô Thum, cách điểm đầu của kênh Tuổi Trẻ 1.200 m. Thực hiện lấy mẫu 03 đợt (vào các ngày 20/4/2021, 29/4/2021 và 04/5/2021), kết quả như sau:

Bảng 13. Dữ liệu kết quả phân tích nước mặt tại kênh Tổng Tôn

STT	Đợt	Chỉ tiêu								
		pH	DO	TSS	BOD ₅	NO ₃ ⁻	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	Tổng dầu mỡ	Coliform
		-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml
1	Đợt 1	6,50	3,62	26,00	15,00	KPH	0,14	0,17	KPH	1.200
2	Đợt 2	6,22	3,40	22,00	10,00	KPH	0,15	0,16	KPH	1.100
3	Đợt 3	6,68	3,30	15,00	9,00	KPH	0,13	1,50	KPH	900
QCVN 08-MT: 2015		5,5 - 9,0	≥4	50	15	10	0,3	0,9	1	7.500

- Chất lượng nước mặt tại kênh Tổng Tồn tương đối tốt, chỉ có 02/09 chỉ tiêu không đạt so với QCVN 08-MT:2015, bao gồm: DO (không đạt giá trị tối thiểu cho phép tại 03/03 đợt quan trắc) và NH_4^+ (vượt 1,67 lần so với giới hạn cho phép vào đợt 03).

→ Như vậy, dữ liệu quan trắc cho thấy, môi trường nước mặt tại khu vực thực hiện dự án vẫn còn tương đối tốt.

1.2. Môi trường không khí

- Theo báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021, trên địa bàn huyện Cầu Kè thực hiện lấy mẫu không khí tại 02 vị trí là: Chợ Cầu Kè (QL 54 – Thị trấn Cầu Kè) (K20) và Khu vực gần CCN Phong Phú (K21). Trong đó, điểm lấy mẫu Chợ Cầu Kè (K20) có vị trí địa lý gần dự án (cách 3,1 km về hướng Tây).

Kết quả thử nghiệm 04 đợt năm 2021 cho thấy có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

Bảng 14. Dữ liệu kết quả thử nghiệm không khí tại chợ huyện Cầu Kè năm 2021

STT	Đợt quan trắc	Thông số							
		Tiếng ồn	Bụi lơ lửng	SO ₂	NO ₂	CO	O ₃	Pb	HC
		dBA	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³
1	Đợt 1	62,7	182	KPH	11	5.550	15	KPH	KPH
2	Đợt 2	61,3	91	21	KPH	13.568	KPH	0,049	182,8
3	Đợt 3	62,2	144	KPH	10	5.810	12	KPH	KPH
4	Đợt 4	67,6	99	KPH	9	6.285	25	KPH	KPH
Giới hạn cho phép		70*	300	350	200	30.000	200	-	5.000**

(Nguồn: Bảng 3.47 thuộc Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;

- Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- Giá trị (**) áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

- Như vậy, năm 2021 chưa có dấu hiệu ô nhiễm không khí tại khu vực thực hiện dự án.

1.3. Dữ liệu về tài nguyên sinh vật

Huyện Cầu Kè hiện có khoảng 108,20 ha diện tích đất rừng phòng hộ, đạt tỷ lệ che phủ 0,44% (Nguồn: Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh về công bố hiện trạng rừng tỉnh Trà Vinh năm 2019). Theo Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm tỉnh Trà Vinh (2016-2020), dữ liệu về tài nguyên sinh vật như sau:

1.3.1. Đa dạng hệ thực vật

- Hệ thực vật trên cạn:

+ Thực vật thân thảo: Thực vật thân thảo chiếm tỷ lệ khá cao, do địa hình đồng bằng nên các loài thân thảo phân bố rộng từ các bãi đất hoang đến các khu vực canh tác của người dân. Thảo thực vật thân thảo trên cạn có 107 loài thuộc 81 chi thuộc 31 họ thuộc 2 ngành thực vật có mạch (bí tử và khuyết thực vật). Cụ thể gồm 01 loài thuộc ngành Dương xỉ và 106 loài thuộc ngành Ngọc lan chia làm 2 lớp Ngọc lan Magnoliopsida (hai lá mầm) và lớp Lan huệ Liliopsida (một lá mầm).

+ Thực vật thân gỗ: Hệ thực vật thân gỗ trên cạn tại huyện Cầu Kè nói riêng và tỉnh Trà Vinh nói chung chỉ tập trung trong vài họ phổ biến và cũng thường gặp trên các tỉnh khác của miền Tây Nam bộ. Thảo thực vật thân gỗ trên cạn xác định được 74 loài thuộc 62 chi thuộc 32 họ thuộc 1 ngành thực vật có mạch (bí tử). Cụ thể gồm 72 loài thuộc lớp Ngọc lan Magnoliopsida (hai lá mầm) và 2 loài thuộc lớp Lan huệ Liliopsida (một lá mầm).

- Hệ thực vật thủy sinh: Thành phần các loài tảo ghi nhận được ở các thủy vực tỉnh Trà Vinh có tổng cộng 147 loài thuộc 50 chi, 25 họ, 6 bộ thuộc ngành Khuê tảo và Tảo lam.

+ Ngành Khuê tảo: có thành phần đa dạng và phong phú, có 101 loài, 35 giống, 15 họ, 2 bộ. Trong số Khuê tảo ghi nhận được tại một số thủy vực tỉnh Trà Vinh, chiếm ưu thế là bộ Centrales với 59 loài, còn lại là bộ Pennales với 42 loài. Họ Coscinodiscaceae chiếm ưu thế với 23% tổng số loài, tiếp đến là họ Naviculaceae với 19%. Ít nhất là các họ Skeletonemaceae, Leptocylindraceae,

Corethronaceae chiếm 1% và các họ Thalassiraceae, Bacteriastreae, Eucampiaceae chiếm 2% ở mỗi họ.

+ Ngành Tảo lam: có thành phần đa dạng và phong phú, đến 46 loài, 15 giống, 9 họ, 4 bộ. Trong số Tảo lam chiếm ưu thế là bộ Oscillatoriales với 18 loài, còn lại là bộ Noctoscales với 12 loài, bộ Chroococcales với 11 loài, bộ Synechococcales với 5 loài. Họ Oscillatoriaceae chiếm ưu thế với 39% tổng số loài, tiếp đến là họ Microcystaceae với 18%. Ít nhất là họ Pseudanabaenaceae và Aphanothecaceae chiếm 2%.

1.3.1. Đa dạng hệ động vật

- Hệ động vật có xương sống:

+ Đa dạng hệ cá: Cá nước ngọt nội địa, cửa sông và biển thuộc tỉnh Trà Vinh cho đến thời điểm này ghi nhận được gồm 386 loài cá, thuộc 101 họ, 50 bộ. Trong đó, họ cá Bống Trắng (Gobiidae) có số loài phong phú nhất với 43 loài (42,57%), tiếp theo là họ cá Khê (Carangidae) với 20 loài (19,8%), họ cá Trống (Engraulidae) với 16 loài (15,84%), họ cá Chép với 15 loài (14,85%), họ cá Lưỡi Trâu (Cynoglossidae) với 13 loài (12,87%), họ cá Bơn (Soleidae) với 12 loài (11,88%), họ cá Bống Đen với 11 loài (10,89%), họ cá Đù (Sciaenidae) và họ cá Úc (Ariidae) có 10 loài (9,9%), họ cá Trích (Clupeidae) có 9 loài (8,9%).

+ Đa dạng hệ lưỡng cư: Có 9 loài được ghi nhận, gồm Cóc nước sần (*Occidozyga lima*), Éch cây (*Polypedates macrocephalus*), Éch đồng (*Hoplobatrachus rugulosus*), Ếnh ương (*Kaloula pulchra*) Cóc nhà (*Duttaphrynus melanostictus*).

+ Đa dạng hệ bò sát: Có 30 loài bò sát được tìm thấy, bao gồm Trăn đất hay Trăn đen (*Python molorus*, thuộc họ Pythonidae), Rùa đen, Rùa ruộng (*Malayemys subtrijuga*, thuộc họ Emydidae), Cua đỉnh (*Amyda cartilaginea*, thuộc họ Trionychidae).

+ Đa dạng hệ chim-thú: Vô cùng phong phú và đa dạng gồm 159 loài chim thuộc 49 họ. Trong đó, có 72 loài chim nước theo cách phân loại của Công ước Ramsar, tuy nhiên có 24 loài được xác định là những loài “phụ thuộc vào đất ngập nước” (bao gồm Bồng chanh *Alcedo atthis*, Bói cá *Ceryle rudis* và một số loài thuộc bộ Sẻ như các loài Chích *Acrocephalus* spp.).

Các loài Thú ghi nhận gồm có 15 loài thú thuộc 8 họ, đa phần thuộc Bộ Gặm nhấm (Rodentia), Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*).

- Hệ động vật không xương sống:

+ Trên cạn: Hệ động vật không xương sống trên cạn: có 53 loài trong 08 họ bướm (Lepidoptera: Rhopalocera). Trong đó, họ Amathusiidae (1 loài), họ

Danaidae (11 loài), họ Hesperidae (2 loài), Lycaenidae (3 loài), họ Nymphalidae (15 loài), họ Papilionidae (7 loài), họ Pieridae (11 loài) và họ Satyridae (3 loài).

+ Hệ động vật đáy không xương sống: gồm 171 loài thuộc các nhóm: Giun nhiều tơ Polychaeta 20 loài, Sipunculida 01 loài, Giáp xác Crustacea 69 loài, hai mảnh vỏ Bivalvia 40 loài, Chân bụng Gastropoda 30 loài, Chân đầu Cephalopoda 10 loài và Echinodermata 01 loài. Một số nhóm động vật đáy không xương sống có giá trị kinh tế như: Nghêu (*Meretrix lyrata*), Sò huyết (*Anadata granosa*), tôm, cua.

+ Phiêu sinh động vật: ghi nhận được 36 loài thuộc 31 giống, 19 họ, 12 bộ, 08 lớp và 06 ngành. Trong đó: ngành Euglenophyta có 01 loài, ngành Cnidaria có 02 loài, ngành Rotifera có 09 loài, lớp Branchiopoda có 09 loài, lớp Maxillopodacó 10 loài, lớp Ostracoda có 02 loài, lớp Malacostraca có 02 loài, ấu trùng Nauplius có 01 loài.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

2.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Cầu Kè mang tính chất chung của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nên tương đối bằng phẳng. Ngoài những giồng cát có địa hình cao đặc trưng (>1,8 m), phần lớn diện tích đất trong huyện có cao trình bình quân phổ biến từ (0,6m - 1,6 m). Dọc theo Sông Hậu có địa hình khá cao (cao ven sông) và thấp dần về hướng Đông (vào nội đồng). Địa hình thấp nhất (0,4 m- 0,6 m) ở khu vực phía Đông Nam thuộc các địa bàn (Phong Thạnh, Phong Phú) và nằm rải rác ở các khu vực Đông Bắc (Thạnh Phú, Thông Hòa). Đặc biệt có khu vực địa hình trũng thấp (< 0,4 m) ở ấp Sóc Kha (xã Hòa Ân); Cây Gòn (xã Phong Thạnh). Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có cồn Tân Qui và cồn An Lộc với diện tích khoảng 615,57 ha, nhưng diện tích này không ổn định nguyên nhân do bồi mới và sạt lở hàng năm. Nhìn chung, địa hình huyện Cầu Kè thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây lâu năm. Tuy nhiên, cục bộ tại một số khu vực trũng thấp thường bị ngập úng và gò cao thường bị khô hạn (Nguồn: Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh).

2.1.2. Mạng lưới sông, kênh rạch

- Hệ thống sông rạch huyện Cầu Kè chịu ảnh hưởng khá đặc trưng của vùng Đồng bằng với mạng lưới sông rạch chính như sau:

+ Sông Hậu: Đoạn qua huyện rất rộng và sâu, hầu như toàn bộ đất đai của huyện chịu ảnh hưởng của đoạn sông này, với thuận lợi là không bị ảnh hưởng của lũ thượng nguồn, sông rộng lớn thoát nước nhanh, trữ nước nhiều.

+ Rạch Tân Dinh với chiều dài qua huyện khoảng 5,5 km chảy qua ranh giới huyện Trà Ôn, tại cửa sông có mặt cắt khá lớn vào bên trong hẹp và cạn.

+ Rạch Bông Bót – Bà Nghệ: Bắt nguồn từ Bùn Cát chảy lên Tam Ngãi – Thông Hòa và nối thông với kênh Trà Ngoa ở Hựu Thành.

+ Rạch Cầu Kè – Tổng Tồn: Bắt nguồn từ sông Bông Bót chảy qua thị trấn Cầu Kè, nối tiếp với kênh Tổng Tồn đến kênh Trà Ngoa.

+ Rạch Rùm Sóc: Chảy theo ranh giới xã Hòa Tân – Ninh Thới qua nội đồng xã Phong Phú - Châu Điền đến gặp kênh Bưng Dứa, kênh có mặt cắt khá lớn.

+ Rạch Mỹ Văn - 19/5: Chảy qua nội đồng xã Ninh Thới, Phong Phú, Phong Thạnh và đến gặp sông Cần Chông (Cầu Kè) mặt cắt tại cửa sông khá lớn.

+ Kênh Trà Ngoa chịu ảnh hưởng của kênh Bưng Trường – Ngã Chánh, sông Càng Long, do ảnh hưởng của các kênh ngang bắt nguồn từ sông Hậu, sông Cổ Chiên tạo nên nhiều “giáp nước” trên kênh. Đoạn kênh qua huyện ở xã Thạnh Phú có chiều dài 7,6 km và mặt cắt khá lớn.

- Theo Báo cáo thuyết minh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Kè tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, hệ thống thủy lợi nội đồng được đánh giá phát triển ở mức độ khá. Huyện có 339 tuyến kênh, dài 577,921 km:

+ 25 tuyến kênh bề ngang từ 10 - 30 m, dài 148,069 km;

+ 170 tuyến kênh bề ngang từ 6 - 20 m, dài 266,423 km;

+ 144 tuyến kênh bề ngang từ 4 - 8 m, dài 163,429 km.

Huyện có 44 cống, bọng đầu mỗi đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh đặc biệt là hệ thống cống Rạch Gum với 3 cửa, Mỹ Văn với 2 cửa, mỗi cửa rộng 10 m. Phần lớn các tuyến kênh được nạo vét thường xuyên đảm bảo phục vụ sản xuất, hệ thống thủy lợi phân bố hợp lý, đáp ứng tốt nhiệm vụ khai thác kinh tế đồng ruộng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn khu vực.

2.1.3. Chế độ thủy văn

Huyện chịu ảnh hưởng chủ yếu của chế độ thủy văn sông Hậu và hệ thống các sông, rạch nhỏ chằng chịt trên địa bàn.

+ Chế độ thủy văn của huyện chịu ảnh hưởng của sông Hậu thông qua sông Vàm Bùn Cát và sông Cầu Kè tác động lên nội đồng.

+ Chế độ triều biển Đông đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên toàn địa bàn huyện thông qua sông Hậu và các kênh rạch bắt nguồn từ sông Hậu ảnh hưởng lên đồng ruộng. Đây là chế độ bán nhật triều không đều, ngày lên xuống 2 lần, mỗi tháng có 2 lần triều cường sau ngày 1 và 15 âm lịch và 2 lần triều kém sau ngày 7 và 23 âm lịch từ 2 – 3 ngày. Sự truyền triều từ sông Hậu vào nội đồng thông qua mạng lưới kênh rạch với biên độ triều tắt dần.

Qua số liệu điều tra tại các địa phương, cùng các số liệu khảo sát địa hình của Dự án đầu tư cho thấy, khu vực này có cao độ lớn, chưa xảy ra hiện tượng ngập lụt.

2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

- Nguồn tiếp nhận: Kênh Tuổi Trẻ là loại công trình thủy lợi cấp III có chiều rộng trung bình từ 6-8m, chiều rộng đáy kênh khoảng 4m, độ sâu mực nước trung bình 2,5m, cách dự án khoảng 60m về hướng Bắc. Chọn kênh Tuổi Trẻ làm nguồn tiếp nhận vì kênh gần dự án, tiếp giáp với phần đất dự trữ của dự án, nguồn nước phần lớn được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, khi đó nước thải của dự án sẽ không ảnh hưởng lớn đến mục đích sử dụng nước của kênh. Kênh Tuổi Trẻ nối liền với sông Cầu Kè và kênh Xáng, có khả năng tiêu thoát nước lớn. Chất lượng nguồn nước kênh Tuổi Trẻ phụ thuộc vào chất lượng nước sông Cầu Kè (thượng nguồn).

- Theo số liệu từ kết quả quan trắc môi trường định kỳ tỉnh Trà Vinh, trong 03 năm gần nhất, chất lượng nước mặt của huyện Cầu Kè như sau:

Bảng 15. Tổng hợp diễn biến chất lượng nước mặt huyện Cầu Kè trong 03 năm gần nhất

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (cột B ₁)
			2019	2020	2021	
1	pH	-	7,1	7,3	7,2	5,5-9
2	DO	mg/L	3,8	3,7	3,55	≥4
3	TSS	mg/L	42	93	45	50
4	COD	mg/L	23	19	14	30
5	BOD ₅	mg/L	5	5	3	15
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,139	0,351	0,69	0,9
7	Cl ⁻	mg/L	20	519	14	350
8	NO ₂ ⁻ -N	mg/L	0,020	0,014	0,006	0,05
9	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,408	0,543	0,379	10

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (cột B ₁)
			2019	2020	2021	
10	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	0,082	0,131	0,058	0,3
11	As	mg/L	-	KPH	KPH	0,05
12	Pb	mg/L	-	KPH	KPH	0,05
13	Fe	mg/L	-	4,99	1,30	1,5
14	Tổng dầu mỡ	mg/L	0,43	0,4	0,4	1
15	Coliform	MPN/100 mL	196.750	616.979	166.538	7.500
16	Aldrin	µg/L	-	KPH	KPH	0,1
17	BHC	µg/L	-	KPH	KPH	0,02
18	Dieldrin	µg/L	-	KPH	KPH	0,1
19	DDTs	µg/L	-	KPH	KPH	1
20	Heptachlor & Heptachlorepoxyde	µg/L	-	KPH	KPH	0,2

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

- Nhận xét chất lượng nguồn nước khu vực: Nước mặt khu vực huyện Cầu Kè trong 03 năm qua có chất lượng khá tốt, hàng năm có từ 02-05 thông số có giá trị vượt giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B₁), bao gồm: DO, TSS, Cl⁻, Fe, Coliform. Riêng trong năm 2021, chỉ còn không đạt 02 thông số là DO và Coliform (tuy nhiên nồng độ Coliform đã giảm đáng kể so với năm 2020 và 2019).

- Mô tả các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực:

+ Theo số liệu được công bố, tại huyện Cầu Kè hiện mỗi xã đã có một số trạm cấp nước tập trung phục vụ cho một phần dân cư trên địa bàn, công suất khoảng 20-850m³/ngày đêm. Đối với các hộ dân còn lại, nước sinh hoạt hiện nay rất hạn chế, dân cư sử dụng nước sinh hoạt ăn uống từ nước mưa dự trữ, từ các giếng khoan tự túc công suất nhỏ và nguồn nước mặt từ sông Hậu. Vì thế, hệ thống kênh nội đồng chủ yếu sử dụng cho mục đích canh tác, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt, ăn uống.

+ Dọc theo kênh Tuổi Trẻ (nguồn tiếp nhận nước thải) dân cư khá thưa thớt, nước mặt tại khu vực dự án chủ yếu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, như trồng lúa, hoa màu và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng thấp,

không phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt và không có cơ sở khai thác nước đáng chú ý khai thác tại khu vực tiếp nhận nước thải.



Hình 5. Kênh Tuổi Trẻ, tháng 6/2022

- Mô tả hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải: Hiện không có cơ sở xả nước thải nào đáng chú ý cùng xả thải vào khu vực tiếp nhận nước, chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước từ hoạt động sản xuất nông nghiệp của các hộ dân xung quanh khu vực Dự án.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường nước mặt, không khí nơi thực hiện dự án

- Khu vực thực hiện Dự án trước đây chủ yếu là đất trồng lúa và cây lâu năm. Phạm vi Dự án trước đây chưa có nghiên cứu đánh giá hiện trạng môi trường nào.

- Để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường vật lý trên khu vực Dự án, qua đó có thể xác định được chất lượng các thành phần môi trường tự nhiên trước khi Dự án được triển khai, làm căn cứ giúp Chủ dự án đưa ra được các biện pháp bảo vệ môi trường; Chủ dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn là Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tiến hành khảo sát và lấy mẫu hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường nước mặt, không khí khu vực thực hiện dự án tại 03 đợt khảo sát. Thông tin chung về vị trí lấy mẫu hiện trạng môi trường nền khu vực Dự án như sau:

Bảng 16. Thông tin chung về vị trí và điều kiện lấy mẫu hiện trạng môi trường nền

STT	Thành phần và vị trí lấy mẫu	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
I	Môi trường nước mặt		
1	Nước mặt kênh Tuổi Trẻ tại vị trí tiếp nhận nước thải của dự án	Lần 1: 24/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-2)	- Lấy mẫu lúc: 14 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng; - Mẫu nước đục, ít cặn.
2		Lần 2: 27/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-4)	- Lấy mẫu lúc: 09 giờ 30 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng. - Mẫu nước đục.
3		Lần 3: 19/4/2022 (Mã số mẫu: 077/22-6)	- Lấy mẫu lúc: 11 giờ 50 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước lớn. - Mẫu nước đục, ít cặn
II	Môi trường không khí xung quanh		
1	Môi trường không khí tại khu đất thực hiện dự án	Lần 1: 24/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-1)	- Lấy mẫu lúc: 14 giờ 20 phút; - Điều kiện: Trời nắng.
2		Lần 2: 27/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-3)	- Lấy mẫu lúc: 09 giờ 45 phút; - Điều kiện: Trời nắng.
3		Lần 3: 30/6/2022 (Mã số mẫu: 077/22-5)	- Lấy mẫu lúc: 11 giờ 30 phút; - Điều kiện: Trời mát, gió nhẹ.

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, 2022)

- Hình ảnh lấy mẫu nước mặt và không khí vào tháng 6/2022 như sau:



Hình 6. Công tác thực hiện lấy mẫu môi trường nền tại dự án

3.1. Hiện trạng môi trường nước mặt

- Kết quả thử nghiệm của các đợt lấy mẫu nước mặt như sau:

Bảng 17. Kết quả thử nghiệm chất lượng nước mặt kênh Tuổi Trẻ

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 08-MT: 2015/BTNMT (cột B ₁)
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	pH	mg/L	6,84	6,92	6,89	5,5 - 9
2	COD	mg/L	17	18	7	30
3	BOD ₅	mg/L	2,1	2,6	2,4	15
4	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,16	0,09	0,26	0,9
5	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,892	0,814	0,616	10
6	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	0,125	0,09	0,135	0,3
7	Tổng dầu, mỡ	mg/L	0,5	0,3	0,4	1

(Nguồn: Các phiếu KQTN số 22393/KQTN-TTKT, 22394/KQTN-TTKT và 22395/KQTN-TTKT ngày 13/7/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường)

- Nhận xét: Kết quả phân tích cho thấy nước mặt kênh nội đồng tại khu vực dự án có chất lượng tốt, tất cả các thông số phân tích đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1).

3.2. Hiện trạng môi trường không khí

- Kết quả thử nghiệm của các đợt lấy mẫu không khí và tiếng ồn như sau:

Bảng 18. Kết quả thử nghiệm chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn tại khu đất thực hiện dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05: 2013/BTNMT (trung bình 1 giờ)
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	Tiếng ồn	dBA	50,1	65,7	47,3	70*
2	Bụi lơ lửng (TSP)	mg/m ³	0,212	0,212	0,129	0,3
3	SO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,017)	KPH (LOD=0,017)	KPH (LOD=0,017)	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,006)	0,019	KPH (LOD=0,006)	0,2
5	CO	mg/m ³	4,855	5,092	4,145	30
6	Pb	mg/m ³	KPH (LOD=0,13)	KPH (LOD=0,13)	KPH (LOD=0,13)	-

(Nguồn: Các phiếu KQTN số 22398/KQTN-TTKT, 22399/KQTN-TTKT và 22400/KQTN-TTKT ngày 18/7/2022 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường)

Ghi chú:

(*): QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

KPH: Không phát hiện.

LOD: Giới hạn phát hiện

- Nhận xét: Theo bảng kết quả phân tích trên cho thấy tất cả các thông số đo đạc tại vị trí khảo sát khu vực dự án đều có giá trị nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Đồng thời, thông số độ ồn cũng có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN:26/2010 BTNMT. Như vậy, môi trường không khí tại khu vực dự án có chất lượng tốt.

CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

1.1.1. Nguồn và quy mô phát sinh nước thải

Dựa vào các hoạt động chính trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng gồm có:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng trên công trường;
- Nước thải thi công xây dựng phát sinh trong quá trình xây trát trộn vữa, nhúng gạch ướt, tưới tường, quét vôi; đổ bê tông rửa sỏi đá, cát, trộn và tưới bê tông, chống thấm; rửa thiết bị xây dựng.
- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo rác, đất đá và các chất lơ lửng khác.
- Thành phần, tính chất ô nhiễm và lưu lượng phát sinh nước thải cụ thể như sau:

Bảng 19. Thành phần và lưu lượng của các loại nước thải phát sinh

STT	Nguồn và quy mô phát sinh nước thải	Thành phần, tính chất	Quy mô (m ³ /ngày)	Cơ sở tính toán
1	Nước thải sinh hoạt của công nhân	Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.	1,8	- Lượng nước cấp sinh hoạt tính theo TCNXDVN 33:2006, định mức: 45 lít/người.ngày đối với 40 công nhân. - Lượng nước thải ra bằng 100% lượng nước cấp
2	Nước thải xây dựng	Hàm lượng cặn lắng cao, chứa một số tạp chất độc hại trong xi măng, phụ gia bê tông và pH khá lớn	2,0	Dự đoán theo kinh nghiệm thực tế của đơn vị thi công đối với các công trình tương tự về: số lượng phương tiện, dụng cụ phục vụ thi công.

STT	Nguồn và quy mô phát sinh nước thải	Thành phần, tính chất	Quy mô (m ³ /ngày)	Cơ sở tính toán
3	Nước mưa chảy tràn	Thành phần cơ học (đất, cát, rác), ô nhiễm hữu cơ, dầu mỡ	31,7	$Q = C \cdot I \cdot A / 1.000$ (Theo Handbook for Environment Engineering, 2005) - Diện tích xây dựng dự án: 4.457,4 m ² - Lượng mưa cao nhất của tháng trong năm: 327,8mm (Theo Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2020). - Hệ số chảy tràn: C = 0,6515

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

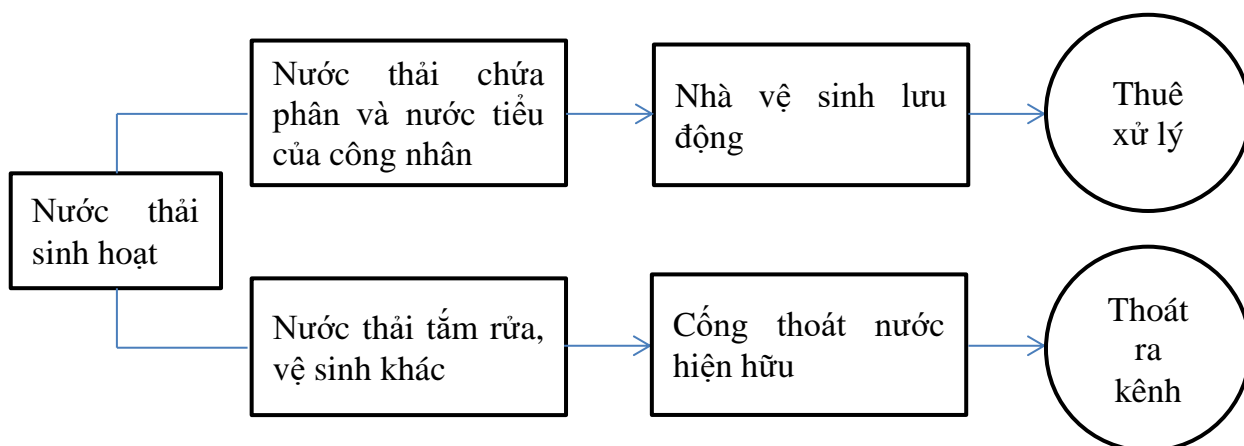
1.1.2. Đề xuất các công trình, biện pháp xử lý nước thải giai đoạn xây dựng

A) Nước thải sinh hoạt công nhân:

- Nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này được phân thành 2 dòng và phương pháp xử lý như sau:

+ Dòng thứ nhất: Nước thải từ qua trình đào thải của con người (phân, nước tiểu), xử lý bằng cách bố trí nhà vệ sinh lưu động bằng vật liệu composite gần khu lán trại. Với số lượng công nhân thi công trên công trường khoảng 40 người/ngày sẽ lắp đặt 01 nhà vệ sinh lưu động. Bùn cặn từ nhà vệ sinh sẽ thuê đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 03 tháng/lần.

+ Dòng thứ hai: Nước thải từ hoạt động tắm, rửa, vệ sinh khác,... phát sinh tương đối ít và thời gian xây dựng ngắn (chỉ khoảng 02 tháng), do đó chủ dự án và đơn vị thi công sẽ thu gom và dẫn vào cống thoát nước hiện hữu xung quanh hàng rào của dự án thải ra kênh Tuổi Trẻ.



Hình 7. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt giai đoạn xây dựng

- Nhà vệ sinh lưu động có thông số thiết kế cơ bản sau:

+ Kích thước: 1300 x 950 x 2400 (mm).

+ Dung tích bể nước sạch có van phao ngắt nước tự động : 450L.

+ Dung tích bể phốt 03 ngăn có bộ lọc: 550L.

B) Nước thải xây dựng:

Nước thải thi công xây dựng phát sinh chủ yếu từ quá trình xây trát trộn vữa, nhúng gạch ướt, tưới tường, quét vôi; đổ bê tông rửa sỏi đá, cát, trộn và tưới bê tông, chống thấm; rửa thiết bị xây dựng, lượng nước thải này phát sinh không lớn và không thường xuyên,... Do đó chủ dự án sẽ tận dụng để tưới nền công trình.

C) Nước mưa chảy tràn:

- Giai đoạn xây dựng có thể chia thành 02 giai đoạn chính liên quan đến việc thoát nước mưa:

+ Giai đoạn chưa trải bê tông sân nền: nền dự án chủ yếu là đất cát, khả năng thấm cao, phần lớn nước mưa sẽ được tự thấm.

+ Giai đoạn đã trải bê tông sân nền: thu gom và thoát vào hệ thống cống hiện hữu của khu đất. Cụ thể:

Hiện trạng khu đất thực hiện dự án đã được san lấp mặt bằng và đã xây dựng tuyến cống BTCT có chiều rộng 500mm, sâu 600mm; thành rãnh dày 200mm; có nắp đậy BTCT; tổng chiều dài tuyến cống BTCT là 300m.

Bên cạnh đó, trên các tuyến thoát nước mưa và hệ thống cống hiện trạng khu đất đã xây dựng 14 hố ga BTCT nhằm giữ lại các chất rắn lơ lửng do nước mưa cuốn trôi; mỗi hố ga có kích thước 01 m x 1,2 m; sâu 1,2m.



Hình 8. Hiện trạng tuyến cống thoát nước mưa và hố ga đã được xây dựng

- Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết chất thải rắn (CTR) nhằm đảm bảo nước mưa chảy tràn không bị ô nhiễm do tiếp xúc với các khu vực này, cụ thể như: CTR sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa đúng quy định,...

- Kiểm soát chặt chẽ các khu vực tập kết vật liệu xây dựng nhằm giảm thiểu được quá trình rửa trôi gây thất thoát nguyên vật liệu xây dựng và gây ô nhiễm nước mưa chảy tràn qua khu vực này.

- Trường hợp xảy ra ngập úng, chủ dự án sẽ cử cán bộ điều hành và khắc phục sự cố kịp thời bằng cách huy động máy móc, nhân lực hiện có tại công trường tạo dòng chảy và mở rộng dòng chảy thích hợp; bằng cách sử dụng máy bơm dự phòng để bơm nước mưa từ các hố ga, điểm ngập úng trong công trường ra công thoát nước.

1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

1.2.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

A) Nguồn và quy mô phát sinh

CTR phát sinh trong giai đoạn thi công bao gồm: CTR sinh hoạt của công nhân thi công và CTR từ hoạt động thi công xây dựng.

- Thành phần, tính chất ô nhiễm và khối lượng phát sinh như sau:

Bảng 20. Thống kê dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn xây dựng

STT	Nguồn và quy mô phát sinh CTRTT	Thành phần, tính chất	Khối lượng	Cơ sở tính toán
1	CTR sinh hoạt của công nhân	- Thành phần: thực phẩm thừa, giấy báo, vỏ chai, lon bia, túi nilon - Tính chất: hữu cơ 70%; Nhựa và chất dẻo 3%; Các chất khác 10%; Rác vô cơ 17%; Độ ẩm 65-69%	32 kg/ngày	- Số lượng công nhân: 40 người - Theo QCVN 01:2021/BXD, lượng CTR sinh phát sinh bình quân đầu người tại khu vực dự án ước tính 0,8kg/người.ngày.

STT	Nguồn và quy mô phát sinh CTRTT	Thành phần, tính chất	Khối lượng	Cơ sở tính toán
2	CTR xây dựng thông thường	Bao bì đựng phụ gia, cọc chống, ván cốt pha gãy nát, sắt thép vụn và các thiết bị hỏng hóc trong quá trình thi công xây dựng	10 kg	
		Vỏ bao xi măng	3.800 bao = 760kg	01 vỏ bao xi măng nặng 0,2kg
		Bùn cặn từ nhà vệ sinh lưu động	0,908 m ³ /6 tháng	<p>Công thức: $V_c = [a \cdot T_c \cdot (100 - W_1) \cdot b \cdot c] \cdot N / [(100 - W_2) \cdot 1000]$</p> <p>a: Lượng cặn trung bình của một người thải ra một ngày là 0,3 lít/ng.ngđ. Tc: Thời gian giữa hai lần lấy cặn, Tc = 6 tháng 180 ngày ; N: = 20 người.</p> <p>W1; W2: Độ ẩm cặn tươi vào bể và khi lên men, tương ứng 95% và 90%</p> <p>b: Hệ số kể đến việc giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%) và lấy bằng 0,7</p> <p>c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để giữ lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng, để lại 20% ; c = 1,2.</p> <p>$V_c = (0,3 \cdot 180 \cdot 5 \cdot 0,7 \cdot 1,2) \cdot 40 / (10 \cdot 100) = 0,908 \text{ m}^3 / 6 \text{ tháng}$</p>
		Bê tông, gạch vỡ	37,15 kg/ngày	Giáo trình quản lý và xử lý chất thải rắn, Nguyễn Văn Phước, NXB Xây dựng năm 2008

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

B) Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ CTR thông thường

- CTR sinh hoạt của công nhân:

+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân xây dựng trong công tác bảo vệ môi trường, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi trong khu vực Dự án hay khu vực xung quanh.

+ Bố trí thùng chứa rác tạm thời tại các khu vực sinh hoạt của công nhân xây dựng nhằm thu gom triệt để lượng chất thải phát sinh. Dự kiến bố trí 04 thùng chứa CTR loại nhựa HDPE có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín.

+ Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý CTR sinh hoạt nhằm xử lý triệt để lượng CTR sinh hoạt phát sinh, hạn chế tối đa tồn đọng trong khu vực công trường. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

- CTR xây dựng thông thường:

+ Đối với bao bì chứa vật liệu xây dựng: Thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Đối với các loại vật liệu hư hỏng trong quá trình xây dựng như gạch vụn, đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển được thu gom và tái sử dụng cho mục đích san lấp mặt bằng tại dự án.

+ Đối với các loại vật liệu bằng kim loại như sắt, thép vụn được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

+ Bên cạnh đó, bố trí khu vực riêng tập kết CTR xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, xử lý và không gây cản trở quá trình thi công tại công trường.

1.2.1. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại

- Nguồn và quy mô phát sinh:

+ Phát sinh từ quá trình bảo trì, sửa chữa phương tiện, máy móc thi công xây dựng như dầu nhớt thải, ắc quy thải, ...;

+ Phát sinh từ quá trình sử dụng máy hàn với thành phần chủ yếu là que hàn đã qua sử dụng và xỉ hàn.

- Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ CTNH:

+ Bố trí khu vực kho lưu trữ CTNH tạm thời tại khu vực nhà kho chứa vật tư của Dự án: Kết cấu vách tole, mái lợp tole, về cơ bản phải đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật của khu vực lưu giữ CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

+ Bố trí thùng chứa chuyên dụng nhằm thu gom và lưu trữ các loại CTNH dạng lỏng.

+ CTNH phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ đúng nơi quy định, không vớt bừa bãi ra môi trường xung quanh. Thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.3.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

Trong quá trình thi công xây dựng các công trình của Dự án, các nguồn phát sinh bụi, khí thải tập trung chủ yếu từ 03 nhóm chính sau:

- *Nhóm 1: Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng*

- *Nhóm 2: Phương tiện, máy móc thi công xây dựng, bao gồm:* Các thiết bị thi công có công suất lớn như máy đầm, máy đóng cọc, xe lu, máy trộn bê tông, ... và các thiết bị có công suất nhỏ như máy cắt, máy hàn, ...

- *Nhóm 3: Quá trình lưu trữ và bốc dỡ vật liệu xây dựng trong khu vực công trường:* Cát, đá, xi măng, ...

Đặc trưng cơ bản của các nguồn gây ô nhiễm không khí trong quá trình xây dựng Dự án đến môi trường xung quanh được tóm tắt trong bảng sau:

Bảng 21. Đặc trưng cơ bản của nguồn thải gây ô nhiễm không khí

STT	Nguồn thải	Loại nguồn thải	Đặc điểm
1	Vận chuyển vật liệu xây dựng, chất thải	Phân tán	Nguồn thải không liên tục
2	Phương tiện, thiết bị thi công xây dựng: Máy đầm, trộn bê tông, ...	Tập trung, di động	Nguồn thải liên tục trong quá trình thi công
3	Tập kết vật liệu xây dựng	Phân tán	Nguồn thải không liên tục
4	Yếu tố vi khí hậu: Gió cuốn bụi từ mặt đường, ...	Phân tán	Nguồn thải không liên tục

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

1.3.2. Đề xuất công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các biện pháp tổng thể được áp dụng nhằm phòng ngừa giảm thiểu các tác động tiêu cực của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng Dự án cụ thể như sau:

- Đơn vị chủ Dự án phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị thi công trong suốt thời gian thi công Dự án nhằm nắm bắt, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh.

- Lựa chọn công nghệ thi công, biện pháp thi công tiên tiến nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công, giảm kinh phí đầu tư cho Chủ dự án và đảm bảo được các vấn đề về an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Trang bị, sử dụng các phương tiện, thiết bị, máy móc hiện đại, đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Bố trí và sử dụng đội ngũ nhân công lao động có tay nghề, trình độ chuyên môn phù hợp nhằm đảm bảo chất lượng công trình và giảm thiểu các rủi ro về tai nạn lao động.

- Phun nước để làm tăng độ ẩm và hạn chế khả năng phát sinh bụi vào các ngày nắng nóng, gió mạnh tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi. Thời gian phun nước giảm bụi là 2 lần/ngày vào khoảng 9 giờ sáng và 14 giờ chiều. Các vị trí phun nước như: đường đi, khu vực đất trống, khu vực chứa vật liệu cát, đá, ... Không phun quá ẩm, quá ướt bề mặt sẽ làm cho đất cát dính nhiều vào các xe vận chuyển do mặt đường lâu khô.

- Bên cạnh đó, hiện trạng của khu đất thực hiện dự án đã có hàng rào tường gạch; cao 3,0m so với mặt nền hiện trạng. Vì thế, dự án đã hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh và giảm thiểu được các tác động của bụi đến các đối tượng lân cận Dự án.

1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, động rung

1.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Nguồn và quy mô phát sinh: Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ phương tiện vận tải, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công.

Bảng 22. Độ ồn điển hình của các phương tiện, thiết bị thi công

STT	Nguồn phát sinh	Độ ồn ở khoảng cách 02m (dBA) (*)	Độ ồn khi lan truyền (**) (dBA)		
			Khoảng cách 20m	Khoảng cách 50m	Khoảng cách 100m
1	Xe tải	83 - 94	74,0	66,0	60,0
2	Xe lu	73 - 75	55,0	47,0	41,0
3	Máy hàn	71 - 82	62,0	54,0	48,0
4	Máy cắt	78 - 86	66,0	58,0	52,0

STT	Nguồn phát sinh	Độ ồn ở khoảng cách 02m (dBA) (*)	Độ ồn khi lan truyền (**) (dBA)		
			Khoảng cách 20m	Khoảng cách 50m	Khoảng cách 100m
5	Máy phát điện	78 - 83	63,0	55,0	49,0
6	Máy trộn bê tông	81 - 84	64,0	56,0	50,0
7	Máy đóng cọc	95 - 106	86,0	78,0	72,0
QCVN 26:2010/BTNMT		70			

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

(*): Ủy ban BVMT U.S – Tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng NJID, 300.1.

(**): Sử dụng công thức: $\Delta L = 20 \lg (r_2/r_1) + a$, với: r_1 : Khoảng cách đo tiếng ồn ban đầu (2m), r_2 : khoảng cách từ điểm tính toán tới nguồn tiếng ồn (m), a : hệ số kể đến khả năng hấp thụ tiếng ồn của mặt đất (chọn $a=0$).

- Đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn đến môi trường và sức khỏe người lao động, đơn vị thi công triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

+ Thực hiện kế hoạch thi công hợp lý và cụ thể đối với từng hạng mục công trình: Thời gian hoạt động xây dựng từ 7 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày, đơn vị thi công đảm bảo làm việc theo đúng thời gian quy định; bố trí các phương tiện vận chuyển và thi công hợp lý, hạn chế tập trung hoạt động cùng lúc tại một vị trí.

+ Các phương tiện vận chuyển đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

+ Bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp: các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào, máy cắt, ... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau, giờ ăn và nghỉ trưa.

+ Lập hàng rào cách ly trong suốt quá trình thi công Dự án để giảm tiếng ồn thi công phát tán làm ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh.

1.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Nguồn và quy mô phát sinh: Rung động là do hoạt động của các phương tiện, máy móc thi công chuyên dụng chủ yếu là đầm nén, khoan và hoạt động của các phương tiện vận chuyển có tải trọng lớn. Mức độ rung động phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó đặc biệt quan trọng là cấu tạo địa chất của nền móng công trình, có thể ước tính xác định như sau:

Bảng 23. Mức độ rung động của một số máy móc, thiết bị thi công

STT	Thiết bị	Mức độ rung động (Theo hướng thẳng đứng Z, dB)	
		Cách nguồn 10m	Cách nguồn 30m
1	Máy đào đất	80	71
2	Máy ủi đất	79	69
3	Xe vận chuyển hạng nặng	74	64
4	Xe lu	82	71
5	Máy khoan	63	55
6	Máy nén khí	81	71
7	Máy đào bằng hơi	85	73
8	Máy đóng cọc bằng khoan dẫn	98	83
9	Máy đóng cọc bằng rung chấn	93	83

(Nguồn: Tổng Cục môi trường tổng hợp số liệu của US.EPA, năm 2010)

Đa số các thiết bị chuyên dụng trong thi công công trình xây dựng đều phát sinh độ rung vượt giới hạn cho phép. Tuy nhiên, độ rung sẽ giảm dần theo khoảng cách, đó tác động này đối với các đối tượng xung quanh là không đáng kể.

- Đề xuất các biện pháp, công trình giảm thiểu độ rung: Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của độ rung đến các đối tượng lân cận Dự án và sức khỏe người lao động, đơn vị thi công triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

Bố trí, trang bị các loại dụng cụ chống rung tại nguồn và chống rung lan truyền như: Kê cân bằng các thiết bị thi công, lắp đặt bộ tắt chấn động, gối đàn hồi, đệm đàn hồi,...

+ Bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp: các thiết bị thi công gây độ rung lớn không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau, giờ ăn và nghỉ trưa.

+ Lựa chọn giải pháp thi công móng cọc là công nghệ ép cọc bê tông cốt thép bằng phương pháp ép cọc tĩnh đúng theo thiết kế đã được duyệt.

+ Ưu tiên sử dụng các thiết bị thi công và công nghệ thi công tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo được chất lượng công trình, tiến độ thi công, chi phí đầu tư cũng như giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động đến môi trường tại dự án và khu vực lân cận.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

1.5.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Nguyên nhân: Sự cố cháy nổ có thể xảy ra trong trường hợp vận chuyển và tồn chứa nhiên liệu hoặc do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện tạm thời, gây nên các thiệt hại về người và tài sản trong quá trình thi công.

- Đề xuất công trình, biện pháp:

+ Không lưu giữ nhiên liệu cung cấp cho phương tiện trong khu vực Dự án nhằm hạn chế tối đa phát sinh sự cố cháy nổ từ nguồn này.

+ Không lưu trữ nguyên vật liệu dễ gây ra cháy nổ tại công trường.

+ Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải bố trí thật an toàn.

+ Bố trí bình chữa cháy cầm tay đạt chuẩn tại khu vực lán trại công trình.

+ Trong trường hợp phát sinh sự cố vượt khả năng của đơn vị thi công, cần liên hệ với cơ quan có chức năng để được hỗ trợ kịp thời.

1.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố về an toàn lao động

- Nguyên nhân: Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra trong bất kỳ công đoạn thi công xây dựng dự án. Nguyên nhân của các trường hợp xảy ra sự cố tai nạn lao động trên công trường xây dựng được xác định chủ yếu bao gồm:

+ Ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công làm ảnh hưởng xấu tới sức khỏe của công nhân. Một vài loại ô nhiễm cấp tính tùy thuộc thời gian và mức độ tác dụng có khả năng gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu cho công nhân.

+ Công việc lắp ráp, thi công và quá trình vận chuyển nguyên vật liệu với mật độ xe, tiếng ồn, độ rung cao có thể gây ra tai nạn.

+ Bất cẩn trong lao động, thiếu trang thiết bị bảo hộ lao động, thiếu ý thức hoặc không tuân thủ nội quy an toàn lao động trong công tác thi công.

- Đề xuất các công trình, biện pháp: Các biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu phát sinh các vấn đề về an toàn lao động cụ thể như sau:

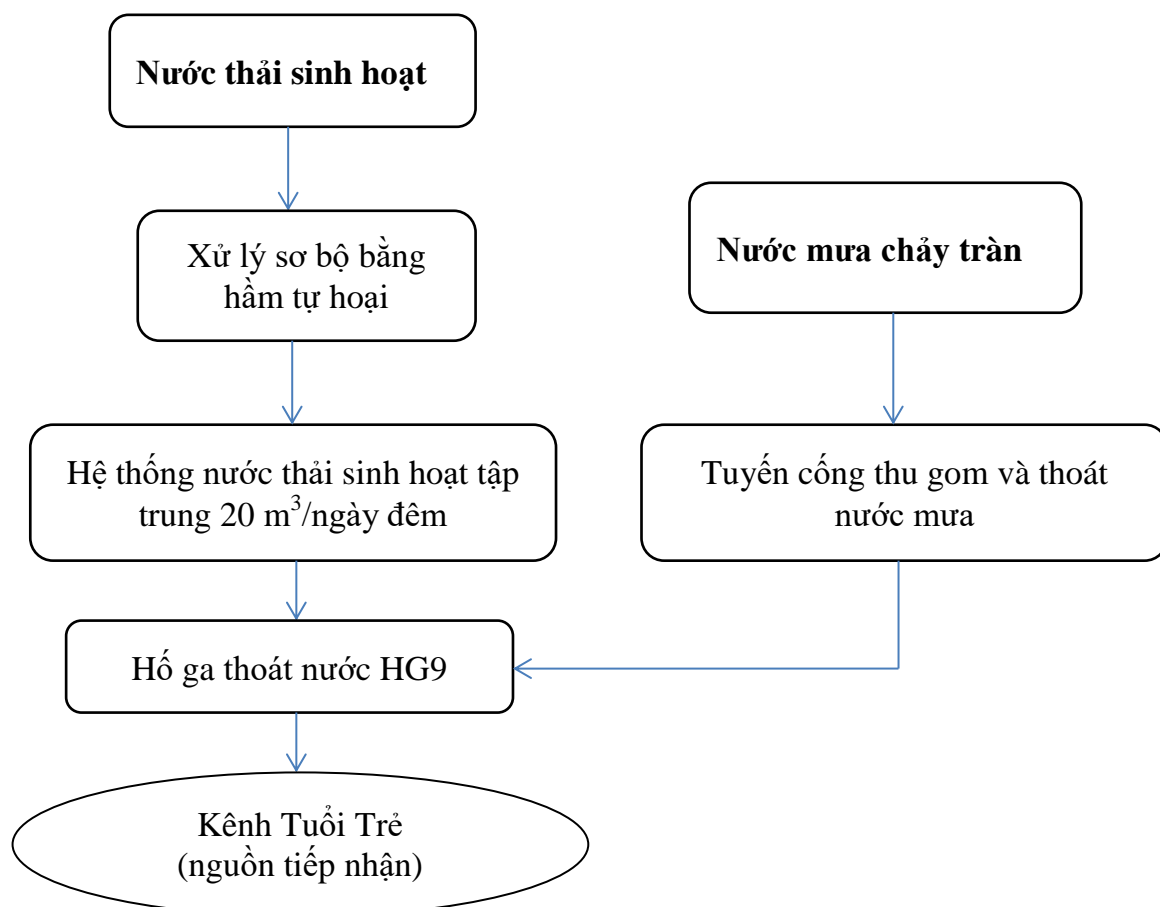
- + Bố trí biển báo hiệu và lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm.
- + Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- + Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, đặc biệt đối với công nhân thao tác trên cao theo đúng quy định.
- + Công nhân phải được huấn luyện về an toàn lao động và được kiểm tra thường xuyên về thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong suốt quá trình thi công.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Nước thải phát sinh trong giai đoạn dự án đi vào vận hành gồm có:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân.
- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo rác, đất đá,...



Hình 9. Sơ đồ tổng thể thu gom và xử lý nước mưa, nước thải của dự án

2.1.1. Công trình, biện pháp thu gom và thoát nước mưa chảy tràn

A) Nguồn và quy mô phát sinh

- Nước mưa chảy tràn trong khuôn viên của Dự án có lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm phụ thuộc vào các yếu tố như: Độ sạch của khí quyển tại khu vực thực hiện Dự án, đặc điểm mặt bằng rửa trôi, hiện trạng quản lý các khu vực tập kết CTR.

- Theo quy hoạch mặt bằng tổng thể khu vực thực hiện Dự án, tất cả các khu vực sân bãi, đường nội bộ đều được bê tông hóa. Do đó, nguy cơ nước mưa chảy tràn bị ô nhiễm là rất thấp.

- Lưu lượng phát sinh: Theo Handbook for Environment Engineering, 2005 thì lượng nước mưa lớn nhất theo ngày chảy tràn qua khu vực dự án được ước tính theo công thức: $Q = C \cdot I \cdot A / 1.000$

- Q : Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại (m^3 /tháng);
- C : Hệ số chảy tràn ($C = 0,6515$);
- A : Diện tích thoát nước khu vực dự án ($A = 4.457,4m^2$);
- I : Lượng mưa cao nhất của tháng trong năm (mm /tháng).

Lượng mưa trung bình tháng cao nhất được ghi nhận trong giai đoạn 05 năm gần đây vào năm 2020 với 135,5 mm/tháng.

Như vậy, lưu lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất tại khu vực hoạt động của dự án là: $Q_{\text{nước mưa}} = 393,5m^3$ /tháng.

Tính chất nước mưa chảy tràn: Theo số liệu thống kê của WHO (1993) thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn thông thường chứa khoảng 0,5 - 1,5 mgN/l; 0,004 - 0,03 mgP/l; 10 - 20mgCOD/l và 10 - 20mg TSS/l.

B) Đề xuất biện pháp, công trình thu gom và thoát nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của dự án bao gồm:

- Tuyến cống thoát nước mưa xây dọc theo tường rào bao quanh khuôn viên dự án, với cấu tạo như sau: cống rãnh BTCT có chiều rộng 500mm, sâu 600mm; thành rãnh dày 200mm; có nắp đậy BTCT; tổng chiều dài tuyến cống BTCT là 300m.

- Bên cạnh đó, trên các tuyến thoát nước mưa và hệ thống cống, hiện trạng khu đất đã xây dựng 14 hố ga BTCT nhằm giữ lại các chất rắn lơ lửng do nước mưa cuốn trôi; mỗi hố ga có kích thước 1.000 mm x 1.200mm; sâu 1.200mm.

- Hướng thoát nước mưa: thu gom nước từ giữa các nhà xưởng dẫn ra bờ rào, thoát về hố ga thoát nước HG9 phía sau xưởng xả. Sau đó, nước mưa được

thoát vào kênh Tuổi Trẻ thông qua tuyến ống PVC Ø400, dài 60m, được đặt ngầm trên phần đất dự trữ của dự án, dẫn nước thải thoát vào kênh Tuổi Trẻ.

Với hệ thống thu gom nước mưa hiện có đảm bảo thu gom và tiêu thoát toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích hoạt động của dự án.

(Bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa đính kèm ở phần phụ lục 2 của Báo cáo).

2.1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

A) Nguồn và quy mô phát sinh

- Nguồn thải này chính là lượng nước cấp phục vụ cho nhu cầu vệ sinh và các nhu cầu sinh hoạt khác.

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa tại dự án trong giai đoạn vận hành chính thức là: **16 m³/ngày.đêm** (tương đương 100% lượng nước cấp đã trình bày tại bảng 3 của Báo cáo).

- Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt:

Căn cứ vào hệ số ô nhiễm tính toán nhanh của WHO và số lượng nhân viên (200 người), có thể dự báo tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn vận hành Dự án như sau:

Bảng 24. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
			Min	Max	
1	BOD ₅	mg/l	500	600	60
2	COD	mg/l	800	1.133	-
3	TSS	mg/l	777,8	1.611,1	120
4	Dầu mỡ	mg/l	111,1	333,3	24
5	Amoni	mg/l	40	80	12
6	Tổng coliforms	MPN/100 ml	1,1*10 ⁷	1,1*10 ¹⁰	6.000

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

- Nhìn chung, nước thải sinh hoạt có nồng độ các chất ô nhiễm cao và vượt tiêu chuẩn cho phép. Thành phần các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy gây ra mùi hôi thối khó chịu và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng. Nếu

không được xử lý tốt, nước thải sinh hoạt sẽ gây tác động xấu đến chất lượng nguồn nước mặt khu vực tiếp nhận.

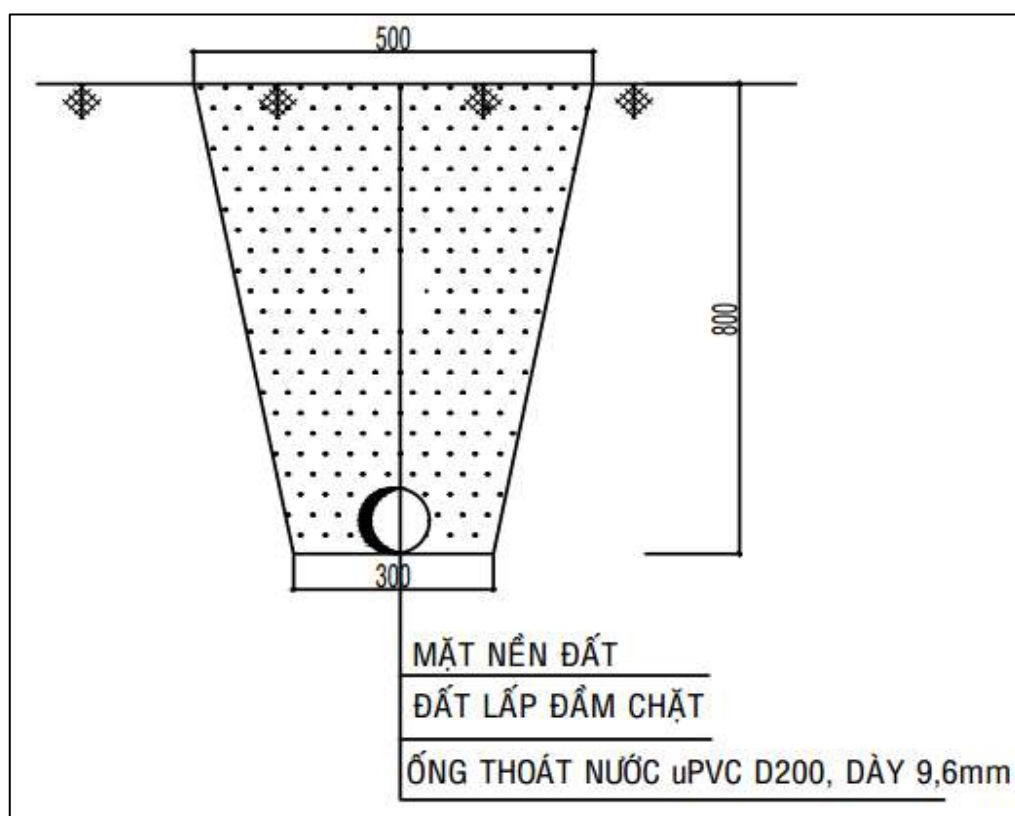
B) Đề xuất công trình, biện pháp

- Công trình thu gom nước thải:

+ Nước thải sau khi xử lý qua hầm tự hoại được dẫn vào hệ thống đường ống thu gom nước thải được thiết kế vật liệu là ống nhựa PVC Ø200 dày 9,6mm; tổng chiều dài 215m; bao gồm 02 nhánh:

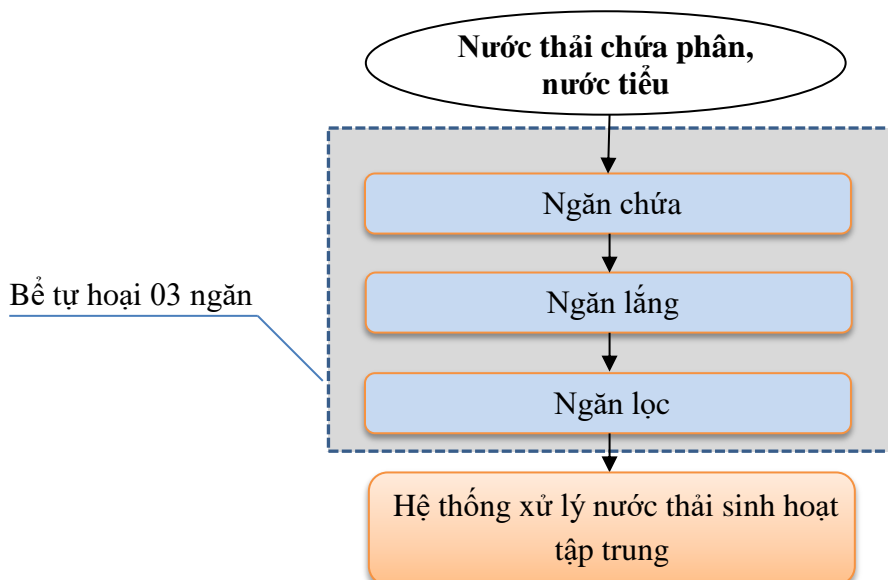
- Nhánh 01: dẫn nước từ hầm tự hoại khu vệ sinh nhà văn phòng đến bể thu gom của HTXLNT sinh hoạt tập trung tổng chiều dài 177m, 06 co lơi Ø200.
- Nhánh 02: dẫn nước từ hầm tự hoại khu nhà vệ sinh công nhân đến bể thu gom của HTXLNT sinh hoạt tập trung, tổng chiều dài 20m, 02 co lơi Ø200.

Đường ống được đặt ngầm dưới mặt nền đất đầm chặt, độ sâu tối thiểu 800mm, với thiết kế như hình sau:



Hình 10. Chi tiết móng đặt ống thu gom và thoát nước thải

- Chi tiết công trình hầm tự hoại (công trình xử lý sơ bộ)



Hình 11. Sơ đồ quy trình vận hành của bể tự hoại

+ Thuyết minh quy trình:

Đối với nước thải sinh hoạt có chứa phân, nước tiểu được thu gom vào bể tự hoại, sau đó được gom về HTXLNT sinh hoạt tập trung $20 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ để tiếp tục xử lý triệt để trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại:

- Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng BTCT, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan.
- Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD là 60 - 65%. Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể. Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và thoát ra ngoài.

+ Số lượng hầm tự hoại của dự án: 02 hầm tự hoại.

+ Cấu tạo của 01 hầm tự hoại như sau:

- Kích thước: $2.000 \times 2.100 \times 1.200 \text{ mm}$, trong đó thành vách bể dày M200mm.
- Kết cấu tổng thể: Vách gạch, vữa xi măng M75 D100, đan đáy bê tông cốt thép, nắp Đan bê tông cốt thép đúc sẵn.
- Kích thước của từng ngăn như sau:

Bảng 25. Kích thước của các ngăn hầm tự hoại

STT	Ngăn	Kích thước (dài x rộng x sâu)	Ghi chú
1	Ngăn chứa	1.000x1.600x1.200 mm	
2	Ngăn lắng	600x850x1.200 mm	
3	Ngăn lọc	600x650x1.200 mm	Lớp than xỉ dày 100mm Lớp đá 10*20 dày 100mm Lớp đá 40*60 dày 100mm

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)

Bảng 26. Dự kiến hiệu suất xử lý của hầm tự hoại

STT	Thông số	Giá trị đầu vào	Giá trị đầu ra	Đơn vị	Hiệu suất dự kiến
1	BOD	600	360	mg/l	40%
2	COD	1.133	678	mg/l	40%
3	TSS	1.611,1	644	mg/l	60%
4	Amoni	80	64	mg/l	20%
5	Dầu mỡ	333,3	266	mg/l	60%
6	T-Coliforms	$1,1 \cdot 10^7$	$1,1 \cdot 10^7$	MPN/100 ml	0%

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

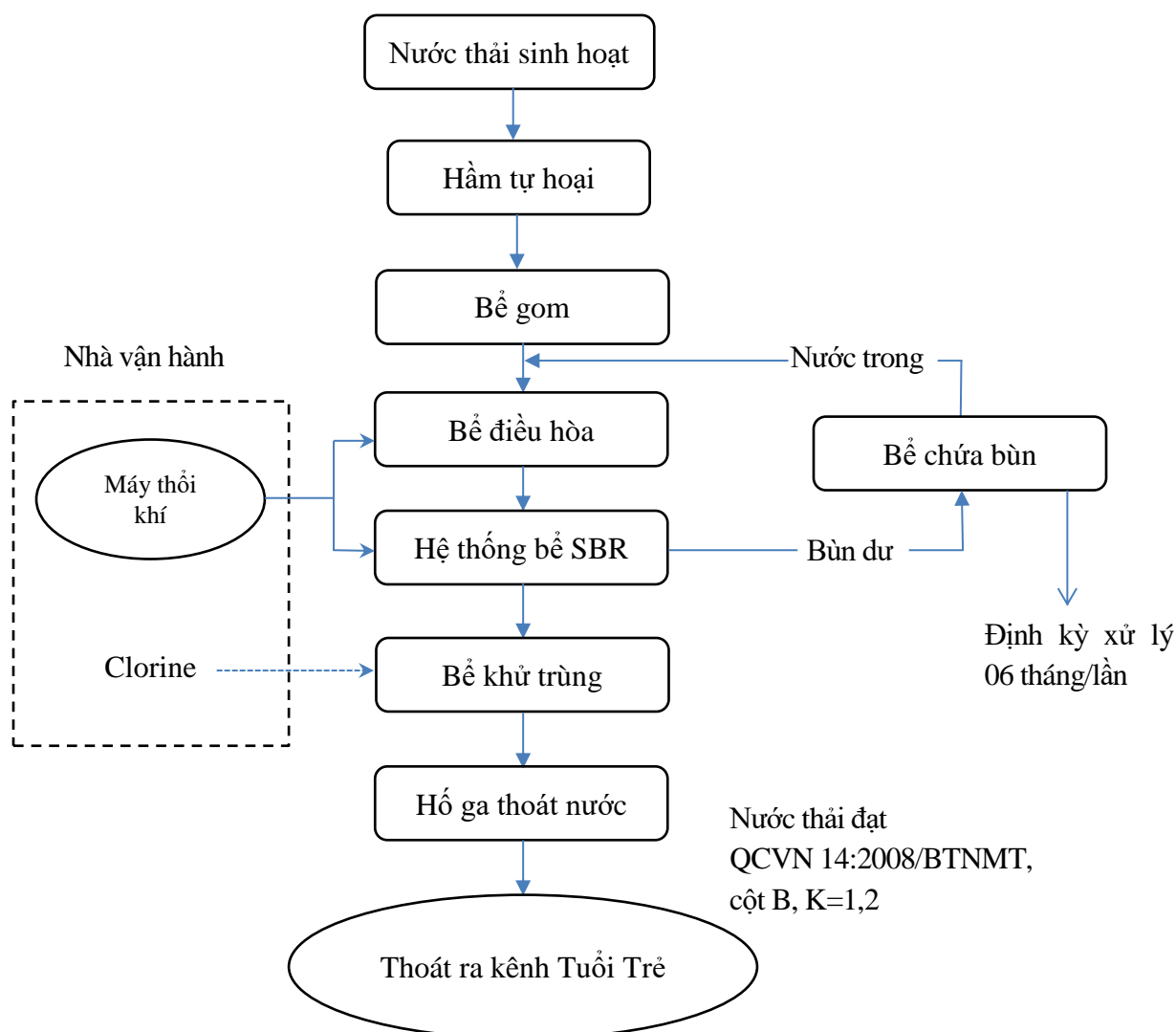
- Chi tiết công trình HTXLNT sinh hoạt tập trung 20m³/ngày đêm:

Dự kiến lượng nước thải sinh hoạt phát sinh và thu gom của dự án là 16m³/ngày đêm. Chọn hệ số an toàn hệ thống $K_{an\ to\ àn} = 1,25$. Vì thế, chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng HTXLNT tập trung với công suất thiết kế $Q_{thiết\ k\acute{e}} = Q_{sh} \times K_{an\ to\ àn} = 16 \times 1,25 = 20\ m^3/ng\grave{a}y\ đ\grave{e}m$.

- + Thời gian thiết kế: tháng 7/2022.
- + Thời gian lắp đặt và thi công: tháng 9-11/2022.
- + Công suất của hệ thống: 20m³/ngày đêm.
- + Công nghệ xử lý: Công nghệ vi sinh.

+ Diện tích xây dựng: 25m² (đặt ngầm).

+ Sơ đồ nguyên lý hoạt động của HTXLNT sinh hoạt 20m³/ngày đêm như sau:



Hình 12. Sơ đồ quy trình xử lý của HTXLNT sinh hoạt tập trung
(Đính kèm bản vẽ thiết kế HTXLNT sinh hoạt tập trung tại Phụ lục 2)

+ **Thuyết minh quy trình:**

- Nước thải đầu vào của hệ thống bao gồm: Nước thải sau hầm tự hoại và nước thải thoát sàn (tắm, rửa) của 02 nhà vệ sinh (khu văn phòng và khu vệ sinh công nhân) được dẫn qua đường ống PVC Ø200, độ dốc 0,25% tự chảy về bể gom T1.
- **Bể gom T1:** Nước thải được tập trung về bể gom T1 và loại bỏ các vật có kích thước lớn như bao ni lông, rác... qua song chắn rác, sau đó được bơm sang bể điều hòa T2 để ổn định lưu lượng và nồng độ, tránh hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm. Bơm sử dụng cho bể gom T1 là bơm chìm, lưu lượng $Q = 5\text{m}^3/\text{h}$; $H = 4\text{m}$.

- **Bể điều hòa T2:** Trong bể điều hòa T2 có bố trí hệ đĩa phân phối khí thô. Dưới tác dụng của hệ thống phân phối khí lắp đặt dưới đáy bể, nước thải được xáo trộn hoàn toàn, không cho cặn lắng xuống đáy bể đồng thời oxi hóa một phần BOD. Sau đó nước thải sẽ được bơm vào bể SBR T3 để thực hiện quá trình xử lý sinh học. Bơm sử dụng cho bể điều hòa là bơm chìm, lưu lượng $Q = 10\text{m}^3/\text{h}$; $H = 4\text{m}$.
- **Bể SBR T3:** Theo sơ đồ công nghệ trên, nước thải từ toilet sau khi qua bể phốt và bể gom T1 được dẫn vào bể điều hòa T2. Sau đó, nước thải được bơm vào bể SBR T3 để tiến hành quá trình xử lý sinh học nước thải bởi sự oxy hoá sinh học và tiêu thụ các chất ô nhiễm hữu cơ và vô cơ bởi vi sinh vật hay còn gọi là bùn hoạt tính.

Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt của Chủ đầu tư đề xuất là công nghệ SBR (Sequencing Batch Reactor – Bể phản ứng sinh học xử lý theo mẻ). Bể SBR hoạt động theo 5 pha:

- **Pha làm đầy (Fill):** Dòng nước thải được đưa vào bể trong suốt thời gian diễn ra pha làm đầy. Trong bể phản ứng hoạt động theo mẻ nối tiếp nhau, tùy theo mục tiêu xử lý, hàm lượng BOD đầu vào, quá trình làm đầy có thể thay đổi linh hoạt: làm đầy – tĩnh, làm đầy – hòa trộn, làm đầy – sục khí.
- **Pha phản ứng, thổi khí (React):** Tạo phản ứng sinh hóa giữa nước thải và bùn hoạt tính bằng sục khí hay làm thoáng bề mặt để cấp oxy vào nước và khuấy trộn đều hỗn hợp. Thời gian làm thoáng phụ thuộc vào chất lượng nước thải, khoảng 2 giờ. Trong pha phản ứng, quá trình nitrat hóa có thể thực hiện, chuyển nitơ từ dạng N-NH_4^+ sang N-NO_3^- và nhanh chóng chuyển sang N-NO_2^- .
- **Pha lắng (Settle):** Lắng trong nước. Quá trình diễn ra trong môi trường tĩnh, hiệu quả thủy lực của bể đạt 100%. Thời gian lắng trong và cô đặc bùn thường kết thúc sớm hơn 1 giờ.
- **Pha rút nước (Draw):** khoảng 0,5 giờ.
- **Pha chờ:** Chờ đợi để nạp mẻ mới, thời gian chờ đợi phụ thuộc vào thời gian vận hành 04 quy trình trên và vào số lượng bể, thứ tự nạp nước nguồn vào bể. Xả bùn dư là một giai đoạn quan trọng không thuộc 05 giai đoạn cơ bản trên, nhưng nó cũng ảnh hưởng lớn đến năng suất của hệ. Lưu lượng và tần suất xả bùn được xác định bởi năng suất yêu cầu, cũng giống như hệ hoạt động liên tục thông thường. Trong hệ hoạt động gián đoạn, việc xả bùn thường được thực hiện ở giai đoạn lắng hoặc giai đoạn tháo nước trong. Đặc điểm duy nhất là ở bể SBR không cần tuần hoàn bùn hoạt

tính. Hai quá trình làm thoáng và lắng đều diễn ra ở ngay trong một bể, cho nên không có sự mất mát bùn hoạt tính ở giai đoạn phản ứng và không phải tuần hoàn bùn hoạt tính từ bể lắng để giữ nồng độ.

- Công nghệ SBR cho phép xử lý chất hữu cơ (COD và BOD) và Nitrogen với hiệu quả cao, vận hành đơn giản và tiết kiệm diện tích xây dựng cũng như cho phép mở rộng quy mô công suất sau này mà không cần cải tạo xây dựng quá nhiều.
- Tiếp theo nước thải từ quá trình lắng của bể SBR T3 được bơm sang bể khử trùng T4 bằng 2 bơm chìm $Q = 10 \text{ m}^3/\text{h}$; $H = 4\text{m}$. Bơm chìm được đặt cách cao so với đáy bể để tránh bùn vi sinh bị hút ra.
- **Bể khử trùng T4:** Nước từ quá trình lắng của bể SBR T3 được bơm sang bể khử trùng. Tại đây, nước được khử trùng bằng Chlorine trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) được dẫn qua đường ống uPVC D200 dài 40m về hố ga thoát nước thải cửa dự án trước khi thải vào kênh Tuổi Trẻ.
- Bùn hoạt tính dư tại bể SBR T3 được dẫn về **bể chứa bùn T5** bằng bơm chìm hút bùn $Q = 10\text{m}^3/\text{h}$; $H = 4\text{m}$ để đảm bảo hiệu suất làm việc. Trong suốt quá trình xử lý, bùn hoạt tính dư sẽ được phát sinh ra. Về cơ bản, bùn hoạt tính dư này không có mùi và không gây nguy hại tới sức khỏe kỹ thuật viên vận hành và môi trường xung quanh. Bể chứa bùn được xây dựng để tiếp nhận bùn từ bể SBR. Nước lắng trong của bể chứa bùn được tự chảy về bể điều hòa để quay lại chu trình xử lý. Bùn thải được hút định kỳ bằng thiết bị chuyên dụng. Việc hút bùn được thực hiện 6 – 8 tháng/lần. Lượng bùn thải này không chứa thành phần nguy hại và được tận dụng để bón cây xanh trong khuôn viên dự án.

+ **Thông số các bể như sau:**

Bảng 27. Các công trình xây dựng dự kiến của HTXLNT sinh hoạt $20\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

STT	Hạng mục	Thể tích (m^3) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Kết cấu
1	Bể gom	2,35 (1,0m x 1,0m x 2,35m)	01 bể	Bê tông + gạch

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp”

STT	Hạng mục	Thể tích (m^3) (dài x rộng x sâu)	Số lượng	Kết cấu
2	Bể điều hoà	14,1 (2,0m x 3,0m x 2,35m)	01 bể	Bê tông + gạch hoặc Composite
3	Bể SBR	18,8 (2,0m x 4,0m x 2,35m)	01 bể	Bê tông + gạch hoặc Composite
4	Bể khử trùng	4,7 (2,0m x 1,0m x 2,35m)	01 bể	Bê tông + gạch hoặc Composite
5	Bể chứa bùn thải	4,7 (2,0m x 1,0m x 2,35m)	01 bể	Bê tông + gạch

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường đề xuất, 2022)

- Các thiết bị, máy móc phụ trợ của HTXLNT sinh hoạt tập trung $20m^3$ /ngày đêm như sau:

Bảng 28. Các máy móc, thiết bị phụ trợ của HTXLNT sinh hoạt tập trung $20m^3$ /ngày đêm

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ dự kiến
I	Bể gom			
1	Bơm chìm nước thải	Kiểu bơm chìm Lưu lượng: $Q = 5m^3/h$; $H = 4m$; 3 pha 380V, 50Hz.	2	Đài Loan
2	Phao đo mực nước	Dạng: phao nổi Chế độ: On/Off báo mức cao hoặc thấp	1	Trung Quốc
3	Chắn rác thô	Vật liệu: SUS304 Khe: 5 – 10 mm	1	Việt Nam
II	Bể điều hòa			

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp”

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ dự kiến
1	Bơm chìm nước thải	Kiểu bơm chìm Lưu lượng: $Q = 10\text{m}^3/\text{h}$; $H = 4\text{m}$; 3 pha 380V, 50Hz.	2	Đài Loan
2	Đĩa thổi khí thô	Đường kính: 105mm Vật liệu: EPDM Lưu lượng: $2 - 25\text{m}^3/\text{h}$	2	Đức
3	Phao đo mực nước	Dạng: phao nổi Chế độ: On/Off báo mức cao hoặc thấp	1	Trung Quốc
III	BỂ SBR			
1	Máy thổi khí	Loại: Root Lưu lượng khí: $1\text{m}^3/\text{phút}$ Cột áp: 4m Điện áp: 2,2kW, 3 pha 380V, 50Hz	2	Đài Loan
2	Đĩa thổi khí tinh	Đường kính: 270mm; Vật liệu: EPDM; Lưu lượng : $2 - 6\text{m}^3/\text{h}$.	8	Đài Loan
3	Bơm xả bùn dư	Bơm khí nâng Vật liệu: PVC	1	Việt Nam
4	Động cơ khuấy trộn thiếu khí	Số vòng quay: 20-30v/ph Công suất: $0,4\text{kW}/3\text{pha}/50\text{Hz}$ Trục cánh khuấy Inox	1	Đài Loan
5	Bơm hút nước sau xử lý	Lưu lượng: $Q = 10\text{m}^3/\text{h}$; $H = 4\text{m}$; 3 pha 380V, 50Hz.	2	Đài Loan
6	Phao đo mực nước	Dạng: Phao nổi Chế độ: On/Off báo mức cao hoặc thấp	1	Trung Quốc

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ dự kiến
IV	Bể khử trùng			
1	Bồn hóa chất khử trùng	Vật liệu: PE Dung tích: 300L	1	Việt Nam
2	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	Lưu lượng: Q = 18L/h Cột áp: 3 bar	1	Hàn Quốc

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường đề xuất, 2022)

+ Hóa chất sử dụng dự kiến: Clorine 0,5 kg/tháng.

+ Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) trước khi thải vào hệ thống thoát nước thoát ra kênh Tuổi Trẻ.

- Công trình thoát nước thải:

+ Nước thải sau khi xử lý qua HTXLNT sinh hoạt 20m³/ngày đêm được dẫn vào hệ thống đường ống thoát nước thải được thiết kế đặt ngầm, vật liệu là ống nhựa PVC Ø200 dày 9,6mm; chiều dài 10m, dẫn về hố ga thoát nước HG9.

+ Tại điểm thoát nước thải (hố ga HG9), bố trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nhằm giám sát và theo dõi lưu lượng nước thải hàng ngày.

+ Từ điểm thoát hố ga HG9, nước thải được dẫn vào tuyến cống PVC Ø400, dài 60m, được đặt ngầm trên phần đất dự trữ của dự án, dẫn nước thải thoát vào kênh Tuổi Trẻ.

+ Vị trí điểm xả: Kênh Tuổi Trẻ thuộc địa phận ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trực 105°30’): X=1090386, Y=0563839.

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh:

+ Hoạt động của dự án hầu như không phát sinh khí thải.

+ Bụi phát sinh trong quá trình gia công thiết bị inox phát sinh tương đối ít, chỉ phát sinh trong các xưởng gia công kín, diện tích rộng (>600 m²), thông thoáng.

- Đề xuất công trình, biện pháp: Lượng bụi phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án không đáng kể. Tuy nhiên, để bảo đảm chất lượng môi trường không khí về lâu dài, một số biện pháp giảm thiểu được áp dụng như sau:

+ Chỉ đạo công nhân thường xuyên dọn dẹp vệ sinh bụi sau mỗi ca sản xuất làm việc.

+ Bố trí kho chứa ngăn nắp, tiện dụng khi có yêu cầu xuất nhập hàng hóa; thường xuyên kiểm tra, vệ sinh quét dọn bụi.

+ Lắp đặt quạt thông gió tại các xưởng gia công nhằm để lưu thông và làm thoáng mát không khí, hạn chế bụi. Mỗi xưởng sản xuất, bố trí 04 quạt thông gió công nghiệp.

○ *Thông số kỹ thuật của quạt thông gió công nghiệp:*

- *Kích thước: 500x500x200mm – Sải cánh 350mm.*
- *Công suất: 750W.*
- *Tốc độ quay: 440 vòng/phút.*

+ Trang bị khẩu trang đạt tiêu chuẩn, có tấm lọc bằng than hoạt tính và được thay mới định kỳ cho những công nhân làm việc tại nơi có phát sinh bụi, nhằm giảm thiểu tác động của bụi đối với sức khỏe.

Bên cạnh đó, dự án đã được bao quanh toàn bộ bằng tường rào cao 3m, hạn chế tối đa việc lan truyền không khí ô nhiễm (nếu có) ra môi trường bên ngoài.

2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (gồm: CTR sinh hoạt, CTRCN thông thường, CTNH)

2.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

A) CTR sinh hoạt

- Nguồn và quy mô phát sinh:

+ CTR phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại Dự án. Thành phần chủ yếu là thực phẩm dư thừa, bao bì giấy, nhựa thải,...

+ Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh tại Dự án được tính toán theo công thức sau: $CT_{sh} = n \times CT_{đm}$, trong đó:

- CT_{sh} : Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong ngày (kg/ngày).
- n : Số lượng nhân viên (200 người).
- $CT_{đm}$: Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Quy hoạch xây dựng thì định mức phát sinh CTR của người dân tại khu vực dự án là 0,8kg/người-ngày.

Như vậy, tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn này ước tính khoảng: $(200 \text{ người} \times 0,8 \text{ kg/người/ngày}) = \mathbf{116 \text{ kg/ngày}}$.

+ Đặc điểm của CTR sinh hoạt là chứa thành phần hữu cơ dễ phân hủy cao, dưới tác động của nhiệt độ, độ ẩm, vi sinh vật, CTR hữu cơ bị phân hủy, sản sinh ra các chất khí như 63,8 % khí CH₄; 33,6 % khí CO₂ và một số khí khác gây ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng như gây ra các bệnh đau mắt, bệnh đường hô hấp, bệnh ngoài da,...

- Đề xuất công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTR sinh hoạt:

+ Chủ Dự án bố trí thùng chứa rác chuyên dụng (loại có nắp đậy) dọc trên các tuyến đường nội bộ và trong các xưởng sản xuất và khu vực văn phòng. Sử dụng các loại thùng chứa rác thải thông minh nhằm nâng cao công tác phân loại rác thải tại nguồn và tính thẩm mỹ trong không gian làm việc.

+ Thùng chứa rác dự kiến bố trí cụ thể như sau:

- Vật liệu: Nhựa composite, chủ dự án ưu tiên sử dụng các loại thùng chứa rác thải thông minh và thân thiện với môi trường.
- Thể tích thùng chứa rác: Loại 120 lít (trên các tuyến đường nội bộ), loại 20 lít (trong khu văn phòng và xưởng sản xuất).
- Màu sắc thùng chứa rác: Thùng chứa rác được bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ có màu xanh lá, đây là màu phổ biến nhất hiện nay, sử dụng cho thùng rác đựng chất thải sinh hoạt hàng ngày.

+ Đơn vị thu gom, xử lý: Ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt với tần suất đề xuất là 1 lần/ngày. Vì được thu gom xử lý hàng ngày và đã bố trí đầy đủ thiết bị lưu chứa nên cơ sở không bố trí khu tập kết CTR sinh hoạt tập trung (điểm d, khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

B) CTR công nghiệp thông thường

- Nguồn và quy mô phát sinh:

+ CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại Dự án chủ yếu là những loại inox phế liệu phát sinh trong quá trình gia công các sản phẩm inox. Ngoài ra còn có: bao bì giấy, thùng carton, sắt vụn, giẻ lau (không chứa thành phần nguy hại),...

+ Khối lượng phát sinh: Tham khảo số liệu ghi nhận từ thực tế hoạt động của Chi nhánh Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành – Quận Tân Phú, TPHCM (có quy mô tương đương so với Dự án), lượng CTR công nghiệp thông thường phát sinh được dự báo như sau:

Bảng 29. Dự báo CTR công nghiệp thông thường phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)	Mã chất thải (nếu có)
I	Chất thải tái chế	300	
1	Giấy và bao bì carton	20	18 01 05
2	Bao bì nhựa (đã chứa chất thải ra không phải là CTNH) thải	20	18 01 06
3	Inox phế liệu, Sắt vụn	260	11 04 03
II	Chất thải xử lý	60	
1	Giẻ lau (không nguy hại)	30	18 02 02
2	Vải, da vụn/hư hỏng	30	19 03 03

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)

- Đề xuất công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý CTR công nghiệp thông thường:

+ Việc quản lý CTR công nghiệp thông thường được tuân thủ theo Điều 66, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

+ Biện pháp thu gom, phân loại và lưu trữ: Chủ dự án tổ chức bố trí công nhân của các xưởng sản xuất vệ sinh và thu gom chất thải rắn sản xuất phát sinh sau mỗi ca làm việc, chất thải rắn sản xuất phải được phân loại làm 02 nhóm: phần tái chế được như phế liệu inox, kim loại vụn, giấy carton, bao bì,... và CTR công nghiệp thông thường phải phải xử lý (phân loại theo Khoản 1 Điều 81 Luật bảo vệ môi trường 2020 và Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) trước khi tập trung lại tại khu vực dành riêng cho rác thải loại này, sau đó sẽ được công nhân vận chuyển vào trong kho chứa rác thải sản xuất thông thường, tại đây rác thải được phân loại lại một lần nữa và lưu trữ để chờ xử lý.

+ Công trình lưu trữ CTR công nghiệp thông thường: Kho rác thải công nghiệp thông thường trong nhà được thiết kế riêng biệt, kiên cố, đúng quy định theo Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

- Kích thước của kho CTNH: 7,5m².
- Có cao độ nền 0,2m; gờ dốc bê tông đá, xoa mặt láng nhám chống trượt; đảm bảo không ngập lụt; mặt sàn được thiết kế không cho nước mưa chảy tràn từ bên ngoài.
- Sàn bê tông đá, lót gạch granite 300x300mm, không rạn nứt, kín khí, chống thấm; đủ độ bền.
- Tường cao 4,6m đảm bảo an toàn về PCCC.
- Có mái tole lạnh, sóng vuông, che nắng, che mưa.

+ Biện pháp xử lý: Biện pháp xử lý là thuê đơn vị có chức năng xử lý CTR công nghiệp thông thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Luật bảo vệ môi trường 2020.

- *Nhóm chất thải tái chế*: bao bì giấy, thùng carton, sắt vụn, inox vụn, bọc PE,... được lưu trữ trong kho và bán cho cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn, định kỳ 1 lần/tháng.
- *Nhóm CTR công nghiệp thông thường phải xử lý*: giẻ lau hỏng, găng tay hỏng,... được Công ty thu gom lưu trữ vào kho chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý đúng quy định.

2.3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Nguồn và quy mô phát sinh:

Trong giai đoạn hoạt động của Dự án, CTNH có thể phát sinh từ các nguồn sau:

+ Phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị, hệ thống điện chiếu sáng,... Chất thải nguy hại phát sinh từ nguồn này với thành phần và khối lượng phụ thuộc vào các yếu tố như: Số lượng máy móc thiết bị được bảo trì, tình trạng máy móc được bảo trì,... Thành phần chủ yếu như: Dầu nhớt thải, giẻ lau, chất hấp thụ bị nhiễm dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang hư hỏng,...

+ Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với thành phần gồm: Hộp mực in thải, pin thải, bao bì chứa chất tẩy rửa,...

+ Tham khảo số liệu từ quá trình hoạt động của các chi nhánh khác của Chủ dự án có quy mô tương đương với dự án, có thể dự báo khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn vận hành của dự án như sau:

Bảng 30. Danh mục CTNH phát sinh tại dự án

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10	PT - TC	Đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
2	Dầu nhớt, nhiên liệu thải từ máy móc thiết bị	17 06 03	40	TC - HR	
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30	PT - HR	
4	Giẻ lau dính dầu, bông thấm dầu	18 02 01	50	TĐ - HR	
5	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	20	TĐ - HR	
6	Bao bì mềm (chứa hóa chất tẩy rửa, vệ sinh nhà xưởng)	18 01 01	50	TĐ	
Tổng khối lượng			300		

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)

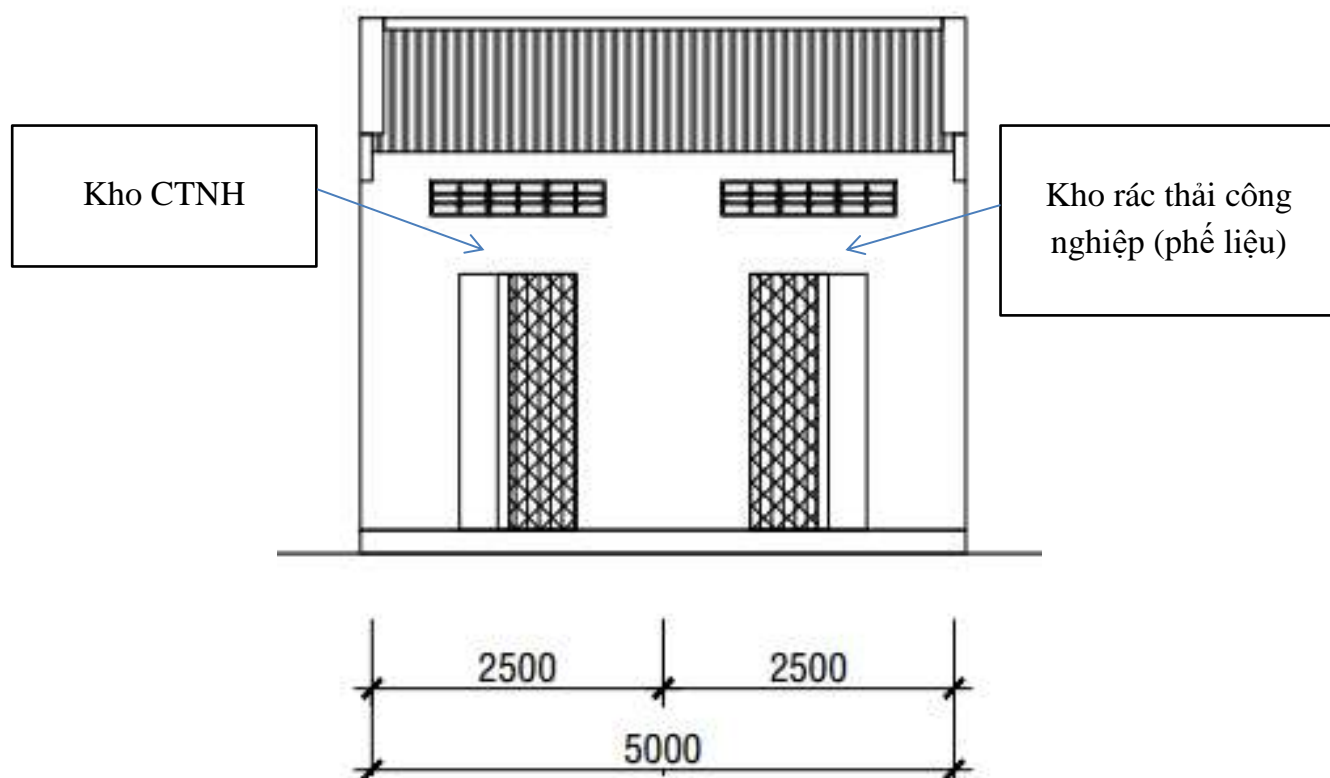
- Đề xuất công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý CTNH:

+ Việc quản lý CTNH được tuân thủ theo Điều 71, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Điều 35, Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

+ Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: Các loại CTNH phát sinh được chứa trong thùng chứa CTNH bằng nhựa PE loại 15L (đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) nhằm hạn chế sự rò rỉ ra môi trường và được tập trung tạm thời tại khu để rác của mỗi khu xưởng, sau đó công nhân chuyên trách sẽ thu gom và vận chuyển về kho CTNH của Công ty. Tại đây các công nhân sẽ tiến hành phân loại và lưu giữ tại kho chứa CTNH theo quy định. Định kỳ 3 tháng/lần, Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng phù hợp đến thu gom và vận chuyển bằng xe chuyên dụng đem đi xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

+ Công trình lưu giữ: Toàn bộ được lưu giữ trong kho chứa riêng biệt đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022. Cụ thể như sau:

- Kích thước của kho CTNH: 7,5m².
- Có cao độ nền 0,2m, gờ dốc bê tông đá, xoa mặt láng nhám chống trượt; đảm bảo không ngập lụt; mặt sàn được thiết kế không cho nước mưa chảy tràn từ bên ngoài.
- Sàn bê tông đá, lót gạch granite 300x300mm, không rạn nứt, kín khí, chống thấm; đủ độ bền.
- Tường cao 4,6m đảm bảo an toàn về PCCC.
- Có mái tole lạnh, sóng vuông, che nắng, che mưa.
- Có phân chia các ô riêng biệt cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH bằng vách tường chắc chắn, không cháy.



Hình 13. Mặt đứng trước nhà kho CTNH và nhà kho rác thải CN

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- **Nguồn phát sinh:** Quá trình hoạt động sản xuất của dự án, tiếng ồn và độ rung phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

- + Hoạt động của các máy móc trong nhà xưởng sản xuất như: các loại mô-tơ, máy đập, máy cắt,...
- + Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào công ty.
- + Sinh hoạt của các nhân viên, lao động tại công ty.

- Đề xuất công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Bố trí nhân công thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị, nếu có phát sinh tiếng ồn quá lớn để kịp thời sửa chữa.

+ Các nhà xưởng sản xuất được thiết kế đúng tiêu chuẩn, có lắp đặt các loại vật liệu giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như: cao su non, xốp cách âm PE – OPP, thạch cao,... trên trần, tường và sàn nhà xưởng.

+ Thường xuyên kiểm tra, lắp đặt mới, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các máy móc, thiết bị nếu chưa có hoặc có dấu hiệu hỏng hóc; có chế độ kiểm tra bảo dưỡng định kỳ như: bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

+ Đối với hoạt động giao thông nội bộ: Quy định tốc độ phương tiện lưu thông trong khu vực Dự án. Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn trong khu vực Dự án.

+ Ngoài ra, hệ thống cây xanh trong khuôn viên dự án ngoài việc tạo cảnh quan, giảm khả năng phát tán bụi, cây xanh còn có tác dụng làm giảm độ ồn đáng kể.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.5.1. Sự cố cháy nổ

- Nguyên nhân:

+ Do không thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng dẫn đến không phát hiện kịp thời hư hỏng.

+ Do không thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống sản xuất dẫn đến không phát hiện kịp thời hư hỏng.

+ Do thiên tai (sét đánh): Xác suất phát sinh cháy nổ từ sự cố này rất thấp, tuy nhiên khi phát sinh sẽ gây thiệt hại lớn về tính mạng con người, phát sinh cháy nổ trên diện rộng và khó kiểm soát.

- Công trình và biện pháp:

+ Trong các hạng mục công trình của dự án, được thiết kế hệ thống PCCC bao gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chữa cháy ngoài nhà.
- Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường.
- Hệ thống các bình chữa cháy tại chỗ.

- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

+ Hệ thống báo cháy tự động có chức năng tự động kiểm tra, phát hiện kịp thời các đám cháy xảy ra tại các khu vực trong vùng kiểm soát. Nhằm phát hiện kịp thời, hạn chế được các thiệt hại do cháy gây ra. Trung tâm xử lý báo cháy được đặt tại tầng trệt nhà bảo vệ. Đây là nơi theo dõi tổng quát toàn bộ diễn biến an toàn, an ninh của toàn khu tòa nhà và là nơi tổng hợp, đối chiếu thông tin trước khi chọn phương án xử lý thích hợp. Tất cả các thiết bị của hệ thống báo cháy ngoài đặc điểm nổi bật với kỹ thuật tinh vi, hoạt động chính xác, nó còn có khả năng thích ứng đặc biệt đối với môi trường riêng biệt tại công trình: bao gồm các yếu tố liên quan đến thời tiết như độ ẩm, nhiệt độ không khí,...

2.5.2. Sự cố về tai nạn lao động

- Nguyên nhân:

+ Nguyên nhân chủ yếu là do sự chủ quan, bất cẩn của công nhân vận hành hoặc do máy móc hư hỏng bất thường,...

+ Các tai nạn lao động có thể xảy ra là: bị vấp ngã, sập đồ, va đập, bỏng phoi, điện giật, đâm thủng, quần áo hay tóc bị cuốn vào máy,...

- Công trình và biện pháp:

+ Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị bảo hộ cho công nhân bảo trì, vận hành.

+ Đặt biển cảnh báo khổ lớn, dễ quan sát tại mỗi xưởng sản xuất.

+ Trang bị đầy đủ dụng cụ sơ cấp cứu tai nạn lao động tại mỗi xưởng sản xuất.

+ Áp dụng chương trình 5S trong nhà xưởng: sắp xếp, sắp đặt, sàng lọc, sạch sẽ, sẵn sàng.

+ Áp dụng nguyên tắc tuân thủ toàn cầu VF: nội dung chính là bắt buộc các xưởng phải tuân thủ nguyên tắc đảm bảo an toàn lao động đối với sức khỏe công nhân và vấn đề môi trường.

2.5.3. Sự cố liên quan đến công trình xử lý nước thải

A) Sự cố hầm tự hoại:

- **Nguyên nhân:** Sự cố hầm tự hoại thường do một số nguyên nhân sau:

+ Ống thoát khí bị hư hỏng, phát sinh rủi ro “nổ bể phốt”.

+ Các nguyên nhân liên quan đến hệ vi sinh, do công nhân thiếu ý thức xả xà phòng, thức ăn thừa và các chất khó phân hủy xuống bồn cầu gây chết vi sinh, ảnh hưởng khả năng xử lý.

+ Đường ống từ nhà vệ sinh đến bể bị tắc, gây ra hiện tượng cống thoát rất chậm hoặc ngừng thoát hoàn toàn.

+ Vách ngăn hoặc bộ lọc nước thải bị tắc, gây ra hiện tượng nước thải chảy ngược vào nhà, hoặc có thể nổi lên gần bể tự hoại.

- Biện pháp:

+ Phở biến quy định cho công nhân không được phép vứt thức ăn thừa, xà phòng, giấy vệ sinh,... vào bồn cầu.

+ Định kỳ 01 năm/lần thuê đơn vị có chuyên môn kiểm tra tình trạng hoạt động của hầm tự hoại.

+ Định kỳ 2 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh phù hợp để duy trì khả năng xử lý vi sinh của công trình.

B) Sự cố HTXLNT sinh hoạt tập trung:

Để phòng chống rủi ro dẫn đến hệ thống xử lý nước thải phải dừng hoạt động, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn.

+ Bố trí nhân viên vận hành hệ thống (01 người) đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Các thiết bị của hệ thống (máy bơm, máy thổi khí,...) được trang có hệ số dự phòng (02 máy chạy, 01 dự phòng) để đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường khi 01 thiết bị gặp sự cố.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại bể chứa, sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ được bơm trở lại quy trình xử lý.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi

Ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận (kênh Tuổi Trẻ - kênh cấp III nội đồng) có thể chịu ảnh hưởng do hoạt động xả nước thải của dự án nếu không được kiểm

soát từ các nguồn sau: Nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt. Theo đó, chủ dự án đề xuất một số biện pháp BVMT đối với nguồn nước tiếp nhận khi có hoạt động xả nước thải như sau:

- Thường xuyên giám sát chặt chẽ, tuân thủ quy trình vận hành có hiệu quả với các công trình BVMT đối với nước thải:

+ Nước mưa chảy tràn: tuyến cống thoát nước mưa xây dọc theo tường rào bao quanh khuôn viên dự án.

+ Nước thải sinh hoạt: kiểm tra định kỳ hàm tự hoại và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của dự án, xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố.

- Bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra các đường ống và công trình thoát nước của dự án.

- Thực hiện đầy đủ các chương trình quản lý, giám sát môi trường, quan trắc lưu lượng xả thải, quan trắc chất lượng nước thải trước sau xử lý, chất lượng nước mặt nguồn tiếp nhận (khi có yêu cầu của cơ quan quản lý).

- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức BVMT cho cán bộ công nhân viên vận hành tại dự án; Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra BVMT.

- Lập kế hoạch bảo trì, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc của dự án; Quản lý, kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải (định kỳ kiểm soát, hạn chế sự cố tắc nghẽn do chất rắn lơ lửng, đảm bảo dòng chảy, hoạt động ổn định của hệ thống) và các công trình lưu trữ CTR thông thường, CTNH.

- Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường, tổng hợp, xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường và định kỳ gửi về cơ quan quản lý.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, kế hoạch thực hiện và tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Trong quá trình xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị, chủ dự án dự kiến tiến hành đầu tư các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

Bảng 31. Dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp BVMT

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
I	Giai đoạn xây dựng		316.000.000

STT	Hạng mục đầu tư	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	Thùng chứa CTR loại nhựa HDPE có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín	4	6.000.000
2	Thùng chứa chất thải rắn nguy hại – màu vàng	2	2.000.000
3	Hợp đồng thu gom xử lý rác thải	1	5.000.000
4	Chi phí thuê nhà vệ sinh lưu động	1	3.000.000
5	Hệ thống XLNT sinh hoạt tập trung 20m ³ /ngày đêm	1	300.000.000
II	Giai đoạn vận hành		80.400.000
1	Bể tự hoại	2	50.000.000
2	Thùng chứa CTR loại nhựa HDPE có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín	4	6.000.000
3	Thùng chứa CTR loại 20 Lít	12	2.400.000
4	Thùng chứa chất thải rắn nguy hại – màu vàng trung	2	2.000.000
5	Cao su non/xốp cách âm PE – OPP/ thạch cao,...	-	20.000.000
Tổng			396.400.000

(Nguồn: Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiến Thành, 2022)

3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

- **Giai đoạn xây dựng:** Để đảm bảo các công tác về an toàn môi trường trong giai đoạn này, ngay từ đầu khi ký hợp đồng với nhà thầu thi công, chủ dự án sẽ đưa ra các điều khoản về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và yêu cầu cam kết tuân thủ nghiêm túc các điều khoản đưa ra.

Đồng thời chủ dự án sẽ bố trí từ 01-02 cán bộ kỹ thuật đảm nhận phụ trách theo dõi các công tác bảo vệ môi trường và an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng dự án.

- **Giai đoạn vận hành dự án:** Công ty TNHH TM-SX-XNK Tiên Thành chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trước pháp luật và trực tiếp tổ chức thực hiện.

Tất cả các cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án vừa sản xuất, vừa thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Trong đó, bố trí 02 người chuyên trách thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải, nhằm để công tác quản lý chất thải được thường xuyên, chặt chẽ, phát hiện sớm những vấn đề xảy ra để có hướng xử lý sớm nhất, bảo vệ môi trường trong cả quá trình vận hành dự án.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

- Căn cứ Phụ lục XI kèm theo Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Báo cáo được bố cục gồm đầy đủ các chương, mục theo quy định. Nội dung các chương, mục được trình bày rõ ràng, tương đối chi tiết như yêu cầu.

- Các thông tin, số liệu mô tả dự án là số liệu dự kiến, số liệu thực tế do Chủ dự án cung cấp.

- Các đánh giá về môi trường nước, môi trường không khí, tiếng ồn đều được thông qua các số liệu khảo sát tại thực địa của dự án và các số liệu phân tích trong phòng thí nghiệm. Các thông số được lựa chọn để xem xét các yếu tố môi trường là tương đối đầy đủ, các vị trí đo đạc, lấy mẫu khảo sát là đại diện cho hoạt động sản xuất của dự án và cho môi trường khu vực có dự án.

- Các rủi ro đã được đánh giá trên cơ sở tổng kết đúc rút những kinh nghiệm thường gặp trong hoạt động thực hiện dự án vì thế nó có tính dự báo cao. Trong quá trình thực hiện dự án luôn chú trọng các biện pháp phòng chống sự cố môi trường để đề xuất được các giải pháp phòng chống sự cố hữu hiệu.

- Các số liệu tham khảo đều ghi rõ nguồn tham khảo, đảm bảo tính chân thực và có thể kiểm tra của số liệu.

4.2. Về mức độ tin cậy của các đánh giá

- Các số liệu quan trắc chất lượng các thành phần môi trường môi trường: Quá trình thực hiện lấy mẫu tại hiện trường và phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm được thực hiện bởi đơn vị tư vấn là Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh (VIMCERTS 165).

- Các số liệu, công thức toán học được sử dụng trong báo cáo nhằm tính toán khái quát tải lượng của các nguồn thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng: Được tham khảo tại các Dự án có quy mô và loại hình tương đương nên có độ chính xác cao.

- Các số liệu, công thức toán học được sử dụng trong báo cáo nhằm tính toán khái quát tải lượng của các nguồn thải phát sinh trong giai đoạn vận hành: Được trích dẫn từ các nguồn tài liệu, dữ liệu cụ thể hoặc tham khảo từ các báo cáo ĐTM của Dự án tương đương đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, các số liệu thống kê của Tổ chức Y tế thế giới WHO nên đảm bảo về độ tin cậy.

- Phương pháp so sánh, phân tích, đánh giá và dự báo các tác động tiêu cực của dự án được định tính, định lượng qua tính toán, từ các số liệu thống kê tham khảo từ các Dự án khác, tình hình thực tế tại Dự án và so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành nên có độ tin cậy và chính xác cao.

- Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong quá trình lập báo cáo như sau:

Bảng 32. Mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng trong báo cáo

STT	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Số liệu được lấy từ các nguồn đáng tin cậy như Báo cáo môi trường Quốc gia...
2	Phương pháp đánh giá nhanh	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức y tế thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
3	Phương pháp so sánh	Cao	Các kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi các đơn vị có đầy đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường
4	Phương pháp kế thừa	Trung bình	Thực hiện bằng cách tham khảo các báo cáo ĐTM có quy mô và loại hình tương tự đã được phê duyệt để dự báo và đánh giá các tác động có khả năng xảy ra
5	Phương pháp quan trắc	Cao	Được thực hiện bởi đơn vị tư vấn có đầy đủ chức năng theo đúng quy định hiện hành

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, 2022)

CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh được dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 20 m³/ngày đêm để xử lý.

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 20 m³/ngày đêm.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20m³/ngày đêm.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, hệ số K=1,2)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.200
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	12
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/L	60
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/L	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
10	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	24
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	6.000

- Vị trí xả thải: Vị trí xả thải vào kênh Tuổi Trẻ thuộc địa phận ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000,

múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°30’): X=1090386, Y=0563839.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý được xả vào kênh Tuổi Trẻ theo phương thức tự chảy; nước thải xả mặt hay xả ngầm phụ thuộc vào thủy triều của kênh Tuổi Trẻ; nước thải xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: xả thải gián đoạn, chu kỳ xả thải và thời gian xả thải phụ thuộc vào lượng nước thải phát sinh.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Tuổi Trẻ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh tiếng ồn: Các thiết bị sản xuất tại khu vực xưởng dập.

- Áp dụng theo:

+ Đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn đối với nguồn ồn khu vực thông thường. Giá trị giới hạn tiếng ồn như sau:

Quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Giới hạn tối đa cho phép (theo mức âm tương đương, dBA)	
	QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường	Từ 6 giờ đến 21 giờ
70		55

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Công trình bảo vệ môi trường chính cần thực hiện vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động chính thức là: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung 20 m³/ngày đêm. Thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 trong khoảng thời gian không quá 06 tháng (đã bao gồm thời gian vận hành thử nghiệm và báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm).

Theo đó, Chủ dự án đề xuất thời gian vận hành thử nghiệm như sau:

- Thời gian dự kiến bắt đầu: Tháng 11/2022.
- Thời gian dự kiến kết thúc: Tháng 12/2022.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm và quan trắc chất thải

Kế hoạch quan trắc chất thải, dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải bao gồm vị trí, số lượng mẫu và tần suất giám sát được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Cụ thể như sau:

- Thời gian chuẩn bị và nuôi cấy vi sinh: 14 ngày (01-14/11/2022).
- Thời gian vận hành thử nghiệm: 30 ngày. Cụ thể:
 - + Thời gian bắt đầu: 15/11/2022; Thời gian kết thúc: 15/12/2022.
 - + Thời gian lấy mẫu đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải giai đoạn vận hành ổn định: 03 ngày liên tiếp, từ ngày 13 -15/12/2022.

+ Công suất dự kiến khi kết thúc vận hành: 100% công suất thiết kế.

**Ghi chú: Thời gian vận hành thử nghiệm có thể điều chỉnh thay đổi, bắt đầu thực hiện sau khi Dự án đã được cấp Giấy phép môi trường và Văn bản thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư do cơ quan quản lý cấp Giấy phép môi trường chấp thuận.*

1.2.2. Vị trí, thông số, số lượng mẫu và tần suất giám sát

Nội dung quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải dự án bao gồm vị trí, thông số, số lượng mẫu và tần suất giám sát được trình bày tóm tắt như sau:

Bảng 33. Nội dung quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý

STT	Mẫu công đoạn	Vị trí và tần suất lấy mẫu	Thông số thử nghiệm
Đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải (trong giai đoạn vận hành ổn định): 06 mẫu, trong đó			
1	03 mẫu đơn nước thải đầu vào hệ thống xử lý	- Mẫu đơn đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung - Tần suất: 03 lần liên tiếp trong 03 ngày	pH; BOD ₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng; Tổng chất rắn hòa tan; Sulfua (tính theo H ₂ S); NH ₄ ⁺ (tính theo N); NO ₃ ⁻ (Tính theo N); PO ₄ ³⁻ (Tính theo P); Tổng các chất hoạt động bề mặt; Dầu, mỡ động thực vật; Tổng Coliforms
2	03 mẫu đơn nước thải đầu ra hệ thống xử lý	- Mẫu đơn đầu ra hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung - Tần suất: 03 lần liên tiếp trong 03 ngày	

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

1.2.3. Đơn vị thực hiện lấy và phân tích mẫu

Chủ dự án đầu tư sẽ phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường Trà Vinh (đơn vị tư vấn) tiến hành lấy và thử nghiệm các mẫu nước thải của dự án.

Đơn vị tư vấn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường.

- Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường là đơn vị sự nghiệp, có chức năng thực hiện các tác nghiệp chuyên môn, kỹ thuật chuyên ngành về đo đạc bản đồ, tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và biến theo Quyết định số 156/QĐ-STNMT ngày 25/3/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trung tâm đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số VIMCERTS 165 theo Quyết định số 3104/QĐ-BTNMT ngày 05/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (cấp lần 2).

- Được Văn phòng công nhận chất lượng (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017-VILAS 280 theo Quyết định số 360.2020/QĐ-VPCNCL ngày 14/4/2020.

- Đại diện: Ông Nguyễn Nam Tuấn, chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Số 478A, đường Mậu Thân, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Điện thoại: (02943) 840 166 - 840 704; E-mail: ktnmttv@yahoo.com.vn

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Căn cứ theo tình hình hoạt động thực tế của cơ sở. Bên cạnh quan trắc nước thải định kỳ, Dự án còn tiến hành quan trắc môi trường không khí xung quanh và môi trường nước mặt nhằm mục đích như sau:

+ Quan trắc môi trường nước mặt tại kênh Tuổi Trẻ cách vị trí tiếp nhận nước thải của dự án 50m theo hướng dòng chảy, nhằm theo dõi chất lượng nguồn nước tiếp nhận khi dự án bắt đầu xả nước thải sau xử lý vào kênh Tuổi Trẻ.

+ Quan trắc tiếng ồn, tại vị trí khu đất tiếp giáp dự án theo hướng Bắc, nhằm theo dõi mức độ ảnh hưởng về tiếng ồn của các thiết bị sản xuất của dự án tới môi trường xung quanh.

Từ các căn cứ trên, Chủ dự án xin đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

Bảng 34. Chương trình quan trắc định kỳ của dự án trong giai đoạn vận hành

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	QCVN so sánh
Nước thải	Tại bể gom đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (NT ₁)	pH, BOD ₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hòa tan, Sulfua (tính theo H ₂ S),	03 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2)

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	QCVN so sánh
	Tại vị trí thoát nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (NT ₂)	NH ₄ ⁺ (tính theo N), NO ₃ ⁻ (Tính theo N), PO ₄ ³⁻ (Tính theo P), Tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu, mỡ động thực vật, Tổng Coliforms	03 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2)
Nước mặt	Nước mặt tại kênh Tuổi Trẻ cách vị trí tiếp nhận nước thải của dự án 50m theo hướng dòng chảy (NM)	pH, DO, COD, BOD ₅ , TSS, NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P và Coliform.	06 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B ₁)
Tiếng ồn	Tại khu đất tiếp giáp dự án theo hướng Bắc (TO)	Tiếng ồn	03 tháng/lần	QCVN 26:2010/BTNMT
Giám sát khác	Giám sát chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại		03 tháng/lần	-

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ Khoản 2 Điều 97 và Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXVIII, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Dự án không thực hiện quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh, chi phí lấy mẫu giám sát môi trường như sau:

Bảng 35. Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động của Dự án

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
I	Giám sát chất lượng nước thải				35.101.024

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp”

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	pH	mẫu	8	63.567	508.536
2	TSS	mẫu	8	219.403	1.755.224
3	BOD ₅	mẫu	8	184.232	1.473.856
4	COD	mẫu	8	195.775	1.566.200
5	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	8	189.193	1.513.544
6	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	8	317.654	2.541.232
7	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	8	271.234	2.169.872
8	H ₂ S	mẫu	8	212.872	1.702.976
9	TDS	mẫu	8	49.715	397.720
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mẫu	8	1.399.214	11.193.712
11	Dầu mỡ động thực vật	mẫu	8	467.926	3.743.408
12	Tổng Coliforms	mẫu	8	816.843	6.534.744
II	Giám sát chất lượng nước mặt				4.320.152
1	pH	mẫu	2	82.749	165.498
2	DO	mẫu	2	76.123	152.246
3	COD	mẫu	2	195.683	391.366
4	BOD ₅	mẫu	2	183.155	366.310
5	TSS	mẫu	2	140.373	280.746
6	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	2	174.419	348.838
7	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	2	235.360	470.720
8	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	2	217.868	435.736
9	Coliform	mẫu	2	854.346	1.708.692
III	Giám sát tiếng ồn				508.440
1	Tiếng ồn	mẫu	4	127.110	508.440
Trước thuế					39.929.616
Thuế VAT 8%					3.194.369
Tổng cộng					43.123.985

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp, 2022)

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiên Thành xin cam kết:

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của Dự án đầu tư “Xưởng Sản xuất Inox Gia dụng chuyên nghiệp” nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) trước khi thải vào kênh Tuổi Trẻ;

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường không nguy hại, chất thải nguy hại được quản lý tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát tiếng ồn trong hoạt động sản xuất, đảm bảo khu vực xung quanh phân xưởng đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 lần/năm đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè theo đúng quy định pháp lý hiện hành.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.



PHỤ LỤC BÁO CÁO

Đính kèm Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư (trong sản xuất Inox gia dụng chuyên nghiệp”)

Phụ lục 1: Văn bản pháp lý

- Bản sao giấy chứng nhận doanh nghiệp.
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến dự án.
- Các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

Phụ lục 2: Các bản vẽ liên quan đến dự án

- Bản vẽ thiết kế bố trí mặt bằng tổng thể của dự án.
- Bản vẽ tổng thể thoát nước mưa, thoát nước thải.
- Bản vẽ thiết kế cơ sở các công trình bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3: Các kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu khảo sát môi trường nền.
- Kết quả quan trắc môi trường 03 đợt khảo sát.

Phụ lục 4: Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường

Phụ lục 1: Văn bản pháp lý

- Bản sao giấy chứng nhận doanh nghiệp.
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.
- Các văn bản pháp lý khác liên quan đến dự án.
- Các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0305556458

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 03 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 19 tháng 05 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN THANH TRADING PRODUCE IMPORT EXPORT CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

12 Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0986196168

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

23.736.800.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ bảy trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM MINH SANG	Việt Nam	432A đường số 1, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	16.868.800.000	71,070	023172134	
2	PHẠM CHINH ĐÔNG	Việt Nam	22/19 Lê Cảnh Tuân, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	6.868.000.000	28,930	023857602	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM MINH SANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/01/1979 • Dân tộc: Kinh • Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 023172134

Ngày cấp: 24/07/2010 Nơi cấp: Công an TP HCM

Địa chỉ thường trú: 432A đường số 1, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 432A đường số 1, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng



Cù Thành Đức



Số:



346838/21

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hồ Chí Minh*
Địa chỉ trụ sở: *32, Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*
Điện thoại: *028.38.293.179* Fax:
Email: Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0305556458

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : bán buôn các sản phẩm làm từ nhựa, gỗ.	4669
2	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	2815
3	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết : Đại lý hàng hóa, môi giới hàng hóa.	4610
4	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết : bán buôn sản phẩm inox, sắt, nhôm, đồng	4662
5	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: sản xuất sản phẩm inox, sắt, nhôm, đồng(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	2410
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết : gia công sản phẩm inox, sắt, nhôm, đồng	2592(Chính)
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
8	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá tài sản)	6820

STT	Tên ngành	Mã ngành
9	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH. Địa chỉ: 12 Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Lưu: Vũ Ngọc Anh Thy.....

TRƯỞNG PHÒNG
Phó Trưởng Phòng




Cù Thành Đức

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0305556458-004

Đăng ký lần đầu, ngày 21 tháng 12 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU
TIẾN THÀNH**

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Áp Ó Tung A, Xã Châu Điền, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0903765341

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: **PHẠM MINH SANG**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *20/01/1979*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *080079015130*

Ngày cấp: *10/05/2021*

Nơi cấp: *Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành
Chính Về Trật Tự Xã Hội*

Địa chỉ thường trú: *22/19 Lê Cảnh Tuân, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *22/19 Lê Cảnh Tuân, Phường Phú Thọ Hoà, Quận Tân Phú, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP
KHẨU TIẾN THÀNH** Chứng Thực Bản Sao

Mã số doanh nghiệp: **0305556458** Đăng Với Bản Chính

Địa chỉ trụ sở chính: *Số 21 Nguyễn Bính, Phường Cầu Ông Thìn, Quận Bình Tân,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam* 18-04-2022

Công chứng viên Văn Phòng Công Chứng Tân Phú



Đỗ Thanh Luận

TRANG TRANG

Số: ..19..... /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....01..... ngày 14 tháng 2 năm 2022 của: Công ty TNHH TM SX XNK Tiên Thành
Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Phạm Minh Sang Chức vụ: Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CHỨNG NHẬN:

..... Công trình: Xưởng sản xuất Giá Dạng Chuyên Nghiệp.....

Địa điểm xây dựng/chế tạo (toàn bộ hoặc một phần): Xã Châu Điện, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH TM SX XNK Tiên Thành.....

Đơn vị tư vấn thiết kế: Tổng Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- 1: Giao thông phục vụ cho xe chữa cháy;.....
- 2: Bậc chịu lửa; giới hạn bậc chịu lửa; bố trí công năng của công trình có liên quan đến PCCC;
- 3: Khoảng cách an toàn PCCC; giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; thoát nạn;.....
- 4: Hệ thống chữa cháy bằng nước (chữa cháy trong và ngoài nhà);.....
- 5: Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố; đèn chỉ dẫn thoát nạn;.....
- 6: Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu; hệ thống chống sét;.....

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2.1. Mu

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- C07 (để báo cáo);
- Lưu: PC07 (Tổ thẩm duyệt).

Trà Vinh, ngày 05 tháng 5 năm 2022.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG.
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Thượng tá Nguyễn Minh Chiêu

**.QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN VÀ DANH MỤC
TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

*(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy
số 19/TĐ-PCCC ngày 05/5/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH)*

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN	
	<p>Diện tích khu đất: 4.457,40m², diện tích xây dựng 2.090,62 m² gồm các hạng mục: Xưởng đập diện tích 613,04m²; Xưởng bóng đập diện tích 613,04m²; Xưởng xả diện tích 584,64m²; Văn phòng có diện tích 157,86m²; Nhà bảo vệ diện tích: 9m²; bể nước PCCC có khối tích 162m³. Chiều cao phục vụ PCCC: 5,84m.</p>	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
01	Thuyết minh của công trình có liên quan	01 quyển
02	<p>Bản vẽ mặt bằng tổng thể: - TT:2/05; TT:3/05; TKKT:01/02; TKKT:02/02; TKKC:01/04; TKKC: 02/04; TKKC:03/04. - Nhà Văn phòng: TKKT:01/09; TKKT:2/09; TKKT:3/09; TKKT:4/09; TKKT:6/09; TKKT:7/09; TKKC:02/09; TKKC:05/09; TKKC:06/09; TKKC:07/09. - Nhà xưởng đập: TKKT:01/06; TKKT:02/06; TKKT:03/06; TKKT:04/06; TKKT:05/06; TKKT:06/06; TKKC:01/14; TKKC:02/14; TKKC:06/14; TKKC:07/14; TKKC:09/14; TKKC:10/14; TKKC:11/14; TKKC:12/14; TKKC:13/14. - Nhà xưởng bóng: TKKT:01/06; TKKT:02/06; TKKT:03/06; TKKT:04/06; TKKT:05/06; TKKT:06/06; TKKC:01/14; TKKC:02/14; TKKC:06/14; TKKC:07/14; TKKC:09/14; TKKC:10/14; TKKC:11/14; TKKC:12/14; TKKC:13/14. - Nhà xưởng xả: TKKT:01/07; TKKT:02/07; TKKT:03/07; TKKT:04/07; TKKT:05/07; TKKT:06/07; TKKT:07/07; TKKC:02/14; TKKC:06/14; TKKC:07/14; TKKC:09/14; TKKC:10/14; TKKC:11/14; TKKC:12/14; TKKC:13/14. - Hồ nước phòng cháy chữa cháy: TKKT: 01/03; TKKT: 02/03; TKKT: 03/03.</p>	
03	<p>Bản vẽ hệ thống phòng cháy, chữa cháy và chống sét TĐ: 01/20; TKKT:02/20; TKKT:03/20; TĐ:05/20; TĐ:06/20; TĐ:07/20; TĐ:08/20; TĐ:09/20; TĐ:10/20; TĐ:11/20; TĐ:12/20; TKKT:13/20; TKKT:14/20; TKKT:15/20; TKKT:16/20; TKKT:17/20; TĐ:18/20; TKKT:19/20; TKKT:20/20.</p>	

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

**CÔNG TY TNHH TM SX
XNK TIỀN THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01 /QĐ- CTY.TTH

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thiết kế xây dựng công trình
Xưởng Sản Xuất Inox Gia Dụng Chuyên Nghiệp**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIỀN THÀNH

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng công trình Xưởng Sản Xuất Inox Gia Dụng Chuyên Nghiệp với những nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Xưởng Sản Xuất Inox Gia Dụng Chuyên Nghiệp.
2. Thuộc dự án: Xưởng Sản Xuất Inox Gia Dụng Chuyên Nghiệp.
3. Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.
4. Địa điểm xây dựng: Ấp Ô Tung A, Xã Châu Điền, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh.
5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng - Chi cục Giám định xây dựng Trà Vinh.
6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng - Chi cục Giám định xây dựng Trà Vinh.
7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:
 - Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: KTS. Lê Hùng Nhơn.
 - Chủ trì thiết kế kết cấu: KS. Đặng Anh Duy.
 - Chủ trì thiết kế cấp - thoát nước: KS. Thạch Nhật Trường.
 - Chủ trì thiết kế hệ thống điện: KS. Dương Quốc Minh.
 - Chủ trì thiết kế hệ thống PCCC: KS. Nguyễn Vũ Lâm.
8. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:
 - Quy mô đầu tư xây dựng:

STT	CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH (M ²)	TỈ LỆ
A	KHU ĐẤT	4.457,40	100%
B	XÂY DỰNG	2.090,62	46,9%
1	XƯỞNG DẬP	613,04	
2	XƯỞNG BÓNG	613,04	
3	XƯỞNG XẢ	584,64	
4	VĂN PHÒNG	175,86	
5	NHÀ TRỰC	9,00	
6	NHÀ VỆ SINH	42,84	
7	NHÀ XE	52,20	
C	SÂN ĐƯỜNG + VỈA HÈ	1.817,04	40,8%
D	CÂY XANH	549,74	12,3%
1	BÊ PCCC	40,50	
2	TRẠM BIẾN ÁP	3,00	

9. Thời hạn sử dụng công trình: 50 năm.

10. Các nội dung khác: Không.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trực tiếp về quy mô, hiệu quả của dự án, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện đạt tiêu chuẩn, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của từng hạng mục công trình theo hồ sơ được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ đầu tư, các thành viên trực thuộc và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

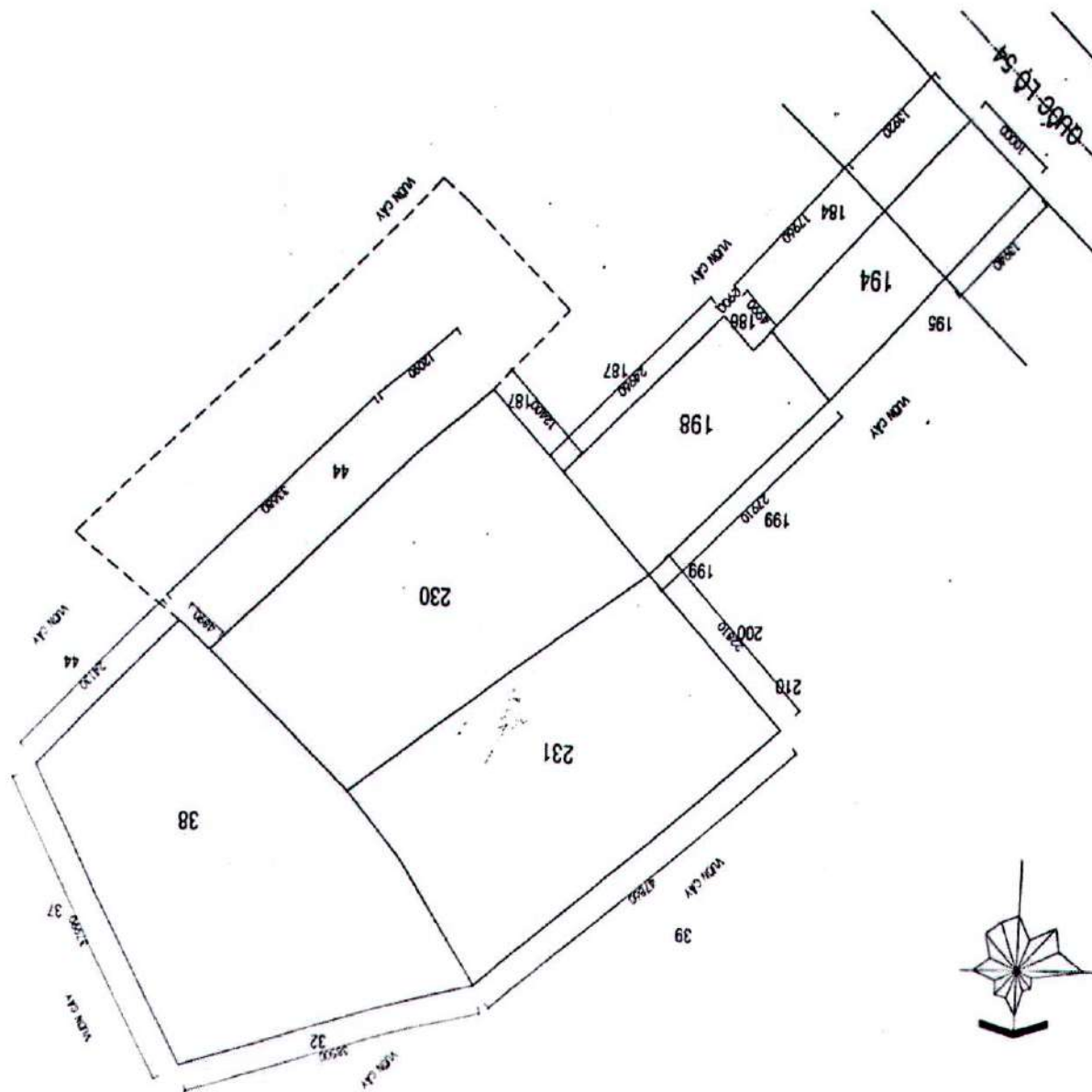
- Như Điều 4;
- Lưu: Cty.

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Sang



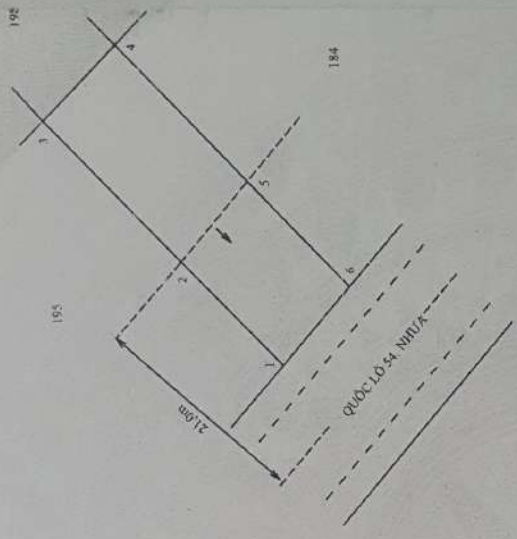
CHỦ DỰ ÁN		CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIỀN THÀNH	
TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ		XƯỞNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP	
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		ẤP Ô TÙNG A, XÃ CHÂU BIÊN, HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH	



SƠ BỐ THỪA KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	13,93
2-3	18,83
3-4	10,00
4-5	17,96
5-6	13,92
6-1	10,00



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: **194**, tờ bản đồ số: **11**,
- b) Địa chỉ: ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh,
- c) Diện tích: 322,6m², (bằng chữ: Ba trăm hai mươi hai mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 10/06/2071, diện tích 183,8m²; Sử dụng đến ngày 07/07/2072, diện tích 138,8m²,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất,

- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú:

Thửa đất có 138,8m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Quốc lộ 54.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	

Cầu Kè, ngày 4/5, tháng 7, năm 2022
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Diêu Hùng Kháng

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 1 4 2 2 0 6 3 4 3 8

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: PHẠM MINH SANG

Năm sinh: 1979, CMND số: 023172134

Địa chỉ thường trú: số 432A, đường số 1, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú,
Thành phố Hồ Chí Minh

DG 084092

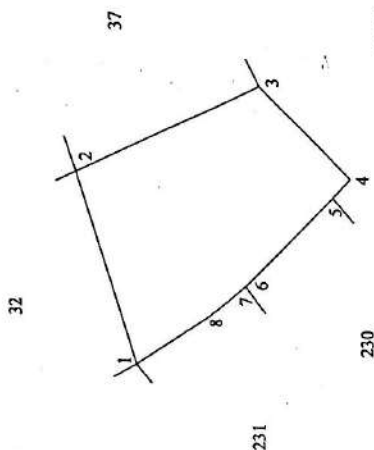
II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **38**, tờ bản đồ số: **II**
 - b) Địa chỉ: ấp Ô Tưng A, xã Châu Điện, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
 - c) Diện tích: **1451,0m²**; (bằng chữ: Một nghìn bốn trăm năm mươi một phẩy không mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 - f) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 04/03/2071
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: **-/-**
3. Công trình xây dựng khác: **-/-**
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: **-/-**
5. Cây lâu năm: **-/-**
6. Ghi chú: **Không**.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	38,50
2-3	37,99
3-4	24,15
4-5	4,89
5-6	23,14
6-7	0,76
7-8	9,17
8-1	16,67



Chứng thực Bản Sao
 Đùng Với Bản Chính
 Số chứng thực: **01.8.6.8.9** Quyển số: **SCT/BS**
 Ngày: **13-04-2022**
 Công chứng viên Văn Phòng Công Chứng Tân Phú



Điền Hương Không

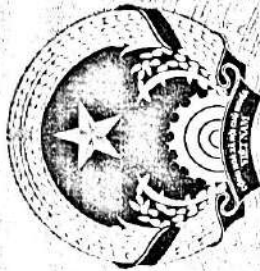
VŨ MINH TẠM

Số vào sổ cấp GCN: **CH09144**

<p>IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận</p> <p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p> <p>02/07/2021 KT. GIÁM ĐỐC PHÒNG GIÁM ĐỐC LE CÔNG TRIỀU</p>
<p>Chuyển nhượng cho ông: PHẠM MINH SANG, CMND số: 023172134, địa chỉ thường trú: số 432A, đường số 1, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; theo hồ sơ số 029536.CN.002/.</p>	

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Họ bà KIÊN THỊ CHANH
Năm sinh: 1977, CMND số: 334004699
Địa chỉ thường trú: ấp Ô Túng A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

CV 792760

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



2 9 3 1 4 2 1 0 2 9 5 3 6

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

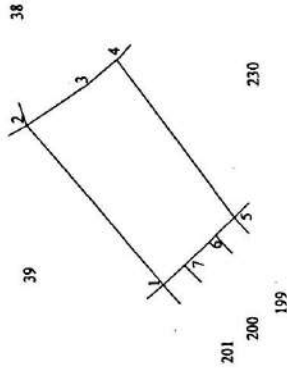
II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

I. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 231, tờ bản đồ số: 11
- b) Địa chỉ: ấp Ô Tưng A, xã Châu Diên, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 1117m², (bảng chữ: Một nghìn một trăm mười bảy mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn
- e) Thời hạn sử dụng: Lâu dài
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú: Không.

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	47,86
2-3	16,67
3-4	9,17
4-5	45,09
5-6	6,00
6-7	10,00
7-1	6,81



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính

Số chứng thực: 1.8688 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 13-07-2022

Công chứng viên Văn Phòng Công Chứng Tân Phú



Cầu Kè, ngày 24 tháng 11 năm 2020
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ

KT. CHỦ TỊCH
PHO CHỦ TỊCH



Đieu Hằng Trường

VÕ MINH TIỆM

Số vào sổ cấp GCN: CH08964

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển nhượng cho ông: PHẠM MINH SANG,
CMND số: 023172134, địa chỉ thường trú: số 432A,
đường số 1, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành
phố Hồ Chí Minh; theo hồ sơ số 081227.CN.002/J.

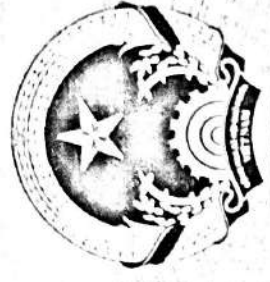
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



LÊ CÔNG TRIỀU

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Họ bà KIM THỊ SON
Năm sinh: 1972, CMND số: 334309188
Địa chỉ thường trú: ấp Ô Tung A, xã Châu Diên, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

CV 792378

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

31/05/2021
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

LE CÔNG TRIỀU

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển mục đích sử dụng từ đất Đất ở tại nông thôn thành đất Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 1117m² theo Công văn số 76/PIN-MI ngày 28/5/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè, hồ sơ số 081227.CM.003./.



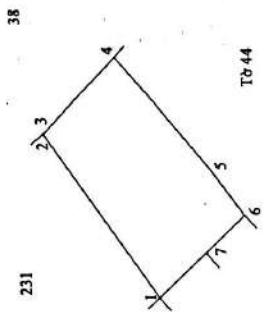
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

2 9 3 1 4 2 0 0 8 1 2 2 7

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**
- 1. Thửa đất:**
- Thửa đất số: 230, tờ bản đồ số: 11
 - Địa chỉ: ấp Ô Túng A, xã Châu Diên, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
 - Diện tích: 1164,7m², (bằng chữ: Một nghìn sáu trăm mười bốn phẩy bảy mét vuông)
 - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn
 - Thời hạn sử dụng: Lâu dài
 - Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- 2. Nhà ở:** -/-
- 3. Công trình xây dựng khác:** -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng:** -/-
- 5. Cây lâu năm:** -/-
- 6. Ghi chú:** Không.

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	45,09
2-3	0,76
3-4	23,14
4-5	33,68
5-6	12,09
6-7	12,40
7-1	15,00



Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính

Số chứng thực: 8-6-9-... Quyển số: ... SCT/BS
Ngày: 19-04-2021

Công chứng viên Văn Phòng Công Chứng Tân Phú

Cầu Kè, ngày 24 tháng 11 năm 2020
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Diều Hằng Khánh

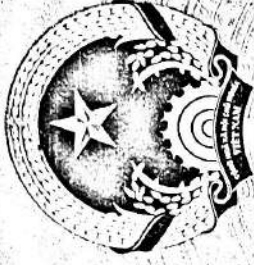
VŨ MINH TẠM

Số vào sổ cấp GCN: CH08963

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	<p>Chuyển nhượng cho ông: PHẠM MINH SANG, CMND số: 023172134, địa chỉ thường trú: số 432A, đường số 1, phường Phú Thọ Hoa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh; theo hồ sơ số 081226.CN.002/J.</p> <p>22/01/2021 KT. GIAM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC CHÍNH HÀNH HUYỆN CẦU KÈ TRÀ VINH</p> <p>LÊ CÔNG TRIỀU</p>

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà NGUYỄN THỊ THUY KIỀU

Năm sinh: 1971, CMND số: 334632114

Địa chỉ thường trú: ấp Bà Mỹ, xã Hòa An, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

CV 792377

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

31/05/2021.
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nội dung thay đổi: và cơ sở pháp lý:

Chuyển mục đích sử dụng từ đất Đất ở tại nông thôn thành đất Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích 1164,7m² theo Công văn số 75/PTN-MT ngày 28/5/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cầu Kè, hồ sơ số 081226.CM.003.7.



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan Cấp Giấy.

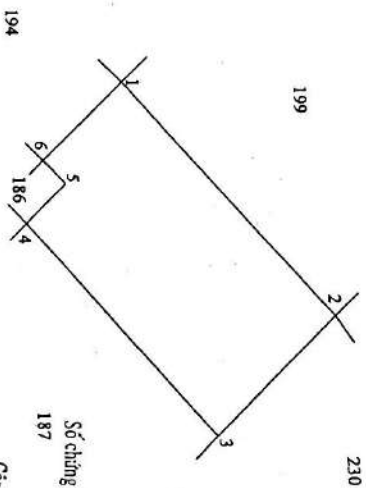
2 9 3 1 4 2 0 0 8 1 2 2 6

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 198, tờ bản đồ số: 11
 - b) Địa chỉ: ấp O Tung A, xã Châu Diên, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh
 - c) Diện tích: 402,1m², (bằng chữ: Bốn trăm linh hai phẩy một mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - e) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
 - f) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 04/03/2071
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất
- 2. Nhà ở: -/-
 - 3. Công trình xây dựng khác: -/-
 - 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
 - 5. Cây lâu năm: -/-
 - 6. Ghi chú: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	27,91
2-3	15,00
3-4	24,96
4-5	4,99
5-6	2,90

Chứng Thực Bản Sơ Đồ
Đùng Với Bản Chính

Số chứng thực: 1.8.6.9.5 Quyển số: SCTBRS

Ngày: 18.01.2021

Công chứng và Chứng thực Tân Phú



VŨ MINH TIỆM

Cầu Kè, ngày 10, tháng 06 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Giàu Hoàng Sáng

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy/chứng nhận

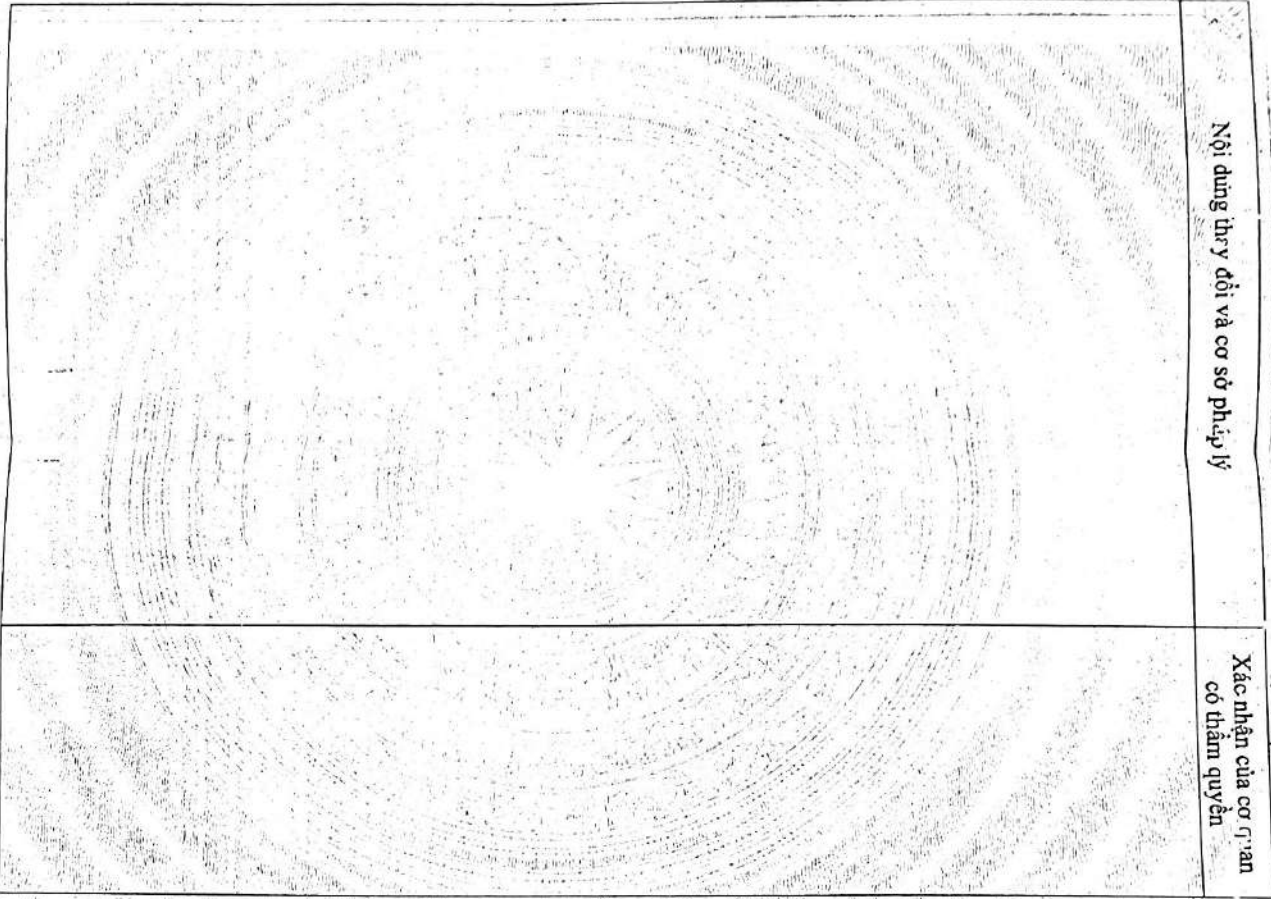
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Chuyển nhượng cho ông: PHAM MINH SANG,
CMND số: 023172134, địa chỉ thường trú: số 432A,
đường số 1, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành
phố Hồ Chí Minh; theo hồ sơ số 063442.CN.005./.

02/07/2021
KT. GIÂM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHÍNH HÀNH
HUYỆN
CẦU KÈ
LÊ CÔNG TRIỆU

Nội dung trình đời và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



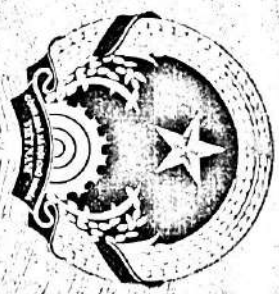
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 1 4 2 1 0 6 3 4 4 2

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà NGUYỄN THỊ THUY KIEU

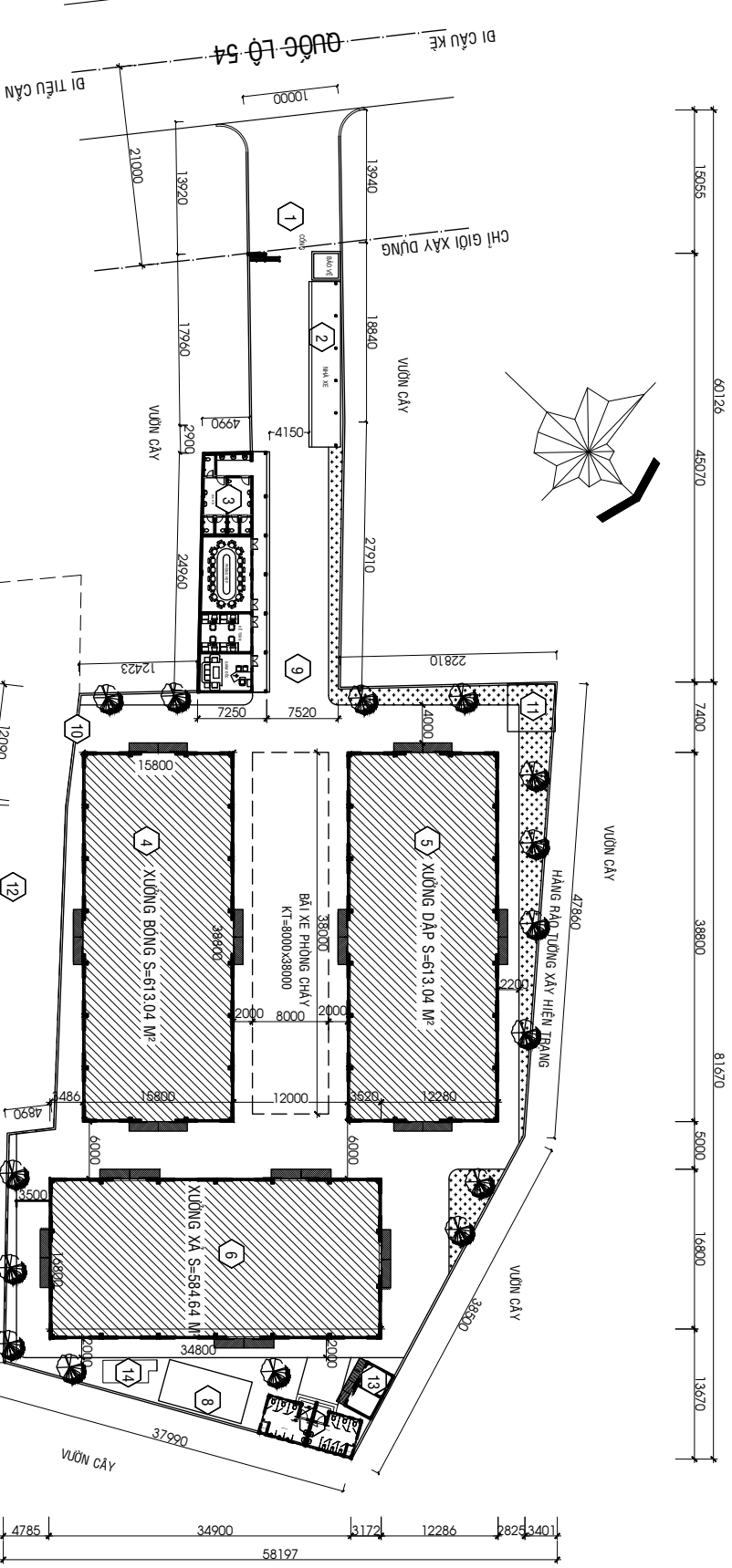
Năm sinh: 1971, CMND số: 334632114

Địa chỉ thường trú: ấp Bà Mỹ, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

CV 792754

Phụ lục 2: Các bản vẽ liên quan đến dự án


- Bản vẽ thiết kế bố trí mặt bằng tổng thể của dự án.
- Bản vẽ tổng thể thoát nước mưa, thoát nước thải.
- Bản vẽ thiết kế cơ sở các công trình bảo vệ môi trường.

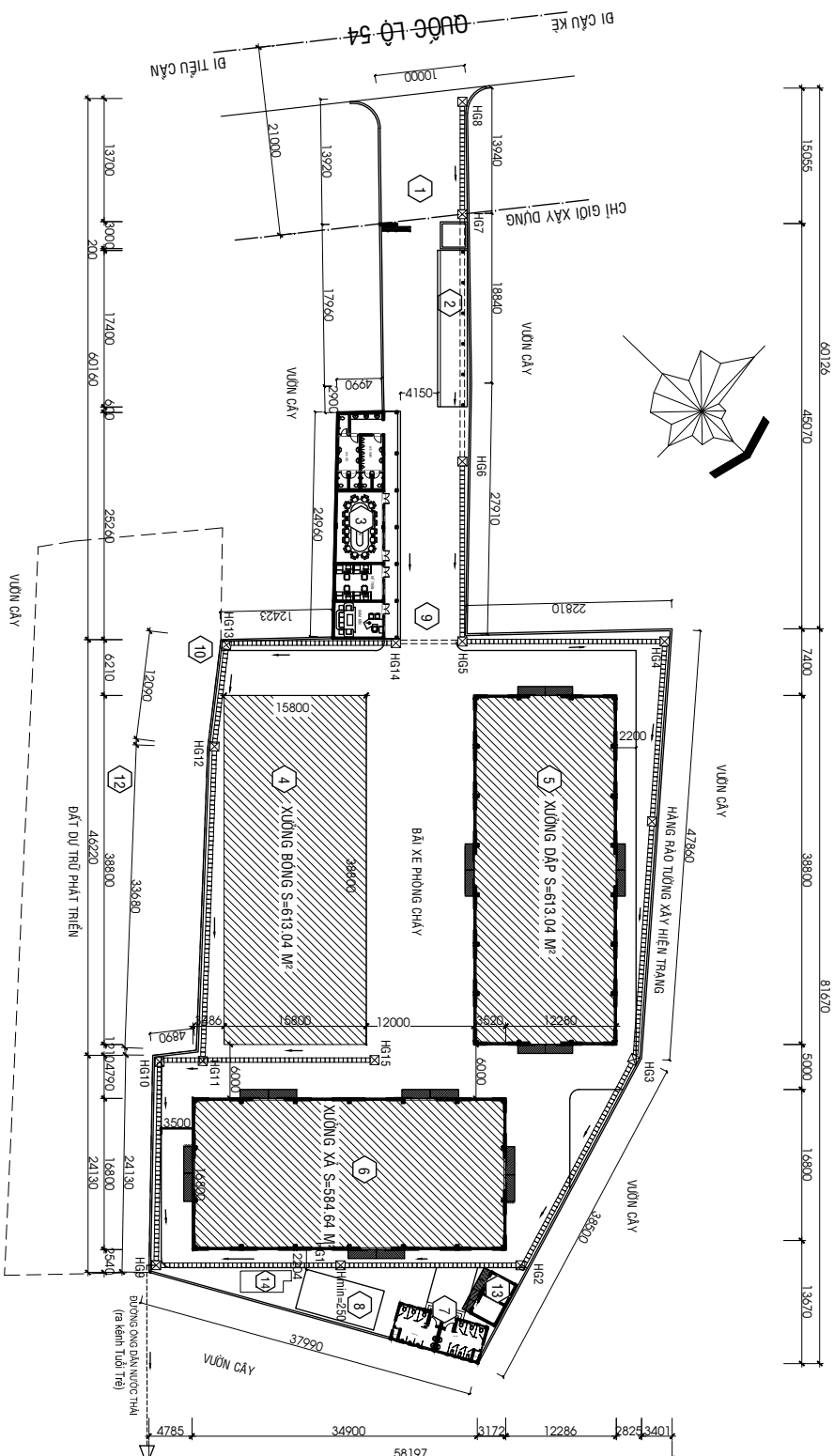


*** CHÚ THÍCH:**

- ① CÔNG VÀ NHÀ TRƯC
- ② NHÀ XE NHẬN VIÊN VÀ CÔNG NHẬN
- ③ VĂN PHÒNG
- ④ XƯỜNG BÔNG
- ⑤ XƯỜNG DẬP
- ⑥ XƯỜNG XÁ
- ⑦ KHU VỆ SINH
- ⑧ BỂ NƯỚC PCCC
- ⑨ SÂN DƯỜNG CÂY XANH
- ⑩ HÀNG RÀO HIỆN TRẠNG
- ⑪ TRẠM BIẾN ÁP
- ⑫ KHU ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN
- ⑬ KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ PHẾ LIỆU
- ⑭ HTXLNT 20 M3/NGAY

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐỊNH VI

CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH TM SX NK TIẾN THÀNH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ		
CHỈ CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG TRÀ VINH		
 TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG		
Địa chỉ: Số 226 - Trần Phú - Phường 7 - Thành Phố Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh ĐT: (0294) 868899 (0294) 860889 - Email: trungtamgiamdinh@travinh.com		
TÊN CÔNG TRÌNH		
XƯỜNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP		
Địa điểm XD: Ấp Ô Tung A, Xã Châu Điện, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh.		
HÀNG MỤC		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
CHỦ TRÌ		
KỶ TÊN		
KTS.LÊ HÙNG NHƠN		
THIẾT KẾ		
KTS.LÊ HÙNG NHƠN		
THỂ HIỆN		
KTS.LÊ HÙNG NHƠN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		
KỶ TÊN		
KTS. HỒ THỊ HỒNG DUYÊN		
SỐ HỒ SƠ		
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SỐ BỐ <input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG <input checked="" type="checkbox"/> THIẾT KẾ XIN PHÉP XÂY DỰNG <input type="checkbox"/> HIỆN TRẠNG <input type="checkbox"/> THIẾT KẾ BẢN VẼ THỊ CÔNG <input type="checkbox"/> HIỆU CHỈNH		
SỐ BẢN VẼ <input type="checkbox"/> TỶ LỆ <input type="checkbox"/> HOÀN THÀNH		
TT: 3 / 05 <input type="checkbox"/> 1 / <input type="checkbox"/> 02 / 2022		



*** CHÚ THÍCH:**

- ① CÔNG VÀ NHÀ TRỤC
- ② NHÀ XE NHÂN VIÊN VÀ CÔNG NHÂN
- ③ VƯỜN PHÒNG
- ④ XƯỜNG BÔNG
- ⑤ XƯỜNG ĐẬP
- ⑥ XƯỜNG XÁ
- ⑦ KHU VỆ SINH
- ⑧ BỂ NƯỚC PCCC
- ⑨ SÂN ĐƯỜNG CÂY XANH
- ⑩ HÀNG RÀO HIỆN TRẠNG
- ⑪ TRẠM BIỂM ÁP
- ⑫ KHU ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN
- ⑬ KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ PHẾ LIỆU
- ⑭ HTXLNT 20 M3/NGÀY ĐÊM

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

PHẦN BỀ TÔNG CỐT THIẾT RỘNG 500 hình=250, hìnhx=600, THÀNH RÀNH DÂY 200
(TỌA ĐỘ VỊ TRÍ 9.86055, 106.079946)

TRƯỚC KHI THI CÔNG CẦN KHẢO SÁT LẠI HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH, TRONG TRƯỜNG HỢP CẦN THIẾT THAY ĐỔI BẢN VẼ THIẾT KẾ PHẢI LIÊN LẠC VỚI BỘ PHẬN THIẾT KẾ BẾ VỆ YẾU CẦU CHÍNH SỬA

CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIỀN THÀNH		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ		
CHI CỤC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG TRÀ VINH		
TRƯỜNG TÂM GIẢI PHÁP CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG		
ĐIA CHỈ: SỐ 28 - TỈNH PHÚ - PHƯỜNG 7 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH Đ.T: (0524) 868899 (024) 868089 , Email: tuongtamgiap@trungtamgiap.com		
TÊN CÔNG TRÌNH		
XƯỜNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP		
ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP Ồ TÙNG A, XÃ CHÂU ĐÌNH, HUYỆN CẦU KÉ, TỈNH TRÀ VINH.		
HÀNG MỤC		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA		
CHỦ TRÌ	KÝ TÊN	
KTS/LE HÙNG NHƠN		
THIẾT KẾ		
KTS/LE HÙNG NHƠN		
THỂ HIỆN		
KTS/LE HÙNG NHƠN		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KÝ TÊN	
KTS. HỒ THỊ HỒNG DUYÊN		
SỐ HỒ SƠ		
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> HOÀN CÔNG	
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ XIN PHÉP XÂY DỰNG	<input type="checkbox"/> HIỆN TRẠNG	
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	<input type="checkbox"/> HIỆU CHỈNH	
SỐ BẢN VẼ	TỶ LỆ	HOÀN THÀNH
TKKT: 4 / 06	1/	05/01 / 2021

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TM XNK TIẾN THÀNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG TRÀ VINH



TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

ĐỊA CHỈ: SỐ 238 - TRẦN PHÚ - PHƯỜNG 7 - THÀNH PHỐ THẠ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 989899 (0294) 989899 - Email: trungtamgiamdinh@tqgim.com

TÊN CÔNG TRÌNH

XUỒNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG
CHUYÊN NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP 0 TƯỜNG A, XÃ CHÂU ĐIỀN,
HUYỆN CẦU KÉ, TỈNH TRÀ VINH.

HÀNG MỤC

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

CHỦ NHIỆM KÝ TÊN

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

THIẾT KẾ + CHỦ TRÌ

KS. THẠCH NHẬT TRƯỜNG

THỂ HIỆN

KS. THẠCH NHẬT TRƯỜNG

QUẢN LÝ KỸ THUẬT KÝ TÊN

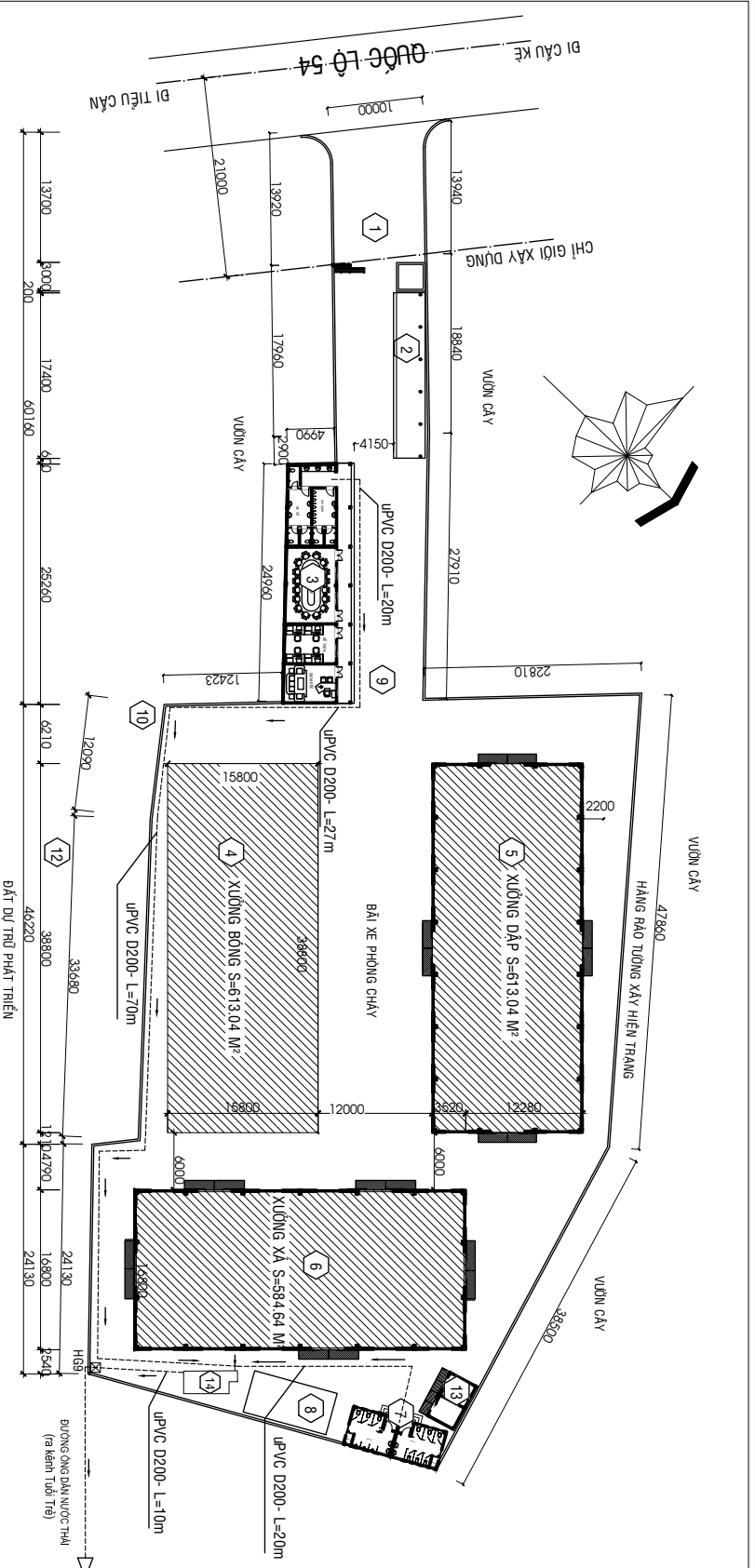
KTS. LÊ HÙNG NHƠN

SỐ HỒ SƠ

THIẾT KẾ SƠ BỘ HOÀN CÔNG
 THIẾT KẾ XÂY DỰNG HIỆN TRẠNG
 THIẾT KẾ BAN VẼ TH CÔNG HIỆU CHỈNH

SỐ BẢN VẼ TỶ LỆ HOÀN THÀNH

CTN: 01/01 1/100 2022

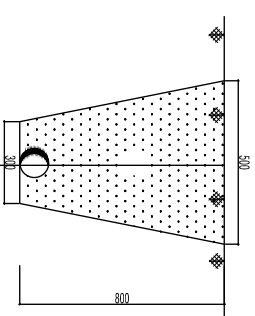


MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

* CHÚ THÍCH:

- 1) CÔNG VÀ NHÀ TRỤC
- 2) NHÀ XE NHẬN VIỆN VÀ CÔNG NHẬN
- 3) VÁN PHÒNG
- 4) XUỒNG BÔNG
- 5) XUỒNG DẬP
- 6) XUỒNG XÁ
- 7) KHU VỆ SINH
- 8) BỂ NƯỚC PCCC
- 9) SÀN DƯNG CÂY XANH
- 10) HANG RÀO HIỆN TRẠNG
- 11) TRÀM BIẾN AP
- 12) KHU ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN
- 13) KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ PHẾ LIỆU
- 14) HTXLNT 20 M3/NGÀY ĐÊM

CHI TIẾT MƯƠNG DẶT ỐNG



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TM XNK TIẾN THÀNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

SƠ XÂY DỰNG TRÀ VINH

TRUNG TÂM QUỸ HOẠCH VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG

Địa chỉ: Số 226 - Trần Phú - Phường 7 - Thành Phố Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh
ĐT: (0294) 868989 (0294) 868988 - Email: trungtamquyhoach@gmail.com

GIÀM ĐỐC

KS. NGUYỄN MINH TUẤN

TÊN CÔNG TRÌNH

XUỐNG SÀN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP

Địa điểm XD: Ấp 0 TÙNG A, XÃ CHÂU ĐIỀN, HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH.

TÊN BẢN VẼ

HẦM TỰ HOẠI + CHỦ THÍCH

CHỦ TRÌ

KÝ TÊN

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

KÝ TÊN

THIẾT KẾ

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

THỂ HIỆN

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. HỒ THỊ HỒNG DUYÊN

SỐ HỒ SƠ

THIẾT KẾ CẢI TẠO

THIẾT KẾ KỸ THUẬT

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

SỐ BẢN VẼ

TỶ LỆ

HOÀN THÀNH

HOÀN CÔNG

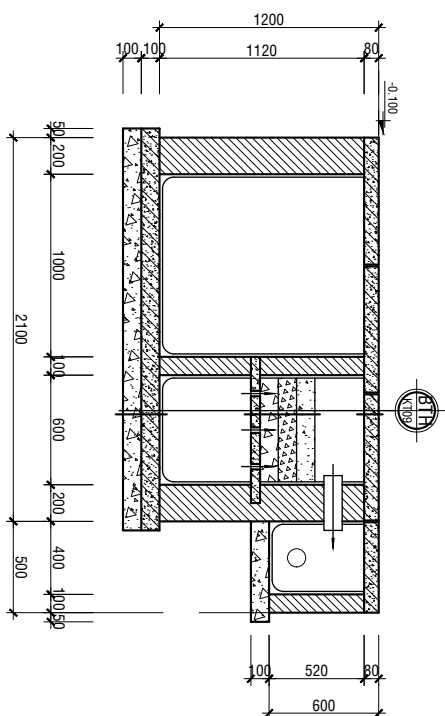
HIỆN TRẠNG

HIỆU CHỈNH

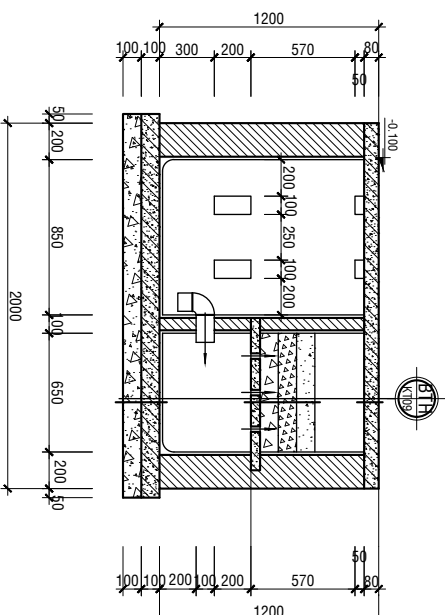
TKCT: 1 / 1

1/

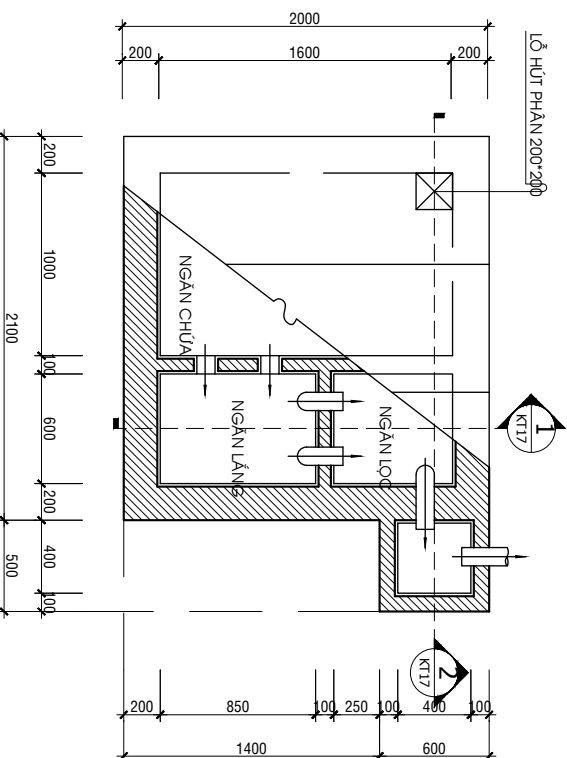
/2022



MẶT CẮT 2-2, TL:1/25.

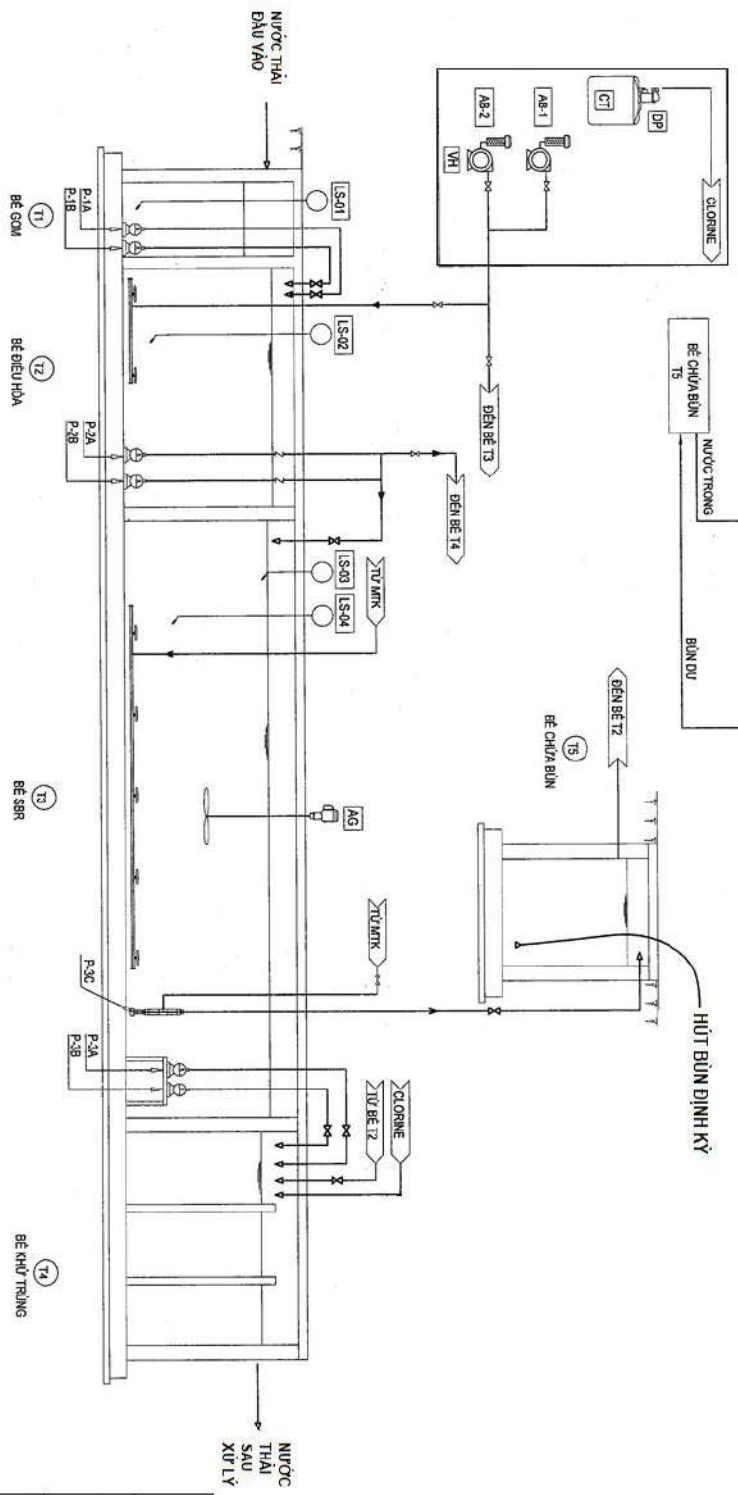
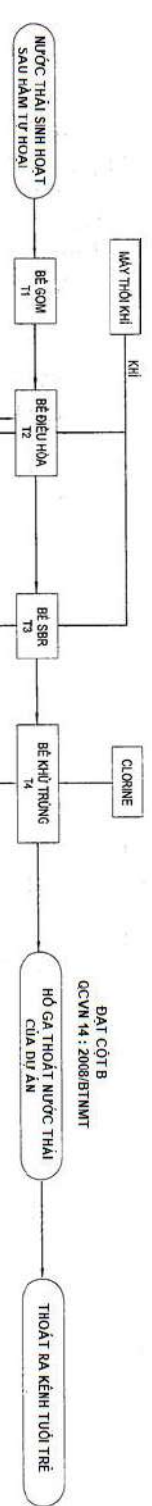


MẶT CẮT 1-1, TL:1/25.



MẶT BẰNG BẾ TỰ HOẠI - 1CK TL:1/25.

SỐ TT	TÊN	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI CẤU TẠO	GHI CHÚ
01	BẾ TỰ HOẠI		<ul style="list-style-type: none">- NẠP HẦM BẾ TÔNG CỐT THÉP- LỚP THẠM XÍ DÀY 100- LỚP ĐÁ 10-20 DÀY 100- ĐÁMI LỌC B.T.C.T ĐÁ 10x20 CHỮA LỖ Ø50, CARO 200-- ĐÁMI LƯNG MẮC 75 DÀY 30, VỮA TRÁI DÀY 20- ĐÁMI DÂY BẾ BẾ TÔNG CỐT THÉP- BẾ TÔNG ĐÁ 40-60 B125	



CÔNG TRÌNH		THIẾT BỊ	
KÝ HIỆU BỂ	HẠNG MỤC	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU THIẾT BỊ
T-1	BỂ GOM	BƠM CHẠM NƯỚC THẢI	Q-SM2H1-H=4M 380V/3P/450HZ
		PHẠO BƠM NƯỚC	LS-01
T-2	BỂ ĐIỀU HÒA	BƠM CHẠM NƯỚC THẢI	Q-10M2H1-H=4M 380V/3P/450HZ
		PHẠO BƠM NƯỚC	LS-02
T-3	BỂ SBR	BƠM CHẠM NƯỚC THẢI	Q-10M2H1-H=4M 380V/3P/450HZ
		CẢNH KHUYA	AG
		PHẠO BƠM NƯỚC	LS-03

CÔNG TRÌNH		THIẾT BỊ	
KÝ HIỆU BỂ	HẠNG MỤC	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU THIẾT BỊ
T-4	BỂ KHỬ TRÙNG		
T-5	BỂ CHỨA BÙN		
VH	NHÀ VẬN HÀNH	MÁY THỜI KHÍ	AB1/2
		BƠM HỒA CHẤT	CT1
	BƠM ĐINH LƯÔNG	PP1	Q-18D/PH=1T H=380K
	TỦ ĐIỆN		

TÊN DỰ ÁN
XƯƠNG SẠC INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP

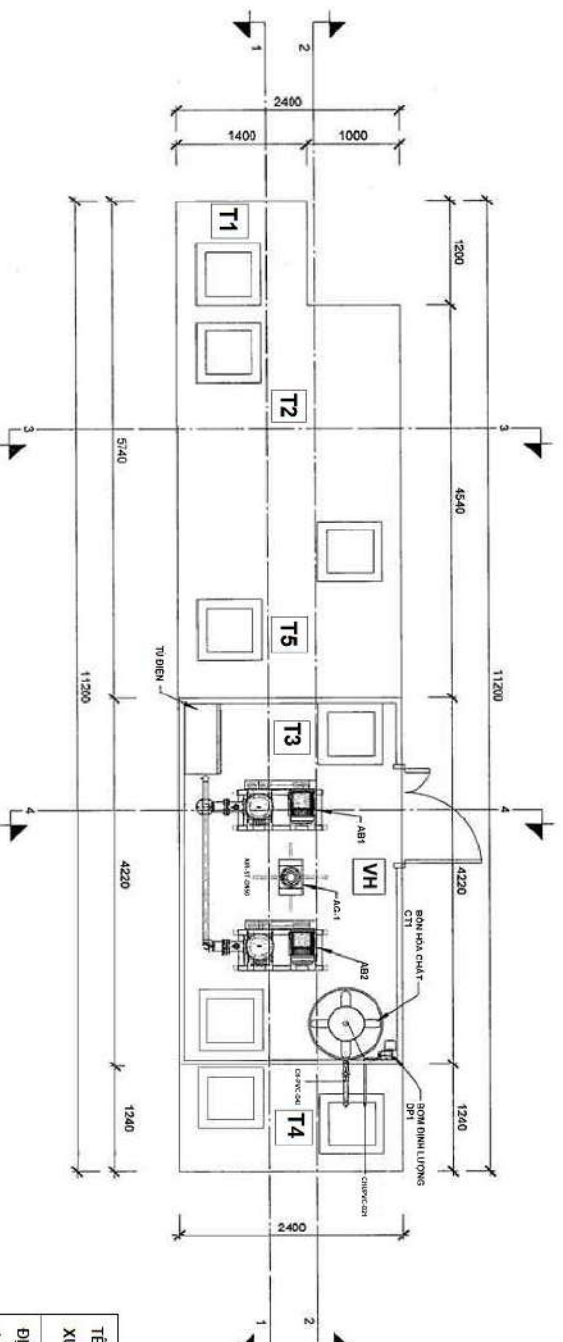
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN
 ẤP 0 TÙNG A, XÃ CHÂU ĐIỆN, HUYỆN CẦU KÈ,
 TỈNH TRÀ VINH

CHỦ DỰ ÁN
 CÔNG TY TNHH TM SX XIKK TIỀN THÀNH

TÊN BẢN VẼ
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ
SINH HOẠT TẬP TRUNG 20M3/NGÀY BỀM



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HTXLNT 20M3/NGÀY ĐÊM



GHI CHÚ

* Các bể T1, T2, T3, T4, T5 được đặt ngầm.
 Nhà vận hành VH được lắp đặt phía trên bể SBR T3

KÝ HIỆU BỂ	HÀNG MỤC
T1	BỂ GỒM
T2	BỂ ĐIỀU KHIỂN
T3	BỂ SBR
T4	BỂ KHỬ TRÙNG
T5	BỂ CHỮA SÚN
VH	NHÀ VẬN HÀNH

TÊN DỰ ÁN
 XƯỞNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN

ẤP 0 TƯỜNG A, XÃ CHÀU ĐIỆN, HUYỆN CẦU KÈ,
 TỈNH TRÁI GIỜNG

CHỦ DỰ ÁN

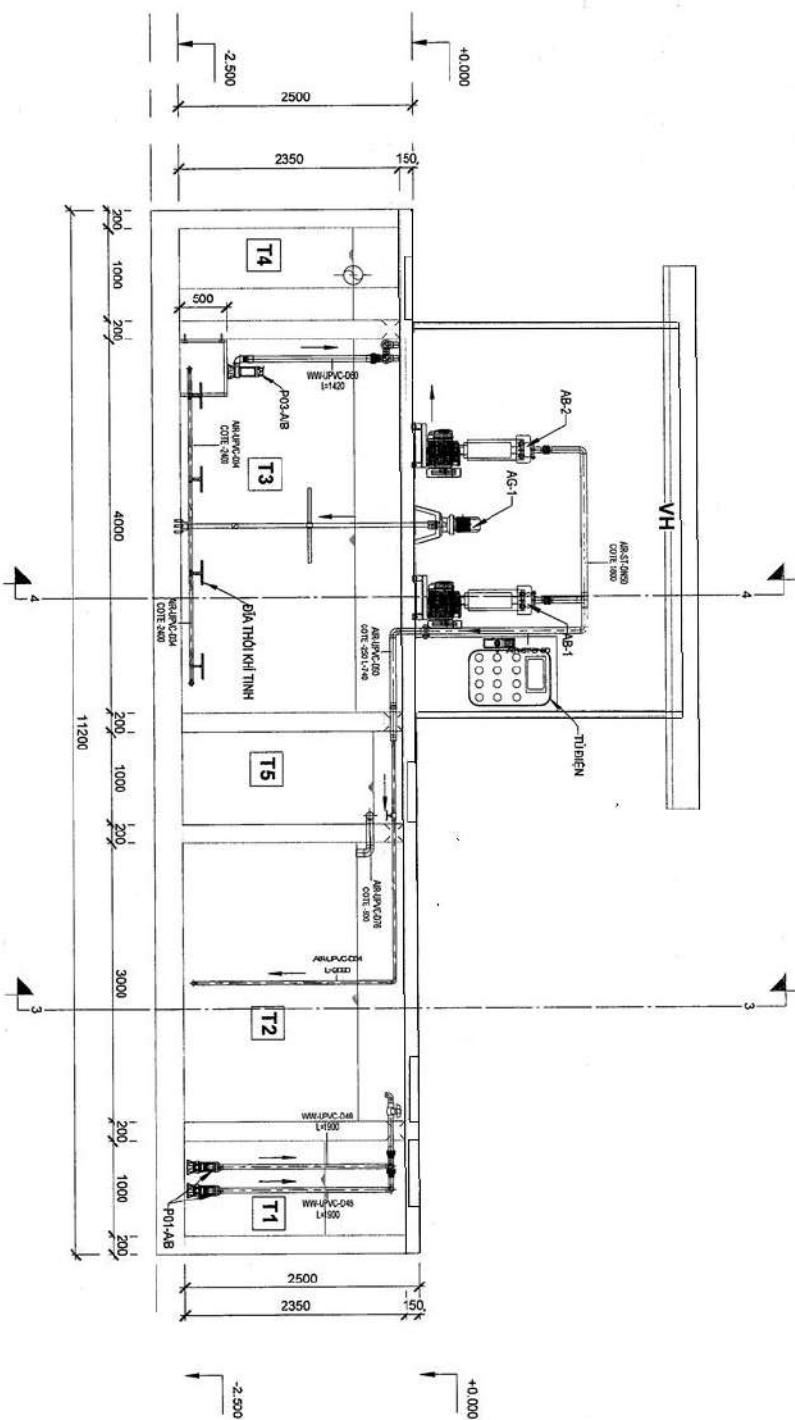
CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIẾN THÀNH

TÊN BẢN VẼ
 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HTXLNT 20M3/NGÀY ĐÊM



TRUNG TÂM KỸ THUẬT NƯỚC MẮT
 478A MÀU THẮN, P. 6, TP. TRÀ VINH

MẶT CẮT 1-1



GHI CHÚ

KÝ HIỆU BÊ	HẠNG MỤC	TÊN THIẾT BỊ
T-1	BÊ GOM	BOM CHÌM NƯỚC THẢI P01-AB
T-2	BÊ ĐIỀU HÒA	BOM CHÌM NƯỚC THẢI P02-AB
T-3	BÊ SBR	BOM CHÌM NƯỚC THẢI P03-AB
T-4	BÊ KHUỖ TRỪNG	CÁNH KHUỖ
T-5	BÊ CHỮA BỤN	
VH	NHÀ VẠN HẠNH	

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
AR-STDN	ỐNG NHỰA LẮT LẪU THÉP-BƯỜNG KÍNH
AR-UPVC-D	ỐNG NHỰA LẮT LẪU UPVC-BƯỜNG KÍNH
CH-UPVC-D	ỐNG HÒA CHẤT LẮT LẪU UPVC-BƯỜNG KÍNH
WS-UPVC-D	ỐNG NƯỚC SẠCH LẮT LẪU UPVC-BƯỜNG KÍNH
WM-UPVC-D	ỐNG NƯỚC THẢI LẮT LẪU UPVC-BƯỜNG KÍNH
SI-UPVC-D	ỐNG BÀN VẶT LẪU UPVC-BƯỜNG KÍNH
COTE-500	CAO ĐỘ TÌM ỚNG SƠ VỚI CAO ĐỘ +0.00(m)

TÊN DỰ ÁN
 XƯỞNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP
 ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN
 ẤP Ồ TƯỜNG A, XÃ CHÂU ĐIỆN, HUYỆN CẦU KÈ,
 TỈNH TRÁI VĨNH

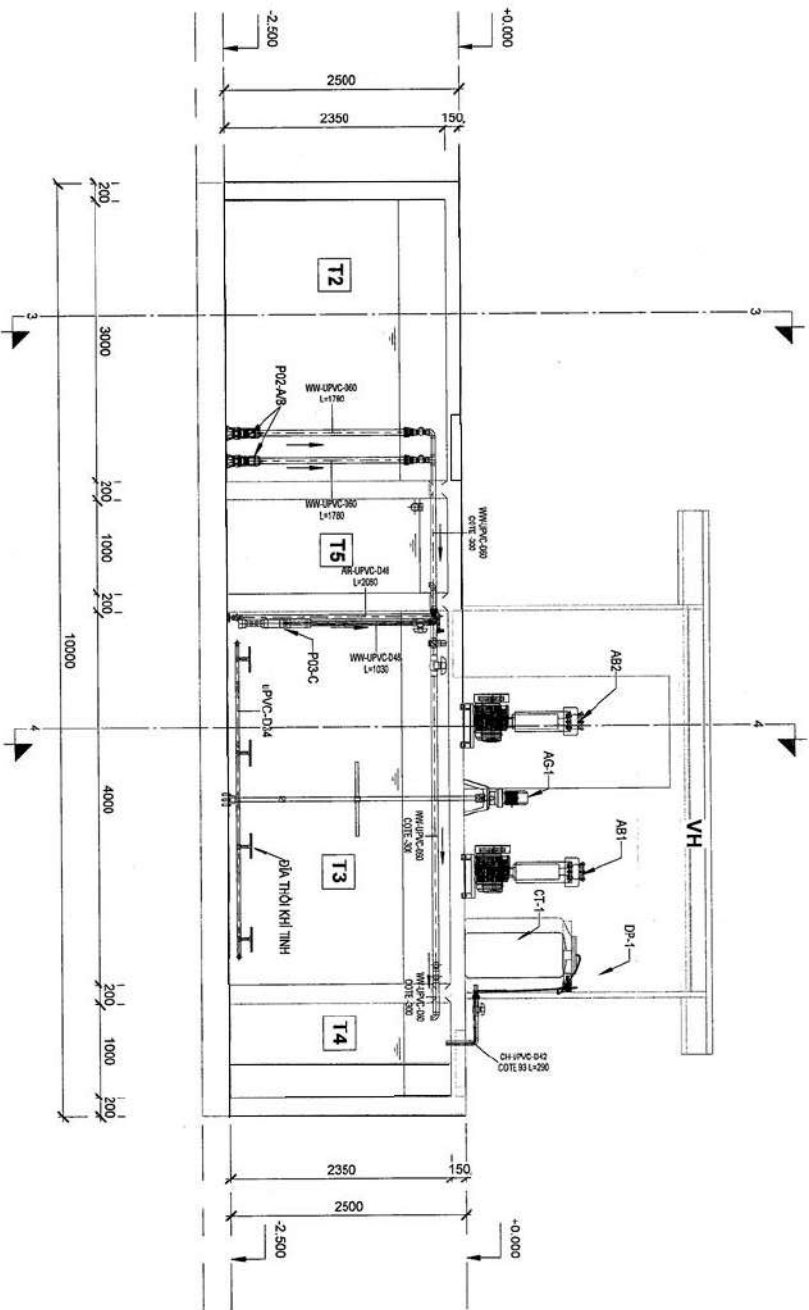
CHỦ DỰ ÁN
 CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIẾN THÀNH

TÊN BẢN VẼ
 MẶT CẮT HTXLNT SINH HOẠT 20M³/NGÀY ĐỀM



TRUNG TÂM KỸ THUẬT NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG MIỀN TRUNG
 478A MÃU THẦN, P.5, TP. TRÁI VĨNH

MẶT CẮT 2-2



GHI CHÚ

KÝ HIỆU BỂ	HẠNG MỨC	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
T-1	BỂ GOM	BƠM CHIM NƯỚC THẢI	AB1-AB2	ÔNG KHAI VẬT LIỆU THỰC DƯNG KINH
T-2	BỂ ĐIỀU HÒA	BƠM CHIM NƯỚC THẢI	P02-AB	ÔNG KHAI VẬT LIỆU UPVC-DƯNG KINH
T-3	BỂ SBR	BƠM CHIM NƯỚC THẢI	P03-ABC	ÔNG NƯỚC SẠCH VẬT LIỆU UPVC-DƯNG KINH
T-4	BỂ KHỬ TRÙNG	CÁNH KHUYA		ÔNG NƯỚC THẢI VẬT LIỆU UPVC-DƯNG KINH
T-5	BỂ CHỨA BÙN			ÔNG BÀN VẬT LIỆU UPVC-DƯNG KINH
VH	NHÀ VẠN HẠNH	MÁY THỜI KHÍ	AB1/2	
		BƠM HỒA CHẤT	CT1	
		MÁY HƯA VAY	AS-1	
		BƠM ĐINH LƯƠNG	DP-1	
		TỦ ĐIỆN		

TÊN DỰ ÁN
XƯƠNG SÀN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN
ẤP Ô TƯỜNG A, XÃ CHÂU ĐIỆN, HUYỆN CẦU KÈ,
TỈNH TRÁI LĨNH

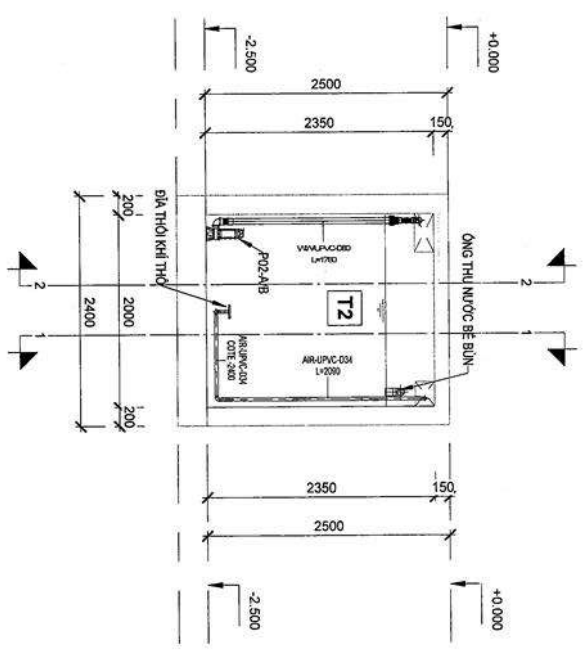
CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIẾN THÀNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT HTXLNT SINH HOẠT 20Mx3NGÀY ĐÊM

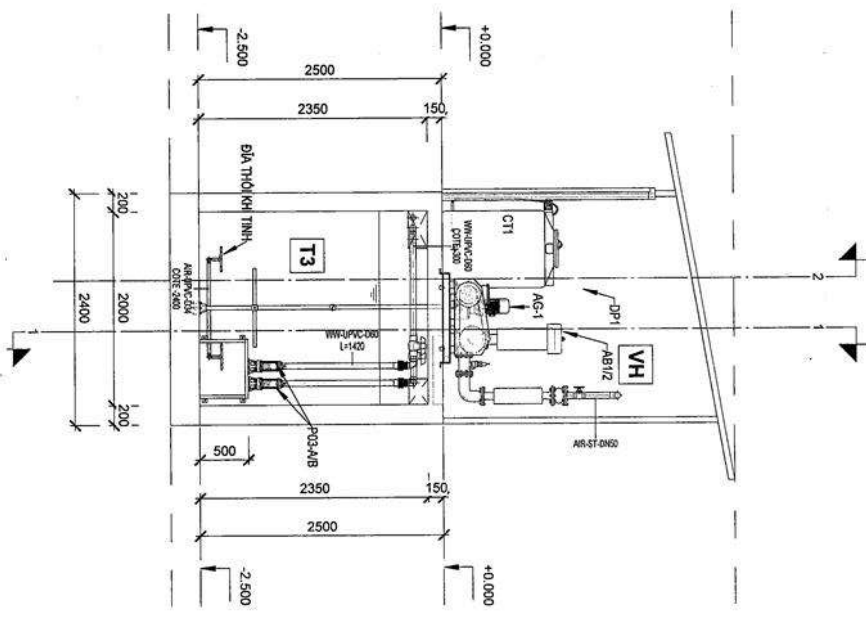


TRÙNG TÂM KỸ THUẬT TNHHMT
478A MẠU THÂN, P.6, TP. TRÁI LĨNH

MẶT CẮT 3-3



MẶT CẮT 4-4



GHI CHÚ

KÝ HIỆU BỂ	HANG MỤC	TÊN THIẾT BỊ	
T-1	BỂ GOM	BOM CHÌM NƯỚC THẢI P01-A/B	
T-2	BỂ ĐIỀU HÒA	BOM CHÌM NƯỚC THẢI P02-A/B	
T-3	BỂ SỈR	BOM CHÌM NƯỚC THẢI P03-A/B/C	
T-4	BỂ KHỬ TRÙNG	CÁNH KHUAY	
T-5	BỂ CHỮA BỤN		
VH	NHÀ VẠN HẠNH	MÁY THỜI KHÍ	AB1/2
		BƠM HÓA CHẤT	CT1
		MÁY KHUAY	AG-1
		BOM ĐỊNH LƯỢNG	DP1
		TỦ ĐIỆN	

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
AR-ST-01	ỐNG KHÍ-VẬT LIỆU UPVC-ĐƯỜNG KINH
AR-UPVC-D	ỐNG KHÍ-VẬT LIỆU UPVC-ĐƯỜNG KINH
CH-UPVC-D	ỐNG HÓA CHẤT-VẬT LIỆU UPVC-ĐƯỜNG KINH
WS-UPVC-D	ỐNG NƯỚC SẠCH-VẬT LIỆU UPVC-ĐƯỜNG KINH
WM-UPVC-D	ỐNG NƯỚC THẢI-VẬT LIỆU UPVC-ĐƯỜNG KINH
SL-UPVC-D	ỐNG BỤN-VẬT LIỆU UPVC-ĐƯỜNG KINH
COTE-500	CAO ĐỘ TÌM ỚNG SƠ VỚI CAO ĐỘ +0,000(mm)

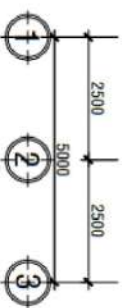
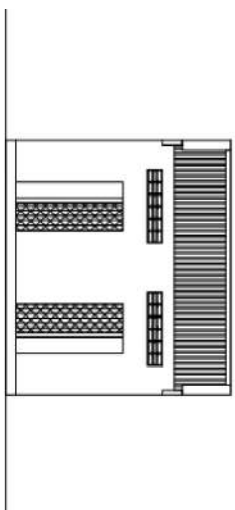
TÊN DỰ ÁN
XƯỞNG SẢN XUẤT INOX GIA DỤNG CHUYÊN NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN
ẤP Ô TÙNG A, XÃ CHÂU ĐIỆN, HUYỆN CẦU KÈ,
TỈNH TRÁI LĨNH

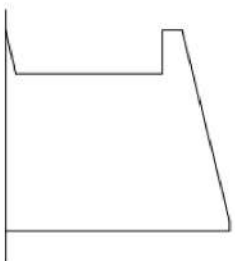
CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH TM SX XNK TIỀN THÀNH

TÊN BẢN VẼ
MẶT CẮT HTX LNT SINH HOẠT 20M3/NGÀY ĐÊM

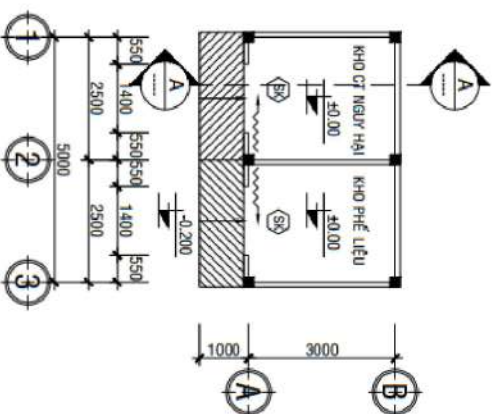
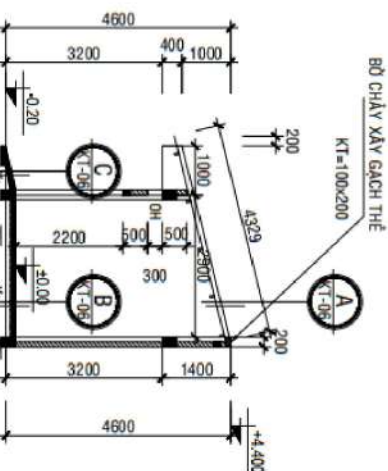




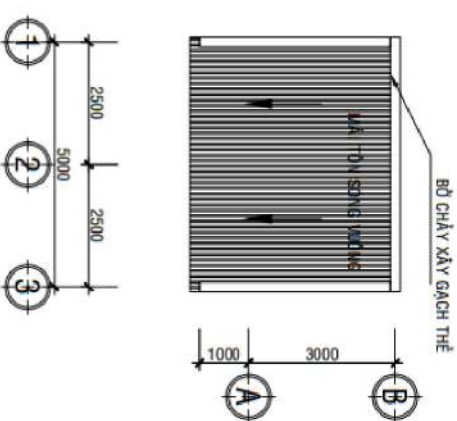
MẶT ĐŨNG CHÍNH - tỉ 1:100



MẶT ĐŨNG BÊN - tỉ 1:100



MẶT BẰNG TRỆT - tỉ 1:100



MẶT BẰNG MÁI - tỉ 1:100

GHI CHÚ CẦU TẠO:

STT	TÊN	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI CẦU TẠO
1	MÁI TOLE		- MÁI LỚP TOLE LẠNH, SÓNG VÒNG - MÀU MÀU ĐÀNG 0.45 LY - ĐƠN TAY THÉP C MÀ KẼM, 100x50x15, DÂY 2 LY, SGK - XÂY TƯỜNG THU HỒI BẰNG GẠCH BÊ TÔNG VỮA XÂY M.75, D.100
2	NỀN TRỆT		- NỀN LỚT GẠCH GRANITE 300X300 - LỚP VỮA XÍM LỚT GẠCH M.75, D.20 - BÊ TÔNG ĐÀ 10X20 M.150, DÀY 80 - LỚP CAO SU CHỐNG MÁT NƯỚC BT - CÁT TÒN NỀN TỬƠI NƯỚC ĐÁM CHẶT (K=0.9) ĐỘ ẨM TỐI ƯU - ĐẤT TỰ NHIÊN SẴU KHÍ SAN LẤP
3	RAM ĐỐC		- BÊ TÔNG ĐÀ 10X20 M.150, DÀY 100 - XOMA MÁT LĂNG NHẢM CHỐNG TRƯỢT. - LỚP CAO SU CHỐNG MÁT NƯỚC BT - CÁT TÒN NỀN TỬƠI NƯỚC ĐÁM CHẶT (K=0.9) ĐỘ ẨM TỐI ƯU - ĐẤT TỰ NHIÊN SẴU KHÍ SAN LẤP

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH TM SX NKK
TIỀN THÀNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CHI CỤC GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG TRÀ VINH



TRUNG TÂM GIÁM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

ĐIA CHỈ: SỐ 226 - TRẦN PHÚ - PHƯỜNG 7 - THÀNH PHỐ TRÀ VINH - TỈNH TRÀ VINH
ĐT: (0294) 868899 (0294) 868898 - Email: trungtamgiamdinh@gmail.com

TÊN CÔNG TRÌNH

XUỐNG SÀN XUẤT INOX GIA DỤNG
CHUYÊN NGHIỆP

ĐỊA ĐIỂM XD: ẤP 0 TÙNG A, XÃ CHÂU ĐIỆN,
HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH.

HẠNG MỤC

NHÀ KHO CTNH VÀ KHO PHÉ LIỆU

TÊN BẢN VẼ

CHỦ TRÌ

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

THIẾT KẾ

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

THỂ HIỆN

KTS. LÊ HÙNG NHƠN

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. HỒ THỊ HỒNG DUYỀN

SỐ HỒ SƠ

THIẾT KẾ SƠ BỘ HOÀN CÔNG

THIẾT KẾ XIN PHÉP XÂY DỰNG HIỆN TRẠNG

THIẾT KẾ BÀN VẼ THI CÔNG HIỆU CHỈNH

SỐ BẢN VẼ	TỶ LỆ	HOÀN THÀNH
TKKT: / 06	1/	05/01 / 2021

Phụ lục 3: Các kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu khảo sát môi trường nền.
- Kết quả quan trắc môi trường 03 đợt khảo sát.

SƠ ĐỒ LẤY MẪU KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN



GHI CHÚ:

K: VỊ TRÍ LẤY MẪU KHÔNG KHÍ BÊN TRONG KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN

M: NƯỚC MẶT KÊNH TUỔI TRÈ TẠİ VỊ TRÍ TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

Google



Số: 22393 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 12, Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 24/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành (ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt kênh Tuổi Trẻ tại vị trí tiếp nhận nước thải của dự án

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5994:1995

Ngày trả kết quả: 13/7/2022

1. Mã số mẫu: 077/22-2 Ký hiệu mẫu: M

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH ⁽¹⁾	-	6,84	TCVN 6492:2011
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	17	SMEWW 5220 C:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	2,1	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,16	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,892	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	0,125	SMEWW 4500 P.E:2017
7	Tổng dầu mỡ ⁽¹⁾	mg/L	0,5	SMEWW 5220B:2017

Số: 22393

/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: pH.
- (1): thông số được VILAS công nhận.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Số: 22994 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 12, Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 27/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành (ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt kênh Tuổi Trẻ tại vị trí tiếp nhận nước thải của dự án

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5994:1995

Ngày trả kết quả: 13/7/2022

1. Mã số mẫu: 077/22-4 Ký hiệu mẫu: M

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH ⁽¹⁾	-	6,92	TCVN 6492:2011
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	18	SMEWW 5220 C:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	2,6	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,09	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,814	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	0,090	SMEWW 4500 P.E:2017
7	Tổng dầu mỡ ⁽¹⁾	mg/L	0,3	SMEWW 5220B:2017

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: pH.
- (1): thông số được VILAS công nhận.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3840 713
E-mail: kttnttv@yahoo.com.vn



Số: 22395 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 12, Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 30/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành (ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt kênh Tuổi Trẻ tại vị trí tiếp nhận nước thải của dự án
Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5994:1995

Ngày trả kết quả: 13/7/2022

1. Mã số mẫu: 077/22-6 Ký hiệu mẫu: M

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	pH ⁽¹⁾	-	6,89	TCVN 6492:2011
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	7	SMEWW 5220 C:2017
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	2,4	TCVN 6001-1:2008
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,26	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
5	NO ₃ ⁻ (tính theo N) ⁽¹⁾	mg/L	0,616	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ E:2017
6	PO ₄ ³⁻ (tính theo P) ⁽¹⁾	mg/L	0,135	SMEWW 4500 P.E:2017
7	Tổng dầu mỡ ⁽¹⁾	mg/L	0,4	SMEWW 5220B:2017

Số: 22395

/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: pH.
- (1): thông số được VILAS công nhận.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Số: 22398 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 12, Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 24/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành (ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí tại khu đất thực hiện dự án

Ngày trả kết quả: 18/7/2022

1. Mã số mẫu: 077/22-1 Ký hiệu mẫu: K

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dBA	50,1	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	mg/m ³	0,212	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,017)	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,006)	TCVN 6137:2009
5	CO ⁽²⁾	mg/m ³	4,855	QTLM:KK01, HD 15 - MT-3.7.2
6	Pb ⁽²⁾	mg/m ³	KPH (LOD=0,13)	NIOSH 7300

Số: 22398

/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- (1): thông số được VILAS công nhận.
- (2): thông số do nhà thầu phụ thực hiện. Hợp đồng phụ với Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ (VIMCERTS 019), kết quả phân tích số 4454/MT/1212A/0622 ngày 07/7/2022 và 4696/MT/1272/0722 ngày 15/7/2022.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Số: 22399 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 12, Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 27/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành (áp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí tại khu đất thực hiện dự án

Ngày trả kết quả: 18/7/2022

1. Mã số mẫu: 077/22-3 Ký hiệu mẫu: K

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dBA	65,7	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	mg/m ³	0,212	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,017)	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	mg/m ³	0,019	TCVN 6137:2009
5	CO ⁽²⁾	mg/m ³	5,092	QTLM:KK01, HD 15 - MT-3.7.2
6	Pb ⁽²⁾	mg/m ³	KPH (LOD=0,13)	NIOSH 7300

Số: 22399

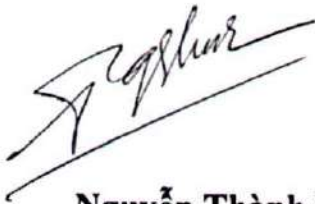
/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- (1): thông số được VILAS công nhận.
- (2): thông số do nhà thầu phụ thực hiện. Hợp đồng phụ với Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ (VIMCERTS 019), kết quả phân tích số 4455/MT/1212A/0622 ngày 07/7/2022 và 4697/MT/1272/0722 ngày 15/7/2022.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Số: 22400 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU TIẾN THÀNH**

Địa chỉ: Số 12, Trương Phước Phan, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 30/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Xuất nhập khẩu Tiến Thành (ấp Ô Tung A, xã Châu Điền, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh)

Số lượng mẫu: 01 mẫu không khí tại khu đất thực hiện dự án

Ngày trả kết quả: 18/7/2022

1. Mã số mẫu: 077/22-5 Ký hiệu mẫu: K

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp lấy mẫu, thử nghiệm
1	Tiếng ồn	dBA	47,3	TCVN 7878-2:2010
2	Bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	mg/m ³	0,129	TCVN 5067:1995
3	SO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,017)	TCVN 5971:1995
4	NO ₂	mg/m ³	KPH (LOD=0,006)	TCVN 6137:2009
5	CO ⁽²⁾	mg/m ³	4,145	QTLM:KK01, HD 15 - MT-3.7.2
6	Pb ⁽²⁾	mg/m ³	KPH (LOD=0,13)	NIOSH 7300

Số: 22400

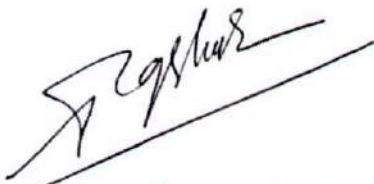
/KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- Thông số đo tại hiện trường: tiếng ồn.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- (1): thông số được VILAS công nhận.
- (2): thông số do nhà thầu phụ thực hiện. Hợp đồng phụ với Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ (VIMCERTS 019), kết quả phân tích số 4698/MT/1272/0722 ngày 15/7/2022.
- Không lưu mẫu.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Gắn sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Gắn cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận
4. Gắn hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 165

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 165

(Cấp lần 2)

Tên tổ chức:

Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường
Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Trụ sở chính: Số 478A đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 478A đường Mậu Thân, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Quyết định số: 3104/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Trần Thị Thu Hiền. Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách

Chứng minh nhân dân số: 334715281

Nơi cấp: Công an tỉnh Trà Vinh

Ngày cấp: 19 tháng 4 năm 2017

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Từ ngày tháng năm 2019

Đến ngày tháng năm 2022

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 04 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 02 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 03 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 16 thông số	Đo tại hiện trường: 5 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 22 thông số	Đo tại hiện trường: 11 thông số

3. Bùn:

Lấy mẫu: 01 thông số

4. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	20 thông số
- Nước dưới đất:	16 thông số
- Nước thải:	16 thông số
- Nước biển:	14 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	06 thông số
- Khí thải:	01 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phải hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)./.

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG

Bùi: Bộ Tài

nguyên và Môi

trường

Email: monre@monre.gov.vn

nguyên và Môi

trường

Ngày ký: 05.12.2019

10:27:10 +07:00





Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN *Certificate of Accreditation*

Phòng thí nghiệm:

**PHÒNG KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

Laboratory:

**OFFICE OF ENVIRONMENT TECHNIQUE
CENTER OF RESOURCES AND ENVIRONMENT TECHNIQUE, TRA VINH PROVINCE**

Địa điểm PTN/ Lab location:

**Số 478A, Mậu Thân, khóm 3, P.6, TP. Trà Vinh
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của**

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA, SINH

Chemical, Biological

Mã số

Accreditation No

VILAS 280

**GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)**



VŨ XUÂN THỦY

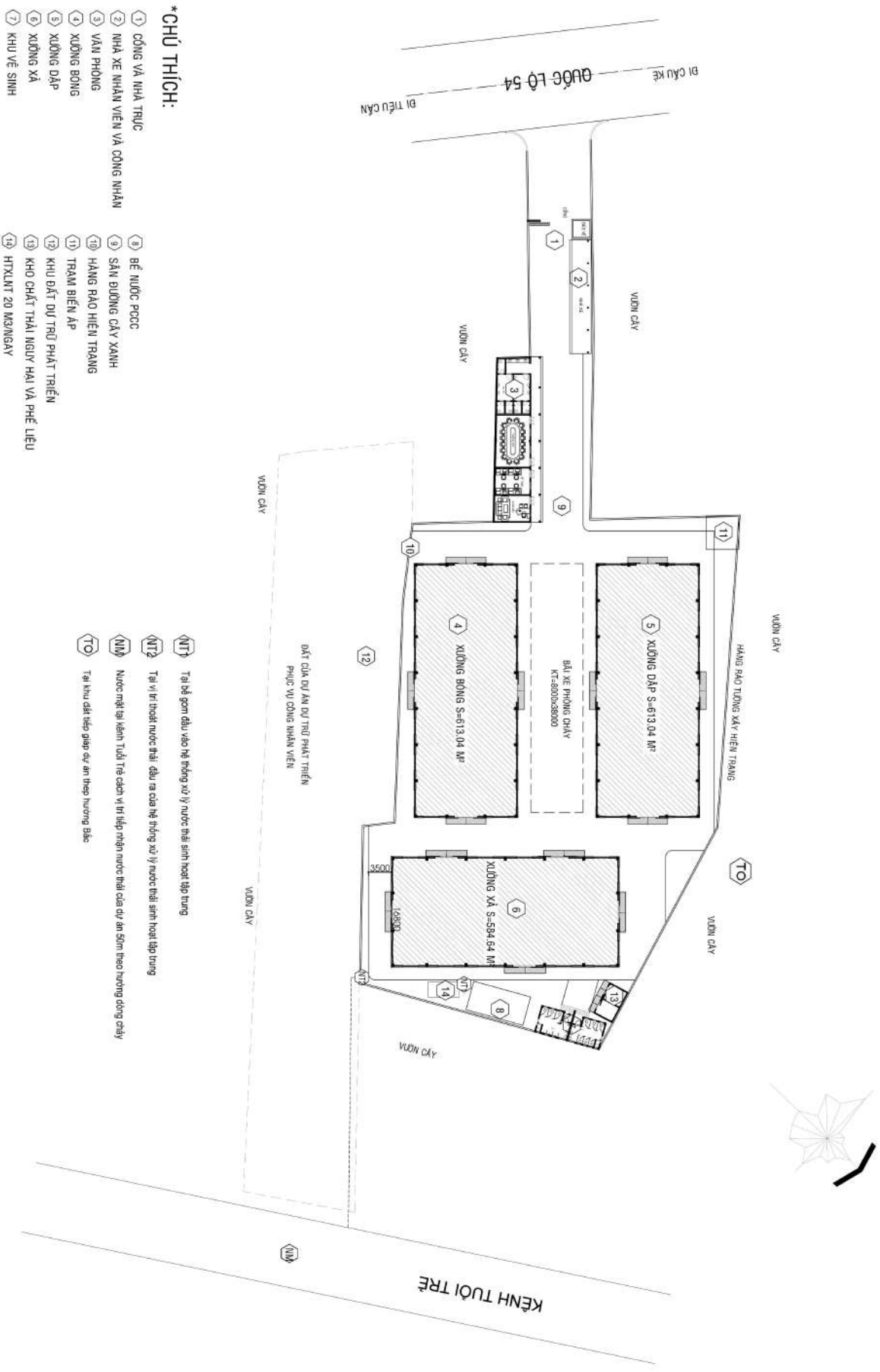
Ngày/ Date of Issue: 14/04/2020 (Annex of decision: 360.2020/QĐ-VPCNCL date 14/04/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 14/04/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 17/10/2007

Phụ lục 4: Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẦY MẪU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG



* CHÚ THÍCH:

- ① CÔNG VÀ NHÀ TRỤC
- ② NHÀ XE NHÂN VIÊN VÀ CÔNG NHÂN
- ③ VƯỜN PHÒNG
- ④ XUỐNG BÔNG
- ⑤ XUỐNG DẬP
- ⑥ XUỐNG XÀ
- ⑦ KHU VẾ SINH
- ⑧ BỂ NƯỚC POCC
- ⑨ SÂN BƯỜNG CÂY XANH
- ⑩ HÀNG PẠO HIỆN TRẠNG
- ⑪ TRÀM BIÊN AP
- ⑫ KHU ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN
- ⑬ KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI VÀ PHÉ LIỆU
- ⑭ HTXLNT 20 MĂNGAY

- NT Tại bể gom dầu vớt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
- NT₂ Tại vị trí thoát nước thải dầu ra cầu hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung
- NT₃ Nước mặt tại kênh Tưới Tê cách vị trí tiếp nhận nước thải của dự án 50m theo hướng dòng chảy
- TO Tại khu đất tiếp giáp dự án theo hướng Bắc